

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1	NGUYỄN VĂN KHÁNH	04/04/2011	6A6	THCS NAM SƠN	9.5	9.0	8.4	45.4	014103
2	HOÀNG VIỆT KIẾN	02/01/2011	6A	THCS LÊ LỢI	9.0	9.0	9.4	45.4	012042
3	NGUYỄN THỊ ĐẠO CHÂN	19/03/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	9.0	9.0	45	004026
4	LÊ THỊ THÙY DƯƠNG	01/06/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	9.0	9.0	8.8	44.8	002078
5	ĐINH NGỌC DIỆP	23/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	8.8	9.0	44.5	004030
6	VŨ HOÀI ANH	20/01/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.3	9.0	10.0	44.5	002040
7	CHU HÒA BÌNH	21/10/2011	6A6	THCS NAM SƠN	9.3	8.5	8.8	44.3	014027
8	NGUYỄN BÙI NAM PHONG	16/11/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	8.5	9.2	44.2	004163
9	ĐỖ GIA BẢO	05/03/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	8.5	8.8	43.8	004025
10	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	15/01/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	8.5	9.0	8.8	43.8	013137
11	ĐOÀN VŨ AN NHIÊN	07/01/2011	6A3	THCS NAM SƠN	8.3	9.0	9.2	43.7	014179
12	NGUYỄN THỊ HIỀN	27/10/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	8.3	9.0	9.2	43.7	013062
13	BÙI THỊ HỒNG VY	06/01/2011	6A1	THCS AN HỒNG	8.5	8.5	9.6	43.6	004244
14	NGUYỄN TRÀ MY	08/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	9.3	7.8	9.4	43.4	009126
15	DƯƠNG QUANG NHẬT	24/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	8.5	9.0	8.2	43.2	004156
16	LƯU BẢO NGỌC	15/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	8.5	9.0	8.2	43.2	003147
17	MAI VŨ HOÀN	01/07/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	9.0	7.0	43	004064
18	PHẠM HÀ ANH	22/04/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	8.0	8.8	42.8	004018
19	VŨ TRẦN QUỐC ĐẠT	29/03/2011	6A2	THCS AN HỒNG	9.0	8.0	8.7	42.7	004046
20	NGUYỄN TIẾN PHÚC	07/12/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	8.0	8.6	42.6	004170
21	ĐOÀN BẢO CHÂU	08/04/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	9.0	8.0	8.5	42.5	016029
22	ĐỖ NGUYỄN HẢI PHONG	16/01/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.3	8.5	9.0	42.5	004162
23	PHẠM THU THỦY	12/05/2011	6D	THCS BẮC SƠN	8.8	8.8	7.3	42.3	006127
24	PHẠM THỊ THÙY LINH	16/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	8.0	9.5	7.2	42.2	007157
25	NGUYỄN LÊ THẢO DUYÊN	29/09/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	8.8	8.5	7.5	42.1	010035
26	NGUYỄN THỊ MAI CHI	22/02/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	8.3	8.5	8.4	41.9	015023
27	NGUYỄN BÙI BÌNH DƯƠNG	17/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	8.3	8.0	9.2	41.7	004041
28	NGUYỄN THÁI HÒA	07/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	8.3	8.5	8.0	41.6	010080
29	LÊ QUANG THỊNH	16/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	8.5	8.3	8.0	41.5	014218
30	TRẦN MINH HẰNG	29/11/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	8.3	8.5	8.0	41.5	013061

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
31	VŨ THỊ HẢI LỘC	24/12/2011	6A2	THCS AN HOÀ	8.0	8.8	8.0	41.5	003123
32	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	08/06/2011	6A5	THCS AN HỒNG	8.0	9.0	7.4	41.4	004192
33	TỪ HOÀNG VÂN	05/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.5	8.5	9.4	41.4	015146
34	ĐỖ NGỌC ANH	25/03/2011	6A	THCS LÊ LỢI	9.0	8.5	6.2	41.2	012002
35	LƯU PHƯƠNG ANH	07/12/2011	6A5	THCS AN HƯNG	9.0	7.8	7.6	41.2	005012
36	NGUYỄN THANH MAI	10/08/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	9.0	7.3	8.6	41.1	002208
37	VŨ NGỌC HÀ	13/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	9.0	7.3	8.6	41.1	003068
38	TRƯƠNG KHÁNH DUY	28/04/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.8	8.0	7.4	41	013032
39	TRƯƠNG THU GIANG	19/10/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	8.5	8.0	8.0	41	008049
40	PHAN KHANG	24/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	9.0	41	001100
41	NGUYỄN HÀ THU	02/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	9.3	8.0	41	015131
42	NGUYỄN THÙY CHI	18/03/2011	6A4	THCS AN HỒNG	9.0	7.8	7.4	40.9	004027
43	NGUYỄN ĐỨC TÀI	04/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.5	7.8	40.8	007263
44	NGUYỄN ÁNH THU	16/06/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	8.5	8.0	7.8	40.8	007284
45	PHẠM ANH ĐỨC	26/01/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	8.5	7.0	9.8	40.8	007080
46	NGUYỄN NGÂN KHÁNH	20/06/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.8	7.5	8.2	40.7	004098
47	NGUYỄN HOÀNG MAI ANH	12/03/2011	6A3	THCS AN HỒNG	9.0	7.5	7.6	40.6	004014
48	HOÀNG KỲ DUYÊN	06/08/2011	6A	THCS LÊ LỢI	8.0	8.5	7.6	40.6	012023
49	HOÀNG VÂN PHÚC	15/03/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.0	8.0	8.6	40.6	013141
50	LÊ PHƯƠNG LINH	19/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	7.8	8.5	8.1	40.6	011092
51	TRẦN THANH TÙNG	17/10/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	9.0	8.3	6.0	40.5	001231
52	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG DUNG	15/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	9.0	8.3	6.0	40.5	001037
53	ĐẶNG VĂN HUỆ	21/03/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	9.0	7.3	8.0	40.5	001087
54	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	30/10/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	8.8	8.0	7.0	40.5	015077
55	BÙI TUYẾT MAI	16/12/2011	6A3	THCS AN HOÀ	8.5	8.5	6.5	40.5	003125
56	NGUYỄN LƯU THANH HÀ	22/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.8	8.0	9.0	40.5	002112
57	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	19/03/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.5	8.8	8.0	40.5	004194
58	LÊ PHƯƠNG VY	31/08/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.0	9.3	8.0	40.5	008166
59	NGUYỄN TRỌNG MINH NHẬT	02/11/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.5	7.4	40.4	007221
60	NGUYỄN CÔNG DŨNG	17/06/2011	6A1	THCS AN HOÀ	8.3	8.8	6.4	40.4	003047

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
61	PHẠM TIẾN LỘC	06/03/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	7.8	9.0	6.8	40.4	010116
62	CAO NGỌC HÀ MY	09/09/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.0	8.5	9.4	40.4	004138
63	VŨ MINH NGỌC	20/06/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.8	8.0	8.8	40.3	002240
64	ĐỖ THỊ MINH HIỀN	26/09/2011	6A6	THCS NAM SƠN	7.0	8.5	9.3	40.3	014073
65	NGUYỄN TRẦN KHÁNH LINH	25/02/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	9.3	6.8	8.2	40.2	009112
66	LÊ PHƯƠNG DUNG	14/05/2011	6A5	THCS AN HƯNG	8.3	7.8	8.0	40.1	005046
67	PHẠM NGUYỄN ĐỨC ANH	21/06/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	7.8	8.5	7.6	40.1	002030
68	BÙI THỊ HIỀN MAI	14/02/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	9.3	8.6	40.1	004127
69	NGUYỄN THẢO VÂN	09/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.0	8.0	40	007338
70	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	06/01/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.3	8.3	7.0	40	002257
71	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	13/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.3	8.3	9.0	40	008159
72	NGUYỄN VĂN VÔ BẮC	17/01/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	8.3	7.5	8.3	39.9	010021
73	HOÀNG MINH QUÂN	04/12/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	9.0	6.8	8.4	39.9	007250
74	LÊ HƯƠNG GIANG	22/03/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.5	9.4	39.9	002107
75	TRẦN MAI PHƯƠNG	15/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.5	8.8	7.4	39.9	007244
76	NGUYỄN HÀ VY	23/11/2011	6A6	THCS NAM SƠN	7.5	7.8	9.4	39.9	014253
77	VŨ THỊ HẢI YẾN	07/02/2011	6C	THCS BẮC SƠN	7.3	8.5	8.3	39.8	006161
78	NGUYỄN THẢO MY	05/05/2011	6C	THCS LÊ LỢI	7.0	9.0	7.8	39.8	012063
79	CÁP PHƯƠNG THẢO	08/01/2011	6A6	THCS NAM SƠN	8.5	8.5	5.8	39.75	014205
80	NGUYỄN TIẾN DŨNG	15/02/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.5	8.3	6.2	39.7	004037
81	NGUYỄN MINH TUẤN	11/11/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	8.3	8.0	7.1	39.6	011175
82	NGUYỄN MINH ANH	04/06/2011	6A3	THCS AN HƯNG	7.0	8.8	8.0	39.6	005017
83	NGUYỄN PHƯƠNG ĐỨC	25/05/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.5	9.0	39.5	002104
84	LƯU HÀ ANH	21/01/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.0	8.5	39.5	016008
85	NGUYỄN HÀ BẢO NGỌC	08/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.5	7.8	9.0	39.5	004151
86	PHẠM QUỲNH ANH	28/09/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.3	8.0	9.0	39.5	007020
87	PHẠM XUÂN MAI	20/04/2011	6B	THCS LÊ LỢI	8.0	8.0	7.4	39.4	012059
88	NGUYỄN NGỌC DIỆP	04/03/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.8	8.8	39.3	016042
89	NGUYỄN MINH KHOA	08/08/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.5	7.5	7.2	39.2	004102
90	PHẠM LÊ ĐỨC HIẾU	02/04/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.0	7.0	9.2	39.2	002129

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
91	LÊ THU TRANG	28/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	7.5	8.5	7.2	39.2	007304
92	NGUYỄN MINH DƯƠNG	11/05/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.5	8.0	8.2	39.2	010037
93	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	25/04/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.8	9.0	7.7	39.2	014031
94	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	05/03/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.0	8.1	39.1	016278
95	NGUYỄN VIỆT QUANG HUY	26/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.3	8.0	8.6	39.1	005087
96	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	11/06/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.8	7.6	39.1	001044
97	PHẠM PHÚ QUÝ	26/10/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	9.0	6.5	8.0	39	016208
98	TRƯƠNG THIẾT LÂM	15/10/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.5	7.0	8.0	39	013099
99	NGUYỄN HƯƠNG LINH	28/09/2011	6A5	THCS AN HƯNG	8.5	6.5	9.0	39	005116
100	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	12/09/2011	6A2	THCS AN HỒNG	8.3	7.8	7.0	39	004021
101	ĐẶNG THỊ THANH THƯ	13/03/2011	6C	THCS BẮC SƠN	8.0	8.3	6.5	39	006128
102	ĐINH GIA SƠN TÙNG	16/06/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	7.0	39	001228
103	VŨ TRẦN BÌNH MINH	05/02/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.5	8.0	39	001133
104	HÀ QUỲNH TRÂM	22/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.5	8.0	39	001222
105	TRẦN THỊ ANH THƯ	12/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.5	9.0	8.0	39	010205
106	NGUYỄN SINH HÙNG	14/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	8.3	7.5	7.4	38.9	011075
107	BÙI THỊ TÚ UYÊN	14/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	8.3	7.5	7.4	38.9	007337
108	NGUYỄN HOÀNG HẢI	05/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	9.0	6.5	7.8	38.8	001066
109	NGUYỄN MINH HIẾU	30/10/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	8.5	7.5	6.8	38.8	016075
110	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	17/09/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.5	6.8	38.8	016179
111	NGUYỄN THỊ NGỌC OANH	02/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.5	9.0	7.8	38.8	003167
112	NGUYỄN HUY VŨ	18/01/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.8	5.2	38.7	007344
113	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	25/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.3	8.5	9.2	38.7	011144
114	NGUYỄN TÙNG KHANG AN	16/11/2011	6A6	THCS AN HƯNG	9.0	7.8	5.0	38.6	005005
115	ĐINH NHẬT HƯỚNG	17/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	8.5	7.5	6.6	38.6	007128
116	NGÔ PHƯƠNG MAI	06/05/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	8.5	7.0	7.6	38.6	002207
117	ĐINH HẢI NAM	10/12/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.0	8.0	6.6	38.6	004142
118	TRẦN MAI PHƯƠNG	01/02/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.8	7.0	7.0	38.5	013144
119	TRƯƠNG THỊ THANH HÀ	01/10/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.3	8.0	6.0	38.5	013055
120	ĐINH THÙY DƯƠNG	10/03/2011	6A6	THCS AN HƯNG	8.3	7.0	8.0	38.5	005051

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
121	NGUYỄN THANH HÀ	21/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	8.0	8.3	6.0	38.5	007086
122	VŨ LAN HƯƠNG	29/01/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.8	8.0	7.0	38.5	008068
123	LÊ NGUYỄN HÀ TRANG	08/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.8	7.5	8.0	38.5	005207
124	ĐOÀN HUY VŨ	10/05/2011	6A5	THCS AN HƯNG	7.3	7.5	9.0	38.5	005231
125	ĐỖ THỊ ANH VÂN	22/05/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.5	8.3	9.0	38.5	008160
126	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	11/10/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.3	8.5	9.0	38.5	008149
127	ĐINH NGỌC ÁNH	16/06/2011	6A5	THCS AN HƯNG	6.3	8.5	9.0	38.5	005029
128	NGUYỄN DUY PHƯỚC	30/08/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.0	6.4	38.4	007245
129	VŨ MINH ANH	05/01/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.5	8.0	5.4	38.4	004020
130	NGUYỄN VŨ THÙY LINH	15/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	8.5	7.5	6.4	38.4	003118
131	NGUYỄN TUẤN QUANG	20/05/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	8.5	7.0	7.4	38.4	007248
132	NGUYỄN CHÍ TUẤN	20/06/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.5	9.4	38.4	001226
133	NGUYỄN HOÀNG HÀ	18/03/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.0	6.8	8.8	38.3	002111
134	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	13/10/2011	6C	THCS BẮC SƠN	6.3	8.8	8.3	38.3	006117
135	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	01/06/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	8.3	7.5	6.6	38.2	010013
136	ĐỖ THỊ TÂM	11/06/2011	6A	THCS LÊ LỢI	8.0	8.5	5.2	38.2	012089
137	PHẠM VIỆT ANH	14/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.5	7.0	9.2	38.2	003015
138	LƯƠNG THÙY DƯƠNG	17/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.3	7.8	8.2	38.2	007057
139	PHẠM PHÚ HẢI	18/09/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.5	7.2	38.2	001067
140	NGUYỄN KHÁNH PHƯƠNG	28/02/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	8.0	8.2	38.2	016199
141	NGUYỄN THỊ TUYẾT LÂM	13/08/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	8.5	8.2	38.2	004115
142	ĐINH HỮU NAM AN	22/12/2010	6A5	THCS NAM SƠN	8.5	7.3	6.6	38.1	014001
143	ĐOÀN MINH KHÔI	15/08/2011	6A2	THCS AN HOÀ	8.0	7.8	6.6	38.1	003103
144	PHẠM QUANG THỌ	23/05/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	8.0	7.3	7.6	38.1	007282
145	NGUYỄN TRÚC NGHĨA	23/04/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	8.0	7.1	38.1	016168
146	CAO THỊ NGỌC ÁNH	28/02/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	7.5	8.6	38.1	009025
147	ĐỖ HUYỀN MY	09/03/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	9.3	5.3	9.0	38	009125
148	PHẠM BÌNH XUÂN LỘC	07/02/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	9.0	7.0	6.0	38	013105
149	NGUYỄN PHÚ ANH	13/11/2011	6A1	THCS AN HỒNG	8.5	7.5	6.0	38	004015
150	LÊ THỊ MAI HUYỀN	18/08/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.5	8.5	6.0	38	003090

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
151	VŨ KHÁNH LY	26/06/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.5	7.5	8.0	38	004126
152	ĐẶNG QUỐC BẢO	16/08/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.0	9.0	38	016020
153	TRẦN THỊ NGUYỆT ANH	01/01/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.0	8.0	8.0	38	013014
154	NGÔ AN KHÔI	25/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	7.0	7.5	9.0	38	010102
155	BÙI LÊ LAN ANH	16/08/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	6.8	8.8	6.8	38	010003
156	ĐẶNG GIA HƯNG	30/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.5	9.0	7.0	38	004086
157	TRẦN PHƯƠNG MAI	15/03/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.5	9.0	7.0	38	008091
158	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	21/09/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	8.5	8.0	38	009160
159	ĐỖ THỊ HÀ VI	02/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.5	9.0	9.0	38	008161
160	HOÀNG LÊ DƯƠNG	27/10/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.8	8.0	6.4	37.9	015034
161	NGUYỄN THU HUYỀN	15/06/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.0	8.9	37.9	016096
162	BÙI ANH THƯ	10/08/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	8.0	7.9	37.9	004208
163	HÀ NGỌC THANH TÂM	07/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.5	6.0	8.8	37.8	002277
164	NGUYỄN MAI TRANG	24/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	8.0	8.0	5.8	37.8	004219
165	TRẦN ĐỨC HÙNG	04/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	8.0	8.0	5.8	37.8	004084
166	ĐỒNG ĐỨC THÀNH	14/05/2011	6A	THCS LÊ LỢI	8.0	7.0	7.8	37.8	012092
167	VŨ CÔNG TRƯỜNG	28/03/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	8.0	7.0	7.8	37.8	016266
168	TRẦN DUY PHONG	25/09/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	7.3	8.3	6.8	37.8	002251
169	ĐÀO VIỆT HÙNG	11/04/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.0	8.5	6.8	37.8	007118
170	NGUYỄN PHẠM DIỆU LINH	26/06/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.0	8.0	7.8	37.8	002193
171	NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.8	9.0	6.3	37.8	010067
172	BÙI PHƯƠNG LY	22/04/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.0	9.0	7.8	37.8	007165
173	LÊ QUỲNH ANH	17/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	8.0	6.5	8.7	37.7	010005
174	ĐỖ NHƯ QUỲNH	16/06/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.5	8.5	5.7	37.7	004181
175	TẠ NGỌC KHÁNH VÂN	27/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.0	8.7	37.7	016280
176	LÊ VĂN ANH NGỌC	09/08/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.3	8.0	7.2	37.7	013124
177	NGUYỄN BÁ DŨNG	16/05/2011	6A4	THCS AN HƯNG	7.3	7.3	8.6	37.7	005050
178	NGUYỄN TRÂM ANH	18/09/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	8.5	6.5	7.6	37.6	011008
179	TRẦN ĐÌNH DŨNG	17/08/2011	6A	THCS LÊ LỢI	8.0	7.5	6.6	37.6	012024
180	VŨ QUỐC ĐẠT	23/04/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.8	8.0	6.0	37.6	013046

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
181	NGUYỄN BÌNH MINH	20/07/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.5	8.5	5.6	37.6	012060
182	NGUYỄN BẢO MINH	09/04/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.5	8.5	5.6	37.6	010129
183	PHẠM THỊ YẾN NHI	23/07/2011	6D	THCS BẮC SƠN	7.5	8.2	6.2	37.6	006101
184	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	30/04/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.5	8.0	6.6	37.6	012039
185	LẠI SINH HÙNG	04/08/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	9.0	5.6	37.6	004080
186	HOÀNG THỊ HUYỀN	14/02/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.3	8.5	8.1	37.6	014087
187	ĐỖ THÙY DƯƠNG	26/04/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.8	8.5	9.1	37.6	014045
188	NGUYỄN THANH HẢI	28/04/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.3	7.5	6.0	37.5	013056
189	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	05/03/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.3	7.0	7.0	37.5	013143
190	ĐỖ THỊ VÂN NHI	30/05/2011	6C	THCS BẮC SƠN	8.0	7.8	6.0	37.5	006099
191	NGUYỄN QUANG MINH	02/11/2010	6H	THCS AN ĐỒNG	8.0	7.3	7.0	37.5	001132
192	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	13/04/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.8	7.0	8.0	37.5	004022
193	NGUYỄN LÊ THU NGÂN	28/02/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.7	7.5	7.1	37.5	016167
194	VŨ MẠNH HẢI	21/12/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.0	8.0	7.5	37.5	010056
195	VŨ NGỌC MINH PHƯƠNG	20/09/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.8	8.0	8.0	37.5	014193
196	NGUYỄN HUYỀN TRANG	17/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.8	7.5	9.0	37.5	008141
197	TRƯƠNG ANH ĐỨC	25/05/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.5	8.8	7.0	37.5	003063
198	VŨ THỊ THÚY NGÂN	28/01/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.5	8.8	7.0	37.5	003144
199	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	10/03/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.0	5.4	37.4	007231
200	NGUYỄN VĂN TOÀN	21/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	8.3	7.8	5.4	37.4	003216
201	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	14/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	8.3	7.3	6.4	37.4	011007
202	ĐINH QUỐC KHÁNH	01/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	8.0	6.0	9.4	37.4	009091
203	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	09/12/2011	6A6	THCS AN HỒNG	7.0	8.5	6.4	37.4	004222
204	DOÃN YẾN PHƯƠNG	09/04/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	8.5	7.4	37.4	004171
205	ĐINH VĂN ĐOÀN	15/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	6.3	8.5	7.9	37.4	006037
206	VŨ LÊ GIA NHI	06/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	8.3	8.4	37.4	009151
207	PHẠM PHƯƠNG HÀ LINH	04/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.8	8.3	9.4	37.4	002196
208	NGUYỄN TRUNG HIẾU	06/02/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	7.5	9.0	4.3	37.3	010066
209	NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN	04/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	8.0	7.3	6.7	37.2	014240
210	NGUYỄN TẤN TÀI	19/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.5	7.5	7.2	37.2	007264

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
211	ĐẶNG HẢI NAM	15/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.5	7.5	7.2	37.2	007193
212	LÊ THANH THẢO	11/04/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	7.0	8.0	7.2	37.2	002286
213	PHẠM THỊ TUỒNG NHƯ	15/10/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.8	8.5	6.7	37.2	010161
214	NGUYỄN DIỆU THU	19/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.5	9.0	6.2	37.2	004202
215	BÙI PHÚ QUANG	16/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	7.8	7.5	6.6	37.1	003176
216	LÊ QUANG THỊNH	12/11/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.5	7.3	7.6	37.1	007281
217	VŨ QUANG HUY	28/09/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.3	7.5	7.5	37.1	013077
218	NGÔ QUỲNH ANH	10/03/2011	6A4	THCS AN HƯNG	7.3	8.8	5.0	37.1	005014
219	LƯU MINH TÀI	05/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.8	8.5	6.6	37.1	003187
220	PHẠM THỊ THANH TRÚC	05/05/2011	6A6	THCS AN HỒNG	8.5	7.5	5.0	37	004230
221	PHẠM THU HÀ	27/10/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	8.5	7.5	5.0	37	013054
222	LÊ THIÊN TRƯỜNG	29/05/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	8.3	7.3	6.0	37	002318
223	PHẠM THỊ MINH NGỌC	02/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	8.0	7.0	7.0	37	007213
224	TRẦN NHÂN ĐỨC	25/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.5	6.0	37	001058
225	TÔ PHƯƠNG VY	10/03/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	7.0	37	001243
226	NGUYỄN THỊ NGỌC KIỀU	06/04/2011	6A3	THCS AN HOÀ	7.0	8.0	7.0	37	003104
227	VŨ NGỌC HÂN	03/07/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.0	9.0	37	007088
228	NGÔ THỊ XUÂN MAI	05/02/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.8	8.8	6.0	37	003128
229	ĐỖ NGỌC LY	29/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.3	8.8	7.0	37	008089
230	VŨ THỊ NGỌC MAI	19/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.0	9.0	7.0	37	003131
231	LÊ BẢO ANH	11/05/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	9.0	37	001007
232	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	24/12/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.3	6.5	7.4	36.9	004042
233	TRẦN VĂN LINH	14/02/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.8	8.0	5.4	36.9	013103
234	VŨ BÌNH NGUYỄN	02/03/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	7.5	7.0	7.9	36.9	010151
235	NGUYỄN PHƯƠNG VY	28/01/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.3	6.4	36.9	001239
236	BÙI KHÁNH LINH	04/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	7.8	9.4	36.9	009105
237	LƯU KHÁNH NGỌC	26/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	8.0	6.5	7.8	36.8	003148
238	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	20/09/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	7.5	7.8	36.8	012093
239	BÙI PHƯƠNG MAI	27/09/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.5	7.8	36.8	016145
240	BÙI THỊ ĐỨC HẠNH	13/06/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.3	8.8	6.8	36.8	003071

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
241	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	28/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.8	9.3	6.8	36.8	007059
242	BÙI QUỐC HUY	02/06/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	8.5	7.3	5.2	36.7	007110
243	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	23/09/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.3	7.7	36.7	002062
244	MAI QUANG MINH	06/05/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.8	8.0	5.2	36.7	013112
245	NGUYỄN ĐỨC BẢO	15/08/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	7.0	8.2	36.7	015017
246	PHẠM VĂN AN	28/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	7.0	8.2	36.7	009003
247	VŨ THỊ HẢI YẾN	18/12/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.3	6.2	36.7	001245
248	CAO NGỌC PHƯƠNG LINH	23/08/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.0	9.2	36.7	002181
249	LÊ PHƯƠNG THẢO	22/03/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	9.3	6.2	36.7	003195
250	PHẠM MINH QUANG	05/10/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	8.0	8.0	4.6	36.6	001180
251	NGUYỄN NGỌC MINH	16/07/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	7.5	7.8	6.1	36.6	010133
252	BÙI DIỆU MY	12/07/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.5	7.0	7.6	36.6	004137
253	VŨ GIA HUY	28/11/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	7.3	8.5	5.1	36.6	011072
254	NGUYỄN MINH VŨ	14/04/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	8.0	6.6	36.6	012109
255	NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	8.0	6.6	36.6	004062
256	NGUYỄN TẤN SANG	23/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	7.0	7.0	8.6	36.6	015125
257	NGUYỄN ANH HUY	28/12/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	6.3	9.0	6.0	36.6	010082
258	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	20/07/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	8.0	5.8	9.0	36.5	015155
259	NGUYỄN THẢO LINH	23/04/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.3	7.0	8.0	36.5	005117
260	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	23/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	7.3	6.5	9.0	36.5	011145
261	NGUYỄN TRÀ MY	01/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	6.3	8.5	7.0	36.5	015093
262	PHẠM ĐỨC KIÊN	15/11/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.3	8.0	8.0	36.5	002176
263	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/02/2011	6A2	THCS AN HỒNG	5.5	8.8	8.0	36.5	004193
264	VŨ NGỌC TRÂM	05/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.8	7.8	5.4	36.4	007322
265	NGUYỄN TIẾN HÙNG	26/06/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	8.4	36.4	004083
266	PHẠM THANH HÂN	29/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	6.0	9.0	6.4	36.4	007087
267	PHẠM THỊ LINH	06/03/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	8.0	6.3	36.3	004121
268	MAI THỊ THU MINH	15/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.8	7.0	8.8	36.3	009120
269	ĐỖ THU THUỶ	15/01/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	7.8	8.8	36.3	009187
270	LÊ THỊ HIỀN ANH	24/01/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.8	8.5	7.8	36.3	006007

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
271	NGUYỄN NHẬT QUÂN	04/06/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	9.0	7.0	4.2	36.2	007255
272	TRẦN SỸ HÙNG	12/01/2011	6A4	THCS AN HỒNG	8.0	8.0	4.2	36.2	004085
273	NGÔ THỊ THÙY LINH	09/08/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	8.0	7.5	5.2	36.2	013101
274	NGUYỄN VĂN TRUNG DŨNG	01/09/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.5	9.7	36.2	002073
275	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	26/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	7.3	7.3	7.2	36.2	003175
276	HOÀNG VĨNH LONG	15/11/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	7.3	6.3	9.2	36.2	009116
277	NGUYỄN HỮU CHÍ CÔNG	07/12/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	9.0	4.2	36.2	004028
278	NGUYỄN DIỆU LINH	20/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.0	8.0	6.2	36.2	016128
279	NGÔ MINH KHUÊ	24/11/2011	6A4	THCS AN HỒNG	7.0	7.8	6.7	36.2	004105
280	NGUYỄN QUỐC VIỆT	15/09/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	6.8	7.0	8.6	36.2	010240
281	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	11/06/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.8	8.3	6.2	36.2	003129
282	NGUYỄN THANH THỦY	16/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.8	8.3	6.2	36.2	003209
283	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	06/12/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.8	7.2	36.2	002301
284	NGÔ VŨ BẢO NGỌC	15/10/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.5	8.0	7.2	36.2	003150
285	VŨ HIỂU MINH	25/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.0	8.5	7.2	36.2	004136
286	NGUYỄN VŨƠNG HUY	30/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	8.5	7.2	36.2	015063
287	NGÔ HÀ LINH	06/01/2011	6A3	THCS NAM SƠN	6.0	8.0	8.2	36.2	014121
288	PHẠM THANH THANH	27/05/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	8.0	6.5	7.1	36.1	016217
289	ĐỖ VŨ MẠNH TIẾN	16/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	7.8	7.0	6.6	36.1	002303
290	NGÔ THỊ THÙY LINH	30/08/2011	6A3	THCS AN HOÀ	7.0	7.8	6.6	36.1	003116
291	ĐÀO HỒNG VÂN	30/10/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	8.5	7.1	36.1	016275
292	NGÔ ĐỨC THỊNH	19/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.0	8.3	7.6	36.1	003206
293	VŨ THẢO NGỌC	05/03/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.5	8.8	7.6	36.1	003153
294	PHẠM KHÁNH LY	29/09/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.5	8.5	8.1	36.1	014133
295	PHẠM MINH KHANG	05/11/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	9.0	6.0	6.0	36	001101
296	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	14/12/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	7.5	8.0	5.0	36	013102
297	NGUYỄN THU HUYỀN	26/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.5	8.0	5.0	36	007117
298	PHẠM THỊ PHƯỢNG	04/12/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	7.5	7.5	6.0	36	007246
299	LÊ CÔNG ĐỨC ANH	31/12/2011	6D	THCS BẮC SƠN	7.3	7.5	6.5	36	006004
300	NGUYỄN BẢO LÂM	01/09/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.5	5.0	36	001112

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
301	HOÀNG PHƯƠNG HẠNH	21/07/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	6.0	36	001068
302	TRẦN DƯƠNG HẢI LÂM	28/11/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	6.0	36	001114
303	ĐỖ PHƯƠNG MY	16/06/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.5	7.0	36	001134
304	VŨ MAI THANH NGỌC	16/08/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.5	7.0	36	007215
305	VŨ VĂN HOÀNG BẢO	04/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.0	7.5	7.0	36	003026
306	LÊ PHƯƠNG THÙY	30/03/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.5	8.8	5.5	36	004204
307	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	12/12/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.0	9.0	6.0	36	010052
308	NGUYỄN THỊ MINH HÀ	21/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.0	7.5	9.0	36	002114
309	VŨ THỊ THANH HIỀN	06/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.5	8.5	8.0	36	006049
310	DƯƠNG HẢI MINH	08/04/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.5	8.0	9.0	36	015084
311	NGÔ KHÁNH CHI	03/11/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.5	8.0	9.0	36	010027
312	TRƯƠNG NGỌC THANH	15/03/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	8.0	5.9	35.9	004190
313	BÙI GIA PHÚC	14/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	7.0	7.8	6.4	35.9	014188
314	TRƯƠNG HIỀN MAI	19/07/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.8	7.5	7.4	35.9	007174
315	NGUYỄN HẢI BÌNH	09/01/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.0	8.0	7.9	35.9	010022
316	NGÔ CHẤN KHANG	26/02/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.5	8.8	7.4	35.9	003099
317	HÀ ĐỨC KHÁNH	19/07/2011	6A3	THCS AN HỒNG	8.5	6.0	6.8	35.8	004096
318	LÊ THANH QUÂN	07/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	8.0	6.5	6.8	35.8	007251
319	LƯU HIỀN THƯ	10/05/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.0	8.0	5.8	35.8	003210
320	ĐÀO TUYẾT MAI	31/01/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.0	7.5	6.8	35.8	002204
321	LƯU QUỐC CƯỜNG	18/01/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.5	6.8	35.8	016041
322	VŨ UYÊN LINH	12/04/2011	6A6	THCS NAM SƠN	7.0	7.5	6.8	35.8	014127
323	VŨ MINH PHÚC	17/10/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	7.0	6.5	8.8	35.8	010171
324	TRẦN VĂN HINH	21/10/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.5	9.0	4.8	35.8	010070
325	ĐÀO NGUYỄN HÀ ANH	24/01/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.5	8.0	6.8	35.8	007006
326	ĐỖ TUỆ MINH	03/06/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.3	8.0	7.3	35.8	014141
327	VŨ MAI ANH	30/08/2011	6C	THCS BẮC SƠN	6.3	7.5	8.3	35.8	006016
328	PHẠM MINH NGỌC	20/09/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.3	7.3	8.8	35.8	002236
329	PHẠM QUANG HIẾU	01/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	8.0	8.8	35.8	009076
330	LÊ VĂN TIẾN MẠNH	27/11/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.8	8.0	4.2	35.7	013110

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
331	ĐỖ NGỌC DIỆP	26/11/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.5	5.7	35.7	002064
332	NGÔ NGỌC ÁNH	23/03/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.0	8.5	6.7	35.7	010016
333	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	26/04/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	6.6	35.6	004250
334	NGUYỄN MINH HÀ	17/03/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	6.0	9.0	5.6	35.6	001062
335	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	23/04/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	8.0	7.6	35.6	012102
336	ĐẶNG QUỲNH BẢO AN	18/10/2011	6A3	THCS AN HƯNG	5.5	8.3	8.0	35.6	005002
337	ĐOÀN THU TRANG	12/06/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.5	8.6	35.6	010210
338	HOÀNG MAI ANH	10/01/2011	6A4	THCS AN HƯNG	8.3	6.5	6.0	35.5	005009
339	NGUYỄN THANH THẢO	03/05/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.0	8.3	5.0	35.5	015127
340	NGÔ YẾN TRANG	20/05/2011	6A2	THCS NAM SƠN	6.8	8.0	6.0	35.5	014226
341	LƯU THỊ NGỌC MAI	23/06/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.5	7.8	7.0	35.5	003127
342	NGUYỄN NGỌC ÁNH	25/06/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.3	7.5	8.0	35.5	005031
343	VŨ VĂN AN	11/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.8	9.0	6.0	35.5	008003
344	PHẠM THỊ MINH THƯ	13/07/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.8	7.5	9.0	35.5	008137
345	ĐOÀN HẢI NAM	25/07/2011	6A2	THCS AN HƯNG	8.3	6.3	6.3	35.4	005136
346	NGUYỄN THỊ THU	07/05/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	8.0	6.5	6.4	35.4	002298
347	NGUYỄN THIÊN PHONG	06/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	7.5	7.3	5.9	35.4	002250
348	PHẠM KHÁNH NGÂN	19/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	7.3	8.3	4.4	35.4	006093
349	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	16/03/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	8.0	5.4	35.4	012072
350	HOÀNG NGỌC THẢO	11/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.5	8.4	35.4	016222
351	PHẠM HỒNG GIANG	20/11/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.5	8.0	6.4	35.4	011048
352	NGUYỄN GIA HUY	11/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.0	8.0	7.4	35.4	004076
353	NGUYỄN DUY DƯƠNG	12/09/2011	6A3	THCS NAM SƠN	7.0	7.8	5.8	35.3	014046
354	NGUYỄN ÁI LINH	19/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	7.0	7.3	6.8	35.3	014122
355	PHẠM NHƯ QUỲNH	15/09/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.8	7.5	6.8	35.3	003185
356	ĐÌNH QUỲNH HƯƠNG	22/11/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	7.3	7.8	35.3	004089
357	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	17/02/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.3	9.8	35.3	016023
358	NGUYỄN THỊ MINH THU	11/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.0	8.8	5.8	35.3	004203
359	LÊ VĂN ĐỊNH	28/06/2011	6D	THCS BẮC SƠN	6.0	8.0	7.3	35.3	006038
360	NGÔ NHẬT ANH	11/01/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.8	8.5	6.8	35.3	003007

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
361	LÊ VIỆT HÀ	19/04/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.0	9.5	6.3	35.3	010053
362	ĐOÀN PHÚ QUÝ	30/05/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	8.5	7.5	3.2	35.2	010187
363	ĐẶNG KHÁNH DUY	30/01/2011	6A6	THCS NAM SƠN	8.3	6.5	5.7	35.2	014042
364	LÊ BẢO LINH	04/07/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	7.8	5.3	9.2	35.2	009107
365	NGUYỄN THÀNH TRUNG	10/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.5	7.0	6.2	35.2	016258
366	LƯU THỊ MAI	15/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.0	7.5	6.2	35.2	003126
367	NGUYỄN NGỌC HÀ GIANG	10/09/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	6.2	35.2	004053
368	PHÙNG THỊ PHƯƠNG NGA	29/12/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	6.5	7.5	7.2	35.2	002231
369	VŨ THỊ LIỄU	16/10/2011	6C	THCS BẮC SƠN	6.3	8.5	5.7	35.2	006069
370	LƯƠNG SỸ HIẾU	11/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	8.0	8.2	35.2	004060
371	KIỀU HUYỀN NHI	25/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	8.0	6.8	5.6	35.1	007225
372	BÙI THỊ THÚY HƯỜNG	25/06/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.8	6.5	6.6	35.1	007127
373	NGUYỄN KHÁNH LY	14/03/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.5	7.5	5.1	35.1	004125
374	LÊ ÁI NGUYỄN	28/01/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.8	7.0	7.6	35.1	004155
375	NGUYỄN THỊ HỒNG LINH	06/05/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.5	7.8	6.6	35.1	010109
376	LƯƠNG KIM HIẾU	27/05/2011	6A4	THCS AN HƯNG	6.3	7.0	8.6	35.1	005077
377	NGUYỄN HẢI LINH	21/06/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.8	8.0	7.6	35.1	014123
378	PHẠM QUỲNH TRÂM	15/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	8.0	7.0	5.0	35	007320
379	TRẦN ĐÌNH TUẤN KIỆT	19/07/2011	6B	THCS LÊ LỢI	8.0	7.0	5.0	35	012043
380	PHÙNG TUỆ NGỌC	14/01/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	8.0	6.5	6.0	35	001155
381	TRẦN THỊ MINH HẰNG	09/12/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.5	7.5	5.0	35	015050
382	VŨ THỊ NHƯ NGUYỄN	29/03/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	5.0	35	001160
383	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	03/08/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.0	8.0	5.0	35	013071
384	ĐÀO ĐỨC ANH	07/11/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.5	6.0	35	001002
385	BÙI THỊ THU HÀ	30/11/2011	6C	THCS LÊ LỢI	7.0	7.5	6.0	35	012030
386	TRẦN THỊ THƯ	03/02/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.5	6.0	35	007294
387	NGUYỄN MINH TÙNG	17/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	7.0	35	004237
388	TRẦN DUY LÂM	20/04/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.0	7.0	35	001113
389	PHẠM THỊ HIỀN TRANG	28/06/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	8.0	6.0	35	016253
390	TRẦN THÙY GIANG	12/04/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.5	7.5	7.0	35	011050

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
391	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	18/07/2011	6C	THCS LÊ LỢI	6.0	8.5	6.0	35	012019
392	NGUYỄN HOÀNG THỊNH	16/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.0	8.0	7.0	35	004201
393	NGÔ BẢO LÂM	13/06/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	8.0	7.0	35	003107
394	ĐỖ ĐOÀN ĐĂNG KHOA	23/04/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	6.0	8.0	7.0	35	015071
395	VŨ THỊ THANH MAI	14/12/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	7.5	8.0	35	003132
396	ĐỖ THỊ TRÂM ANH	02/05/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.5	8.5	7.0	35	014004
397	PHẠM QUỲNH CHI	17/03/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	9.3	7.0	35	008020
398	VŨ TRÀ MY	01/04/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	8.3	9.0	35	009129
399	NGUYỄN VŨ THẢO VY	03/02/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	7.0	7.3	6.4	34.9	001242
400	NGUYỄN MẠNH HÙNG	21/05/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	6.8	8.0	5.4	34.9	015064
401	NGUYỄN CÁT THẢO TIỀN	27/03/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	6.8	7.0	7.4	34.9	007295
402	NGUYỄN HÀ MY	06/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.0	5.9	34.9	010134
403	ĐỒNG THỊ KHÁNH LINH	26/03/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.5	7.3	7.4	34.9	003111
404	NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/08/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	6.0	7.8	7.4	34.9	007307
405	LÊ ÍCH TUẤN KIỆT	23/06/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	7.5	6.8	6.2	34.8	011088
406	MAI THANH GIANG	05/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.8	7.8	3.8	34.8	007082
407	NGUYỄN HOÀNG THANH TRÀ	09/04/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.5	5.8	34.8	007317
408	BÙI VŨ MINH CHÂU	25/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	7.0	7.5	5.8	34.8	014029
409	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	26/11/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	8.5	5.8	34.8	012068
410	ĐỖ THỊ MINH TÂM	21/01/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.0	8.0	6.8	34.8	010192
411	VŨ THANH LAM	27/01/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.0	8.0	6.8	34.8	005108
412	TRẦN THỊ THUỶ TRANG	12/02/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.0	6.8	9.3	34.8	014231
413	NGUYỄN THU PHƯỚC	26/05/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	5.5	8.0	7.8	34.8	016200
414	NGUYỄN TIẾN NGHĨA	28/04/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	7.5	8.8	34.8	004150
415	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	12/04/2011	6A4	THCS NAM SƠN	8.5	6.5	4.7	34.7	014168
416	TRẦN THỊ HƯƠNG	08/09/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	7.8	6.2	34.7	004091
417	PHAN HOÀNG GIA BẢO	26/11/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.3	7.3	7.7	34.7	014025
418	DƯƠNG KHÁNH LINH	31/05/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.0	7.8	7.2	34.7	004117
419	TRẦN THỊ MAI TRANG	07/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.8	7.8	7.6	34.7	011168
420	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	24/02/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	8.0	8.2	34.7	009114

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
421	LÊ THỊ THANH HUYỀN	23/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.0	8.0	8.7	34.7	016095
422	NGUYỄN BẢO NAM	11/02/2011	6A4	THCS AN HOÀ	7.3	6.3	7.6	34.6	003140
423	TÔ BẢO AN	02/10/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	7.5	5.6	34.6	012001
424	VŨ THỊ THANH TRÚC	11/12/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.0	6.6	34.6	016264
425	PHẠM VĂN DƯƠNG	13/06/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	6.8	8.0	5.0	34.6	013041
426	NGUYỄN MINH TUẤN	07/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	5.6	34.6	004233
427	NGUYỄN MINH HƯƠNG	28/02/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	8.0	6.6	34.6	012040
428	VŨ THỊ QUẾ CHI	09/06/2011	6A6	THCS AN HƯNG	8.3	5.0	8.0	34.5	005040
429	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	21/03/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	7.8	7.0	5.0	34.5	013132
430	PHẠM ĐỨC SANG	28/12/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.8	7.0	5.0	34.5	005183
431	ĐỖ THÁI QUỲNH CHI	15/08/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.8	6.0	34.5	016033
432	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	21/05/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.3	7.0	6.0	34.5	008112
433	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	01/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.0	7.0	6.5	34.5	010140
434	PHẠM NGỌC LINH	26/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	7.0	6.3	8.0	34.5	009113
435	LÊ ANH ĐỨC	24/05/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.5	6.0	34.5	002101
436	NGUYỄN TUẤN HOÀNG	14/03/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.8	6.5	8.0	34.5	005082
437	PHẠM HUY HOÀNG	10/02/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.0	5.5	34.5	010078
438	NGUYỄN NHẬT MINH	30/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.5	7.3	7.0	34.5	015088
439	VŨ MINH OANH	02/01/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.0	8.0	6.5	34.5	010162
440	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	14/04/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.8	7.0	34.5	001108
441	BÙI PHƯƠNG LINH	09/02/2011	6A4	THCS AN HƯNG	5.8	8.0	7.0	34.5	005111
442	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	04/05/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	9.0	7.0	34.5	008067
443	NGUYỄN THỊ BÌNH	26/04/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.8	8.5	8.0	34.5	006021
444	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC HUY	30/10/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.0	7.4	34.4	002146
445	NGUYỄN MINH HUY	19/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.5	4.4	34.4	010084
446	PHẠM BẢO CHÂU	13/12/2011	6A4	THCS NAM SƠN	6.3	8.0	5.9	34.4	014030
447	TRẦN PHƯƠNG NHI	07/10/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.3	7.0	7.9	34.4	010159
448	NGUYỄN NGỌC BẢO LINH	28/06/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.0	8.0	6.4	34.4	002191
449	NGUYỄN VIỆT HÙNG	19/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.5	8.3	6.7	34.3	011076
450	NGUYỄN BẢO YẾN	30/10/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	7.5	6.3	6.8	34.3	010248

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
451	LẠI TÙNG LÂM	24/04/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.0	7.3	34.3	016119
452	NGUYỄN THỊ YẾN NGỌC	01/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.8	6.0	8.8	34.3	004152
453	TRẦN HƯƠNG GIANG	28/09/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.3	9.0	5.8	34.3	011049
454	TRẦN HÀ TRANG	11/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	7.0	7.5	5.2	34.2	007316
455	ĐẶNG NGỌC LONG	23/07/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	7.0	6.2	34.2	012055
456	LÊ THỊ THOA	08/03/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.3	7.8	6.2	34.2	003204
457	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	11/08/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.8	8.0	6.6	34.2	010095
458	LƯU TUỆ MINH	06/10/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.5	8.5	6.2	34.2	003135
459	TRẦN THỊ LAN ANH	01/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.3	8.3	7.2	34.2	002037
460	NGUYỄN TẤN SANG	29/03/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.8	7.0	6.6	34.1	003186
461	PHẠM TUẤN ANH	21/11/2011	6A4	THCS AN HOÀ	6.8	7.0	6.6	34.1	003014
462	LÊ NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	31/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	5.1	34.1	004173
463	NGUYỄN ĐỨC HUY	03/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.0	5.1	34.1	010083
464	ĐOÀN THẾ THÀNH	02/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	7.3	7.6	34.1	003192
465	TRẦN QUANG LONG	04/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	5.8	8.0	6.6	34.1	007161
466	LÊ THỊ BẢO NGỌC	26/11/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.8	8.0	6.6	34.1	003146
467	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	16/02/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.5	7.0	5.0	34	013164
468	NGUYỄN THỊ THANH MAI	26/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.5	6.5	6.0	34	008090
469	VŨ THÁI MINH	19/05/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.5	6.0	34	016160
470	TRỊNH THỊ LINH	27/07/2011	6A2	THCS AN HOÀ	7.5	6.0	7.0	34	003119
471	NGUYỄN YẾN NGỌC	07/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	7.0	8.0	4.0	34	007211
472	HỒ NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	30/04/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.0	7.0	6.0	34	013084
473	VŨ THỊ MAI ANH	04/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.8	7.3	6.0	34	002044
474	LÊ THỊ PHƯƠNG	18/01/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.5	8.0	5.0	34	010172
475	TRƯƠNG NGỌC ANH	29/07/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	8.0	6.0	34	008016
476	TRẦN BẢO CHIẾN	03/09/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	6.0	34	001030
477	TRƯƠNG THỊ THÙY	17/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	7.5	7.0	34	008136
478	ĐOÀN THỊ UYÊN NHI	17/04/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	6.0	7.5	7.0	34	007224
479	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	20/07/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.5	8.0	7.0	34	004107
480	NGUYỄN LÊ MINH TRANG	10/11/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.5	7.5	8.0	34	014227

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
481	TRẦN PHƯƠNG THẢO	06/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	7.5	9.0	34	008130
482	ĐOÀN TUẤN MINH	15/03/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.5	8.5	8.0	34	005125
483	PHẠM NGỌC PHƯƠNG ANH	02/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.5	8.5	8.0	34	005024
484	ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC	28/03/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	8.0	4.8	8.4	33.9	002100
485	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	10/10/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.3	6.5	6.4	33.9	015036
486	NGUYỄN HÀ ANH	04/03/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	6.8	7.0	6.4	33.9	015007
487	HOÀNG THỊ TRANG	23/01/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	6.5	7.3	6.4	33.9	007302
488	PHẠM TRÍ LÂM	27/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.0	8.0	7.9	33.9	004116
489	ĐỖ ĐỨC LÂM	26/01/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	8.5	5.0	6.8	33.8	016118
490	PHẠM ĐỨC HẢI	02/05/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	8.3	5.8	5.8	33.8	002119
491	TRẦN NGỌC MINH	16/03/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	8.0	5.5	6.8	33.8	007184
492	BÙI MINH ĐĂNG	19/04/2011	6A	THCS LÊ LỢI	7.0	6.5	6.8	33.8	012027
493	NGUYỄN NGHĨA QUỲNH MAI	01/09/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	7.8	33.8	016146
494	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	05/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	7.0	7.8	33.8	009178
495	NGUYỄN THÁI NGỌC NHI	28/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.5	8.8	5.3	33.8	014173
496	PHẠM NGỌC KHÁNH LINH	29/07/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.5	8.0	6.8	33.8	014126
497	NGUYỄN BẢO NGÂN	09/09/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	9.0	5.8	33.8	014157
498	NGUYỄN THU TRÀ	14/10/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.0	8.5	6.8	33.8	002314
499	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	17/05/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	8.8	4.5	7.2	33.7	007144
500	NGUYỄN HẢI AN	15/10/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.8	5.3	7.5	33.7	010001
501	ĐẶNG THỊ NGỌC DIỆP	16/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	7.5	7.5	3.7	33.7	014036
502	VŨ NGỌC THANH TRÚC	04/03/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	7.3	6.3	6.6	33.7	010227
503	MAI GIA BẢO HÂN	17/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	7.0	8.0	3.7	33.7	011054
504	NGUYỄN HOÀNG THANH MAI	23/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	7.5	4.7	33.7	004129
505	BÙI THỊ PHƯƠNG ANH	08/04/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	7.0	7.3	5.2	33.7	002006
506	ĐỖ PHƯƠNG ANH	06/04/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.8	6.2	33.7	002012
507	NGUYỄN KHÁNH VY	25/09/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.3	7.5	6.2	33.7	015152
508	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	22/03/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.8	6.2	33.7	003196
509	NGUYỄN VĂN TÂN	01/04/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	7.3	7.2	33.7	003188
510	NGUYỄN HỮU MINH	01/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.0	7.3	7.2	33.7	014144

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
511	NGUYỄN KIM CHÚC	21/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	5.8	7.5	7.2	33.7	015029
512	TRẦN PHƯƠNG ANH	03/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.8	7.0	8.2	33.7	006014
513	NGÔ ĐỨC HUY	30/11/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.5	8.3	6.2	33.7	003085
514	LƯU PHƯƠNG ANH	23/12/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.3	8.5	6.2	33.7	014009
515	LÊ THỊ THANH DUNG	02/10/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.3	8.0	7.2	33.7	006028
516	LÊ THỊ NGUYỆT ÁNH	04/09/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.3	7.5	8.2	33.7	006017
517	TRƯƠNG KHÁNH LY	18/07/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.5	7.0	4.6	33.6	013107
518	HOÀNG VÂN KHÁNH	23/08/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.5	7.0	4.6	33.6	004097
519	PHẠM HIỀN MAI	01/10/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	7.5	6.0	6.6	33.6	010123
520	ĐỖ GIA HUY	19/09/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.0	6.6	33.6	002139
521	BÙI THỊ THANH CHÚC	02/08/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	7.3	6.3	6.6	33.6	007042
522	PHẠM NGỌC ANH	03/05/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.0	6.8	6.0	33.6	005023
523	PHAN TRUNG KIÊN	16/11/2011	6A5	THCS AN HƯNG	6.5	7.3	6.0	33.6	005105
524	NGUYỄN PHƯƠNG NGỌC MAI	12/01/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	7.6	33.6	016147
525	NGUYỄN DUY KHOA	24/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	6.3	7.5	6.0	33.6	010100
526	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	12/05/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	8.0	5.6	33.6	012049
527	NGUYỄN THÙY LINH	25/11/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.8	6.0	33.6	012050
528	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	12/10/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.5	6.6	33.6	012081
529	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	01/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.5	7.5	7.6	33.6	002042
530	KHÚC NHÃ ĐAN	12/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.5	7.3	8.0	33.6	005059
531	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	30/01/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	5.3	8.0	7.0	33.6	013039
532	NGUYỄN SỸ HUY	29/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.0	7.5	8.6	33.6	015062
533	PHẠM HUY HẢI	24/10/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	7.8	5.5	7.0	33.5	002120
534	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	03/01/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.8	7.5	5.0	33.5	003030
535	CHU THỊ ÁNH DUYÊN	02/02/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.5	7.0	33.5	015032
536	NGUYỄN THU NGÂN	21/05/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.5	6.8	7.0	33.5	008099
537	TRƯƠNG HÀ ANH TUẤN	01/03/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.5	6.3	8.0	33.5	008152
538	ĐINH NGUYỄN BÌNH AN	07/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.3	8.0	5.0	33.5	015001
539	NGUYỄN ANH VIỆT	23/11/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.3	7.0	7.0	33.5	008162
540	ĐỖ NHÂN ĐỨC	25/05/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.0	7.8	6.0	33.5	003059

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
541	NGUYỄN ĐỖ THANH HÀ	23/07/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	6.8	8.0	33.5	009067
542	NGUYỄN GIA PHÚC	11/06/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.8	7.5	7.0	33.5	008108
543	LÊ HUYỀN LINH	04/02/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.5	8.5	5.5	33.5	006071
544	LÊ ĐỨC LONG	27/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.5	8.0	6.5	33.5	016138
545	CHU PHƯƠNG NHI	15/01/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.8	9.0	33.5	002244
546	NGUYỄN QUỐC TUẤN	09/12/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.3	8.0	7.0	33.5	008150
547	PHẠM ĐỨC HUY	08/06/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.8	8.0	33.5	014085
548	BÙI NHÂN THÀNH LONG	01/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.0	7.8	8.0	33.5	014128
549	VŨ ĐỨC DUY	24/03/2011	6A1	THCS AN HOÀ	4.8	8.5	7.0	33.5	003043
550	CAO XUÂN LÂM	04/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	8.3	5.3	6.4	33.4	007140
551	TRẦN HÀ VY	07/03/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	5.4	33.4	004251
552	ĐOÀN THIÊN PHÚ	19/07/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.5	6.4	33.4	003171
553	TRẦN BẢO UYÊN	23/07/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	7.5	6.4	33.4	015145
554	NGUYỄN NGỌC LINH	02/05/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	7.3	8.4	33.4	009109
555	TRẦN THỊ DỪNG THÁI	25/03/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.0	6.3	33.3	016229
556	NGUYỄN HIỀN NGA	13/03/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.8	7.8	33.3	002230
557	NGUYỄN NGỌC DIỆP	01/09/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.5	7.8	6.8	33.3	002066
558	NGUYỄN HỮU QUANG	14/04/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	7.5	7.0	4.2	33.2	007247
559	NGUYỄN THÀNH TRUNG	20/02/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.5	7.0	4.2	33.2	004226
560	BÙI QUANG HUY	23/02/2011	6A3	THCS AN HỒNG	7.0	8.0	3.2	33.2	004069
561	ĐINH THU TRANG	21/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.8	6.2	33.2	015135
562	BÙI HÀ GIANG	27/03/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	6.2	33.2	004051
563	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	19/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	6.0	8.8	3.7	33.2	014059
564	TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	28/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	7.5	6.2	33.2	016289
565	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	20/12/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	7.3	6.7	33.2	016015
566	VŨ NGỌC BẢO HÂN	19/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	7.0	7.2	33.2	009072
567	BÙI THỊ THANH MAI	30/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	6.0	7.0	7.2	33.2	007170
568	TRỊNH LÊ ANH	04/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.8	7.5	6.7	33.2	011011
569	NGUYỄN THÀNH LUÂN	05/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.5	6.1	33.1	016144
570	ĐẶNG TUẤN LINH	15/11/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	6.8	6.0	7.6	33.1	007143

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
571	NGUYỄN DIỆU LINH	13/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.5	7.8	4.6	33.1	003117
572	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	21/01/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	6.5	6.8	6.6	33.1	007303
573	PHAN NHƯ NGỌC	29/04/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	5.5	9.6	33.1	009139
574	VŨ THỊ TRÀ MINH	01/06/2011	6D	THCS BẮC SƠN	6.0	6.8	7.6	33.1	006089
575	LÊ QUỲNH ANH	27/03/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.8	7.0	7.6	33.1	003003
576	ĐINH HUYỀN THƯ	16/02/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	5.8	7.0	7.6	33.1	007290
577	PHẠM NGUYỄN THÀNH TRUNG	25/10/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.8	7.0	7.6	33.1	005215
578	ĐINH QUANG MINH	10/10/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	8.3	6.6	33.1	014140
579	LÊ THU KHIÊM	15/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	8.8	6.6	33.1	009096
580	LÊ ANH QUỲNH	16/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	8.0	3.0	33	001186
581	NGUYỄN TRUNG KIÊN	06/09/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.0	8.0	3.0	33	013093
582	ĐỖ NGỌC HIẾU	02/07/2011	6C	THCS LÊ LỢI	7.0	7.5	4.0	33	012034
583	PHẠM NGỌC BẢO CHÂU	20/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	7.0	6.5	6.0	33	007038
584	TRẦN QUANG THUẦN	10/06/2011	6A4	THCS AN HƯNG	7.0	6.5	6.0	33	005199
585	HÀ TUẤN TỨ	23/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.5	6.0	33	016272
586	CAO ĐỨC HUY	10/06/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	5.5	8.0	33	001088
587	LÊ DOẢN NAM	23/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.5	7.0	6.0	33	005137
588	BÙI BẢO TRANG	08/01/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	6.3	7.3	6.0	33	007301
589	LƯU PHƯƠNG THẢO	25/01/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.8	7.0	33	002287
590	HOÀNG THỊ BẢO CHÂM	12/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.5	4.0	33	001023
591	TRẦN THANH LÂM	15/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	8.0	5.0	33	015073
592	ĐINH TRẦN KHÁNH VY	11/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	5.0	33	001238
593	NGUYỄN MAI LINH	12/05/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	7.0	33	001117
594	TRƯƠNG CÔNG HOÀNG	28/12/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.8	7.8	6.0	33	003078
595	NGUYỄN HÀ MINH PHƯƠNG	16/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.3	8.8	5.0	33	015115
596	NGUYỄN THẢO VY	15/06/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	5.0	7.5	8.0	33	002338
597	NGUYỄN TỔ NHƯ	20/04/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	7.0	9.0	33	009156
598	NGÔ THỊ HƯƠNG GIANG	18/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.5	8.5	7.0	33	003065
599	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	02/08/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	8.0	5.8	5.4	32.9	002289
600	CHU TIẾN KHOA	01/09/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	6.8	6.5	6.4	32.9	015069

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
601	NGUYỄN THU HIỀN	13/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	5.8	7.8	5.8	32.9	011058
602	VŨ ĐỨC HẢO	10/04/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.8	7.5	6.4	32.9	003070
603	VŨ ĐỨC NGỌC	03/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.8	6.5	8.4	32.9	002239
604	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	06/08/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.5	9.0	3.9	32.9	010051
605	BÙI THU HIỀN	04/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.0	9.0	4.9	32.9	010059
606	NGUYỄN VIỆT HÙNG	19/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.0	7.8	7.4	32.9	003097
607	ĐÀO THỊ YẾN NHI	25/04/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.8	8.5	6.4	32.9	006097
608	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	17/12/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	7.8	4.8	7.8	32.8	002106
609	TẠ MINH DIỆP	24/05/2011	6A5	THCS NAM SƠN	7.3	5.3	7.8	32.8	014040
610	ĐẶNG THỊ QUỲNH NHƯ	26/10/2010	6D4	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.0	4.8	32.8	007232
611	NGUYỄN THÙY LINH	08/10/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.5	5.8	32.8	002194
612	ĐỖ THỊ NGỌC HUYỀN	20/01/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.8	6.0	7.3	32.8	016094
613	TRẦN LINH TRANG	17/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	5.8	32.8	004224
614	NGUYỄN MINH TIẾN	12/12/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.5	6.5	6.8	32.8	002305
615	TỔNG THỊ TRÀ MY	08/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.5	6.5	6.8	32.8	003139
616	ĐÀM ĐẶNG BẢO LÂM	12/06/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	6.3	7.8	32.8	009102
617	DƯƠNG ĐỨC SƠN	07/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.3	7.8	32.8	002274
618	LƯU THỊ THÙY CHINH	05/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.5	5.8	32.8	003032
619	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	21/12/2011	6B	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	6.8	32.8	012052
620	NGÔ VĂN HÙNG	26/08/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.0	6.8	32.8	003096
621	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	02/12/2011	6A3	THCS NAM SƠN	5.5	8.5	4.8	32.8	014124
622	NGUYỄN HỮU CHIẾN	01/05/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.5	7.5	6.8	32.8	006024
623	HÀ KỲ PHƯƠNG	03/08/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	7.0	7.3	4.2	32.7	015114
624	MAI NHƯ NGỌC	01/01/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.0	7.0	4.7	32.7	016170
625	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/09/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	6.7	32.7	016225
626	LÊ TUẤN HÙNG	28/02/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.3	6.2	32.7	003095
627	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	23/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.5	7.8	6.2	32.7	003173
628	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	09/10/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	7.3	7.0	4.0	32.6	013090
629	PHẠM HÀ TRANG	28/01/2011	6A6	THCS AN HỒNG	7.0	7.0	4.6	32.6	004223
630	ĐÀO HÀ LINH THỦY	19/06/2011	6A1	THCS NAM SƠN	7.0	5.5	7.6	32.6	014220

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
631	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/10/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	6.8	8.0	3.0	32.6	013043
632	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHI	06/05/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.5	7.5	4.6	32.6	016181
633	NGUYỄN ANH TUẤN	13/02/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	5.6	32.6	004231
634	HOÀNG THỊ BÍCH NHƯ	27/05/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	7.0	5.6	32.6	016185
635	VŨ PHƯƠNG LINH	07/05/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.5	6.5	6.6	32.6	003122
636	ĐÀO ĐỨC CHÍNH	25/03/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.8	8.0	5.0	32.6	013025
637	LÊ PHƯƠNG THẢO	15/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	5.3	7.3	7.6	32.6	007271
638	PHẠM LÊ BẢO KHÁNH	19/08/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	4.8	7.8	7.6	32.6	002168
639	VŨ NGỌC CHINH	11/02/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.5	6.8	4.0	32.5	016038
640	ĐỖ TRẦN HÀ ANH	20/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.3	7.0	4.0	32.5	004010
641	ĐÀO KHÁNH TRANG	02/07/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.0	6.5	5.5	32.5	016246
642	ĐỖ TỔ UYÊN	14/02/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.3	6.0	32.5	002328
643	VŨ HUYỀN TRANG	02/09/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	7.0	6.3	6.0	32.5	010215
644	TÔ TUẤN THÀNH	29/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.5	6.0	32.5	002283
645	ĐOÀN ĐỨC HUY	17/02/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.5	6.0	32.5	002137
646	ĐỖ THANH TÙNG	19/04/2011	6A1	THCS NAM SƠN	6.8	5.5	8.0	32.5	014236
647	ĐỒNG PHƯƠNG VY	26/04/2011	6A5	THCS AN HỒNG	6.5	8.0	3.5	32.5	004246
648	PHẠM TÙNG LÂM	17/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	6.3	7.0	32.5	009104
649	TRẦN ĐỨC TRUNG	10/05/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.3	6.0	8.0	32.5	008147
650	NGUYỄN BẢO NGỌC	05/02/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.8	5.0	32.5	001152
651	NGUYỄN PHƯƠNG VY	05/09/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.3	6.0	32.5	001240
652	PHẠM THỊ NGỌC ANH	16/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	7.3	6.0	32.5	003013
653	LÊ PHẠM PHƯƠNG NHUNG	24/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	6.8	7.0	32.5	003163
654	VŨ NGỌC BẢO AN	18/07/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	5.8	8.0	5.0	32.5	015005
655	NGUYỄN THỊ TRANG THU	01/08/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	5.5	7.8	6.0	32.5	015132
656	LƯU THỊ HẰNG	25/06/2011	6A	THCS BẮC SƠN	5.3	8.0	6.0	32.5	006047
657	NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	05/09/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	9.0	4.5	32.5	010010
658	NGUYỄN NGỌC THÙY TRÂM	28/12/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.0	8.0	6.5	32.5	016256
659	TRẦN THỊ THU HƯỜNG	01/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.8	8.0	7.0	32.5	008069
660	NGUYỄN XUÂN MINH	16/04/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.8	8.0	7.0	32.5	008094

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
661	PHẠM YẾN NGÂN	31/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.8	8.0	7.0	32.5	005146
662	ĐẶNG NGỌC HÀ CHI	14/06/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.8	7.5	8.0	32.5	006023
663	NGUYỄN THANH TRÚC	28/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.5	9.0	5.5	32.5	006143
664	VŨ ĐỨC DƯƠNG	09/02/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	4.5	7.8	8.0	32.5	002089
665	LƯƠNG THỊ THẢO PHƯƠNG	20/01/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	8.8	7.0	32.5	008111
666	PHAN THỊ YẾN NHI	10/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	8.3	8.0	32.5	009149
667	NGUYỄN THỊ MAI ĐAN	11/07/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.8	8.5	8.0	32.5	008038
668	LÊ QUỲNH MAI	31/10/2011	6A4	THCS AN HỒNG	7.0	7.5	3.4	32.4	004128
669	NGUYỄN HỮU TÙNG	02/04/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	5.4	32.4	004236
670	DƯƠNG QUÝ SANG	03/01/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	7.4	32.4	016209
671	BÙI THANH NGỌC	07/01/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	6.0	7.5	5.4	32.4	016169
672	TỔNG ANH QUÂN	07/12/2011	6A6	THCS AN HOÀ	5.8	7.3	6.4	32.4	003182
673	VŨ QUANG HƯNG	17/05/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	7.5	6.4	32.4	004088
674	NGUYỄN HOÀNG NHẬT MINH	16/12/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.5	7.5	6.4	32.4	003136
675	ĐÀO THỊ THƯ	06/11/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.0	7.4	32.4	007289
676	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	31/03/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.3	9.0	3.8	32.4	010046
677	HOÀNG THỌ THANH HUY	02/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.0	8.0	6.4	32.4	004074
678	NGUYỄN THỊ THẢO	24/05/2011	6A6	THCS AN HỒNG	3.0	9.0	8.4	32.4	004195
679	LÊ GIA HUY	17/03/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	7.3	32.3	016090
680	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	23/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.5	6.5	6.3	32.3	010012
681	NGUYỄN THU HOÀI	09/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	6.0	7.3	5.8	32.3	014078
682	BÙI MỸ LINH	24/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	6.0	7.0	6.3	32.3	006070
683	LŨNG HẢI NGUYỄN	22/02/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.8	6.5	7.8	32.3	003154
684	LÊ NGỌC LOAN	28/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.5	7.8	5.8	32.3	010113
685	MAI HUYỀN THU	01/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.3	6.8	32.3	007283
686	PHÙNG ĐỨC LÂM	09/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.5	7.3	6.8	32.3	003109
687	NGUYỄN HẢI HOÀN	23/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.5	5.3	32.3	010074
688	ĐÀO MI VÂN	19/04/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.0	8.0	6.3	32.3	016276
689	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	19/06/2011	6A3	THCS NAM SƠN	4.5	8.8	5.8	32.3	014163
690	NGUYỄN TUẤN DŨNG	11/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	4.5	6.8	9.8	32.3	002072

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
691	HỒ HUY PHÚC	27/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	8.5	5.0	5.2	32.2	007239
692	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG VY	20/04/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	8.0	4.0	8.2	32.2	002337
693	BÙI TƯỜNG VY	17/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	7.5	6.5	4.2	32.2	004245
694	MAI HẢI ĐĂNG	24/05/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.0	5.0	8.2	32.2	004047
695	PHẠM BÁ THIÊN PHÚC	21/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.0	7.3	5.7	32.2	002256
696	LÊ NHẬT THÀNH	21/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.0	6.5	7.2	32.2	010196
697	MAI TRUNG TIẾN ĐẠT	19/11/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	7.2	32.2	016057
698	NGUYỄN THÁI TÚ	23/11/2011	6A2	THCS AN HỒNG	5.5	8.0	5.2	32.2	004239
699	PHẠM HOÀNG HÀ VY	03/08/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.0	9.0	4.2	32.2	013187
700	LÊ THỊ KIM HUỆ	12/12/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.0	8.0	6.2	32.2	003083
701	TRƯƠNG THỊ THÙY LINH	24/06/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.0	8.0	6.2	32.2	003121
702	TRẦN BÌNH MINH	02/03/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.5	8.3	6.7	32.2	006085
703	NGUYỄN HÀ LINH	15/04/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.3	8.0	5.6	32.14	002187
704	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	14/11/2011	6A5	THCS AN HỒNG	7.3	7.0	3.6	32.1	004016
705	MAI QUỲNH ANH	11/11/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	6.1	32.1	016009
706	DƯƠNG QUỲNH ANH	09/08/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	6.3	7.0	5.6	32.1	002008
707	TRẦN MINH THẮNG	05/10/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.3	6.5	6.6	32.1	003202
708	TRẦN NGỌC LƯU	28/11/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.3	6.0	7.6	32.1	007164
709	NGUYỄN THẢO VÂN	09/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	6.0	6.3	7.6	32.1	007339
710	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	15/06/2011	6A2	THCS NAM SƠN	5.8	8.0	4.6	32.1	014013
711	TẠ NGÂN KHÁNH	18/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	7.5	6.1	32.1	004100
712	VŨ TIẾN HUY	21/06/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.3	6.6	32.1	007116
713	NGÔ TRẦN HẢI PHONG	12/07/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.3	7.5	6.6	32.1	003169
714	ĐỖ THANH THẢO	17/05/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.3	8.5	8.6	32.1	014206
715	VŨ PHƯƠNG MY	24/04/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	6.5	5.0	32	001140
716	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	15/09/2011	6A6	THCS AN HƯNG	7.0	6.5	5.0	32	005008
717	DƯƠNG HẢI MINH	11/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	6.0	6.0	32	004131
718	PHẠM DUY TIẾN	13/05/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	7.0	5.0	8.0	32	008139
719	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	18/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.8	5.5	7.4	32	010011
720	NGUYỄN MINH ANH	23/08/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.8	6.3	6.0	32	002021

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
721	TÔ KHÁNH LINH	06/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	7.0	5.0	32	016136
722	NGUYỄN THỊ NGỌC HỒNG	03/08/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	6.5	7.0	5.0	32	013073
723	TÔ ĐỨC BẢO	03/03/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	6.5	7.0	5.0	32	013020
724	VŨ BẢO NAM	01/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.5	6.5	6.0	32	005139
725	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	07/09/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.5	8.0	32	016013
726	LÊ HỒNG QUÂN	16/04/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.5	3.0	32	001182
727	PHẠM HẢI ĐĂNG	12/09/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	6.0	8.0	4.0	32	013048
728	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	19/08/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	4.0	32	001153
729	VŨ NGUYỄN HÀ MY	09/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.5	5.0	32	001139
730	ĐỒNG THANH TÙNG	20/12/2011	6C	THCS LÊ LỢI	6.0	7.5	5.0	32	012105
731	PHẠM THỊ THU TRANG	16/04/2011	6A6	THCS AN HOÀ	6.0	7.5	5.0	32	003220
732	LÊ NHƯ QUỲNH	27/07/2011	6B	THCS LÊ LỢI	6.0	7.5	5.0	32	012085
733	PHẠM HÀ LINH	26/04/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	6.0	32	001120
734	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	27/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.5	7.0	32	002288
735	NGUYỄN MAI LINH	03/01/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	8.0	32	001116
736	TRẦN HOÀNG THẢO VY	06/03/2011	6A4	THCS AN HƯNG	6.0	5.5	9.0	32	005238
737	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	30/06/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.5	7.0	7.0	32	010193
738	CAO THỊ THU HIỀN	05/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	7.0	7.0	32	009075
739	NGUYỄN QUANG MINH	03/09/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.5	7.0	32	016153
740	ĐÀO NHƯ QUỲNH	03/09/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.8	7.8	7.0	32	005178
741	BÙI THỊ PHƯƠNG MINH	23/11/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.5	8.0	7.0	32	008093
742	TRƯƠNG THỊ NGỌC TÂM	12/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	9.3	6.0	32	008126
743	ĐỒNG THỊ HUYỀN TRANG	03/11/2011	6A5	THCS AN HỒNG	8.0	6.5	2.8	31.8	004217
744	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG VY	10/05/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.5	7.0	2.8	31.8	004247
745	LÃ VŨ NHƯ QUỲNH	09/01/2011	6A2	THCS NAM SƠN	7.3	5.5	6.3	31.8	014200
746	BÙI THU HIỀN	13/05/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	7.3	5.3	6.8	31.8	007091
747	NGUYỄN CÔNG THÁI ANH	07/07/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	5.8	31.8	012007
748	ĐỖ THỊ NGÂN THU	30/09/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	6.5	6.8	31.8	009185
749	NGUYỄN HẢI ANH	28/09/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.0	6.8	31.8	007013
750	HOÀNG KHÁNH LINH	19/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	6.0	8.8	31.8	009106

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
751	ĐOÀN THỊ MINH ANH	31/12/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.3	6.5	6.2	31.7	009008
752	VŨ THÀNH CÔNG	09/10/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.0	7.8	6.2	31.7	003034
753	LÊ VĂN ANH	23/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.8	8.5	7.2	31.7	006011
754	PHAN MẠNH HÙNG	21/11/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.5	5.0	6.6	31.6	013081
755	NGUYỄN ANH TUẤN	26/02/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	7.0	7.0	3.6	31.6	007327
756	PHẠM VINH HIỂN	08/05/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	7.0	6.5	4.6	31.6	001073
757	NGUYỄN MINH ĐỨC	14/05/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	6.6	31.6	016059
758	NGUYỄN MINH QUÂN	08/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.5	7.0	4.6	31.6	010180
759	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	16/04/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	6.3	7.0	5.0	31.6	013029
760	VŨ THỊ TRÀ MY	12/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	6.0	7.5	4.6	31.6	004141
761	VŨ NGỌC HÀ	17/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	5.6	31.6	001065
762	ĐỒNG KHÁNH CHI	25/05/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	5.6	31.6	012015
763	LÊ QUANG HÙNG	12/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.5	7.0	6.6	31.6	003094
764	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	19/08/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.5	6.5	7.6	31.6	003174
765	NGUYỄN BẢO NGỌC	03/04/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.0	7.5	6.6	31.6	002232
766	VŨ PHƯƠNG MAI	04/05/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.5	6.6	31.6	014136
767	TRẦN HỒNG ANH	19/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.3	7.1	31.6	014019
768	VŨ QUỲNH NHƯ	30/07/2011	6A1	THCS AN HOÀ	4.8	7.3	7.6	31.6	003165
769	MAI ANH PHÚC	16/04/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	6.8	8.6	31.6	009159
770	NGUYỄN NGỌC HÂN	09/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	4.5	8.0	6.6	31.6	004059
771	LÊ NGUYỄN BẢO NGỌC	15/07/2011	6A1	THCS AN HÙNG	4.5	7.8	7.0	31.6	005152
772	VŨ BÁ TIẾN THÀNH	04/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	7.3	5.0	7.0	31.5	011156
773	DIỆP THỊ XUÂN ANH	19/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	7.0	6.3	5.0	31.5	002007
774	MAI ÍCH LONG	29/06/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	5.5	31.5	016139
775	ĐÀO MINH ANH	25/04/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	6.3	6.5	6.0	31.5	007005
776	NGUYỄN TUẤN KHẢI	16/03/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.3	7.0	31.5	001102
777	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO	24/06/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.3	7.0	31.5	001201
778	NGUYỄN THỊ TUYẾT	15/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.8	7.5	5.0	31.5	003232
779	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	03/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.8	6.5	7.0	31.5	008066
780	TRƯƠNG THỊ THANH TRÚC	06/11/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.8	6.0	8.0	31.5	008148

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
781	NGUYỄN TRANG ANH	27/12/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.5	7.8	5.0	31.5	007016
782	HỒ XUÂN HÙNG	27/11/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.5	7.5	31.5	016099
783	NGHIÊM NGUYỄN TIẾN ANH	10/07/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.3	7.0	7.0	31.5	015006
784	LONG QUỲNH TRANG	08/07/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.8	6.0	31.5	007305
785	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	30/08/2011	6A3	THCS AN HỒNG	4.5	9.0	4.5	31.5	004176
786	NGUYỄN HÀ LINH	29/05/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	4.5	7.8	7.0	31.5	002188
787	ĐẶNG PHƯƠNG MAI	04/07/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	4.5	7.8	7.0	31.5	002205
788	ĐỖ THỊ MINH ANH	17/10/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	9.3	6.0	31.5	008006
789	TRỊNH BẢO ANH	23/12/2011	6A5	THCS AN HƯNG	6.3	6.3	6.3	31.4	005026
790	NGUYỄN HOÀNG HẢI THIỆN	30/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	8.0	5.0	5.4	31.4	007279
791	NGUYỄN AN AN	31/03/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	6.5	7.0	4.4	31.4	002004
792	NGUYỄN ĐÌNH BÁCH	05/08/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	5.8	7.5	4.9	31.4	002051
793	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	14/02/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	5.4	31.4	010175
794	NGUYỄN NGỌC HÙNG	26/02/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.0	7.5	6.4	31.4	015065
795	PHẠM KHÁNH CHI	16/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	5.0	7.0	7.4	31.4	015024
796	NGUYỄN GIA MINH	05/10/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.0	7.4	31.4	014143
797	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	13/10/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	8.3	6.0	2.8	31.3	002133
798	NGUYỄN HOÀNG PHÚ HƯNG	11/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.0	7.8	3.8	31.3	007123
799	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	21/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.5	5.5	5.2	31.2	016050
800	NGUYỄN THỊNH HƯNG	05/12/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	7.5	5.0	6.2	31.2	013082
801	ĐỖ DUY PHÚC	22/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	4.5	8.2	31.2	016192
802	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	07/03/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	6.2	31.2	016074
803	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	26/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.5	6.0	6.2	31.2	015010
804	TRẦN THỊ TÚ ANH	14/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.8	6.3	7.2	31.2	002038
805	NGUYỄN HOÀNG DOANH THÁI	16/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.5	7.0	6.2	31.2	010202
806	NGUYỄN HOÀNG NAM	25/12/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.5	6.5	7.2	31.2	011118
807	NGÔ TRỊNH HOÀNG	03/03/2011	6A1	THCS AN HOÀ	5.3	7.8	5.2	31.2	003077
808	NGUYỄN BÁ LÂM TÙNG	13/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.5	6.2	31.2	001229
809	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	03/02/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	5.0	7.5	6.2	31.2	002233
810	NGUYỄN ĐÀM PHƯƠNG ANH	29/09/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.3	6.7	31.2	016010

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
811	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	17/06/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.0	8.5	6.2	31.2	003073
812	TRẦN THỊ THU HOÀI	08/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	7.8	5.0	5.6	31.1	007103
813	VŨ HIỂU PHONG	29/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	6.8	5.8	6.1	31.1	002252
814	NGUYỄN THANH TÂM	08/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	7.0	4.1	31.1	004189
815	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	15/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	6.5	6.8	4.6	31.1	007085
816	NGUYỄN KHÁNH LINH	31/10/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.8	6.5	6.6	31.1	002190
817	CHU PHƯỚC ĐÔNG	27/12/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.5	6.8	6.6	31.1	014054
818	VŨ MINH DUY	11/01/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.3	7.5	5.6	31.1	003044
819	PHẠM KHÁNH NGÂN	17/04/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	8.3	4.6	31.1	014159
820	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	13/02/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.0	8.0	5.1	31.1	016279
821	NGUYỄN HOÀNG MINH	29/05/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	5.1	31.1	010132
822	NGUYỄN TRUNG HIẾU	09/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	7.1	31.1	016078
823	NGUYỄN MINH HẰNG	03/02/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.8	9.0	5.6	31.1	014071
824	LÊ THỊ NGỌC HÂN	21/09/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	8.0	5.0	5.0	31	013058
825	NGUYỄN ANH THƯ	10/03/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.5	5.0	6.0	31	016239
826	BÙI GIA HUY	09/08/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	7.3	5.8	5.0	31	007109
827	PHẠM ĐỖ PHÚ ĐẠT	05/07/2011	6A4	THCS AN HƯNG	6.5	6.5	5.0	31	005061
828	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/02/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	6.3	6.5	5.4	31	010092
829	NGUYỄN TRÀ MY	02/03/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	3.0	31	001136
830	BÙI THU THỦY	14/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	8.0	3.0	31	001211
831	NGÔ MINH TRANG	18/09/2011	6A4	THCS AN HOÀ	6.0	7.5	4.0	31	003218
832	TRẦN THỊ NHẢ UYÊN	13/09/2011	6B	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	5.0	31	012108
833	PHAN THANH THẢO	28/12/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.0	7.0	5.0	31	005194
834	LƯƠNG THỊ THUẬN	10/07/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	6.0	6.0	7.0	31	008135
835	NGUYỄN THỊ LAN ANH	18/03/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.0	7.0	31	002023
836	VŨ THẾ SƠN	24/02/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.5	8.5	3.0	31	002276
837	TRỊNH PHƯƠNG ANH	23/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.5	8.0	4.0	31	003020
838	ĐINH NGUYỄN MAI TRANG	04/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.5	7.0	6.0	31	006135
839	VŨ KIM ANH	11/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.5	7.0	6.0	31	008017
840	HỒ THỊ PHƯƠNG THẢO	26/01/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.5	7.0	31	016223

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
841	NGUYỄN NAM PHONG	31/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	5.0	8.0	5.0	31	015109
842	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	24/10/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	8.0	5.0	31	012069
843	NGUYỄN THANH TRÚC	09/09/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.0	8.0	5.0	31	013175
844	MAI DIỆP CHI	15/07/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	8.0	5.0	31	001025
845	NGÔ TRUNG HIẾU	12/09/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	5.0	31	010063
846	ĐỖ THANH CHÚC	27/06/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	5.0	8.0	5.0	31	013026
847	ĐẶNG GIA MINH	24/05/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.5	6.0	31	001128
848	NGUYỄN HÀ DIỆP ANH	23/01/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	7.0	31	001011
849	NGUYỄN DUY PHÚC	05/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	7.0	31	010169
850	NGUYỄN NGỌC ANH	29/05/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.0	7.0	7.0	31	013005
851	NGUYỄN THỊ HUẾ	07/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	4.8	7.8	6.0	31	003080
852	LÊ THỊ BÁCH DIỆP	12/03/2011	6A6	THCS NAM SƠN	4.3	7.5	7.5	31	014038
853	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	16/07/2011	6A3	THCS NAM SƠN	4.0	9.0	5.0	31	014057
854	VŨ THỊ THẢO LY	29/10/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.8	8.0	7.5	31	006079
855	NGUYỄN HÙNG VĨ	13/06/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	8.8	5.0	3.4	30.9	011185
856	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	02/12/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	7.0	5.0	6.9	30.9	002082
857	ĐÀO HẢI YẾN	14/02/2011	6A5	THCS AN HOÀ	6.8	6.5	4.4	30.9	003245
858	NGUYỄN DUY TÙNG	26/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	6.3	6.5	5.4	30.9	003235
859	VŨ TÙNG DƯƠNG	23/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	6.3	6.0	6.4	30.9	015037
860	TRẦN THỊ MAI ANH	27/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.3	7.0	6.4	30.9	011009
861	LÊ NHÃ UYÊN	28/09/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.3	6.0	8.4	30.9	005225
862	LÊ THỊ LAN ANH	27/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.0	6.8	7.4	30.9	006008
863	TRẦN NGUYỄN BẢO QUỐC	01/01/2011	6A1	THCS AN HOÀ	4.8	7.0	7.4	30.9	003183
864	ĐỖ THỊ MAI THANH	19/02/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	7.5	6.0	3.8	30.8	002280
865	TRẦN QUANG ANH	01/10/2011	6A4	THCS AN HỒNG	7.5	5.0	5.8	30.8	004019
866	MAI VĂN NGUYỄN	24/07/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	7.5	4.5	6.8	30.8	007216
867	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	26/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	6.8	5.3	6.8	30.8	007323
868	NGUYỄN VIỆT KHÔI	19/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	5.0	7.8	30.8	009097
869	HOÀNG TRUNG KIÊN	02/07/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	6.5	4.5	8.8	30.8	009098
870	TRỊNH NGÂN HÀ	24/07/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.0	7.5	3.8	30.8	014062

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
871	NGUYỄN THU HẬU	21/03/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	4.8	30.8	012032
872	NGUYỄN KHÁNH LINH	17/12/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	6.0	6.5	5.8	30.8	010105
873	BÙI PHẠM GIA KHIÊM	01/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	6.0	6.0	6.8	30.8	007134
874	VŨ KHÁNH LINH	05/05/2011	6B	THCS BẮC SƠN	5.5	7.0	5.8	30.8	006076
875	NGUYỄN LÊ KHÁNH LINH	30/07/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.5	7.0	5.8	30.8	006074
876	NGUYỄN XUÂN QUỲNH	10/07/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.3	8.0	4.2	30.8	013149
877	NGUYỄN VĂN HÙNG	21/02/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.0	8.0	4.8	30.8	003093
878	HOÀNG TÙNG LÂM	29/12/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.0	7.0	6.8	30.8	004111
879	VŨ MINH ĐỨC	21/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.5	9.0	3.8	30.8	010049
880	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	28/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	4.3	7.8	6.8	30.8	014207
881	NGUYỄN CHÂU ANH	25/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	4.0	7.0	8.8	30.8	002015
882	BÙI HẢI HÙNG	16/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.0	6.7	30.7	016100
883	NGUYỄN ĐỖ MAI THÙY	17/12/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	5.7	30.7	016233
884	NGÔ ĐỨC KHIÊM	24/04/2011	6A6	THCS AN HOÀ	6.5	5.3	7.2	30.7	003102
885	LÊ THÀNH GIANG	06/04/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.3	5.5	7.2	30.7	003064
886	NGÔ ĐỨC NHẬT MINH	27/12/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.0	7.5	3.7	30.7	002216
887	ĐỖ QUỲNH ANH	12/07/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	5.5	7.3	5.2	30.7	002013
888	ĐÀO MINH ANH	12/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.5	7.0	5.7	30.7	006003
889	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	19/07/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	9.0	2.7	30.7	010157
890	NGÔ MINH DŨNG	15/05/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.8	7.5	6.2	30.7	003046
891	BÙI TRANG NGÂN	05/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.5	8.0	5.7	30.7	003143
892	ĐỖ THÀNH ĐẠT	21/02/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	4.0	6.8	9.2	30.7	002092
893	TRẦN BẢO NGỌC ANH	16/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	8.0	9.2	30.7	009021
894	NGUYỄN ANH HUY	09/01/2011	6A4	THCS AN HOÀ	7.0	5.5	5.6	30.6	003087
895	HOÀNG PHÚC	20/12/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.0	4.6	30.6	001170
896	VŨ THỊ BẢO NHI	26/07/2011	6C	THCS LÊ LỢI	6.0	6.8	5.0	30.6	012071
897	PHẠM HUY HOÀNG	29/08/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	5.0	8.6	30.6	015056
898	NGUYỄN THÀNH CÔNG	30/10/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.8	8.0	3.0	30.6	013027
899	TRƯƠNG THUẬN ANH	21/08/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	5.3	8.0	4.0	30.6	013015
900	TRẦN HÀ AN	31/07/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	5.3	7.5	5.0	30.6	013002

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
901	TRỊNH XUÂN BẢO NGỌC	12/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.5	8.3	5.0	30.6	011124
902	NGUYỄN THẾ TRƯỜNG	25/12/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	8.0	5.6	30.6	016265
903	LÊ HƯƠNG MAI	24/01/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.5	8.3	7.1	30.6	014134
904	PHẠM HÀ KIỀU LINH	06/04/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.5	4.5	30.5	016135
905	CAO THỊ HẢI YẾN	11/08/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	7.3	4.0	30.5	003244
906	VŨ BẢO KHÁNH NGỌC	22/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	6.0	6.8	5.0	30.5	014165
907	ĐẶNG QUANG VINH	09/10/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.8	7.0	5.0	30.5	015148
908	LÊ HÀ MY	12/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.8	6.5	6.0	30.5	011112
909	NGHIÊM NGỌC THỤY AN	02/10/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.5	8.0	30.5	002003
910	PHẠM KHÁNH VY	19/11/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.3	6.0	8.0	30.5	005237
911	NGUYỄN NGỌC NGÂN KHÁNH	28/06/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	8.0	5.0	30.5	008070
912	ĐÀO MAI HƯƠNG	02/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	4.8	7.5	6.0	30.5	006060
913	LƯU MINH TUẤN	13/03/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	8.3	5.0	30.5	003228
914	NGUYỄN PHAN MAI TRANG	17/07/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	8.0	6.5	30.5	001219
915	PHẠM KIM NGÂN	07/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	8.3	7.0	30.5	008100
916	HOÀNG YẾN VY	29/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	7.5	6.5	2.4	30.4	004248
917	TRẦN ÁNH DƯƠNG	23/08/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	8.0	3.4	30.4	004044
918	ĐỒNG ĐỨC KIÊN	18/02/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.0	7.5	5.4	30.4	004106
919	NGÔ THỊ THÙY CHI	06/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.5	5.4	30.4	010028
920	ĐÀO ĐỨC HÙNG	13/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.0	6.4	30.4	014088
921	ĐINH ĐẠI HUY	03/11/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	6.0	8.4	30.4	009078
922	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	28/07/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.5	9.0	3.4	30.4	004191
923	NGUYỄN THỊ MINH THU	22/08/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	7.0	7.4	30.4	016232
924	MAI TUẤN DŨNG	09/01/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.3	8.8	6.4	30.4	003045
925	NGUYỄN DUY THÁI	24/10/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	7.0	5.5	5.3	30.3	016228
926	NGUYỄN HẢI DUY	21/06/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.8	7.0	4.8	30.3	007055
927	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC ANH	13/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.8	6.5	5.8	30.3	007011
928	TRẦN MINH NGỌC	19/06/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.8	6.5	5.8	30.3	004153
929	NGUYỄN THU TRANG	01/09/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.5	7.0	5.3	30.3	014228
930	PHẠM THỊ THU HÀ	08/05/2011	6A3	THCS NAM SƠN	5.3	8.0	3.8	30.3	014061

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
931	ĐOÀN MINH PHƯỢNG	01/09/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.3	7.5	4.8	30.3	014195
932	DƯƠNG THỊ ĐIỂM HƯƠNG	20/08/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	5.0	7.3	5.8	30.3	007124
933	GIÁP THỊ QUỲNH MAI	03/01/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.0	6.5	7.3	30.3	006080
934	NGUYỄN BẢO AN	30/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.8	7.3	6.3	30.3	014002
935	NGUYỄN LÊ HÀ CHI	14/05/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.8	8.0	6.8	30.3	003029
936	PHẠM THỊ NGỌC TRANG	20/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	5.3	6.3	7.1	30.2	011167
937	ĐẶNG HÀ HẢI	18/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	7.3	4.3	7.2	30.2	002117
938	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	24/10/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	5.2	30.2	016226
939	NGUYỄN THU THẢO	03/09/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.8	6.3	6.2	30.2	002290
940	TRẦN KHÔI NGUYỄN	03/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.5	7.5	4.2	30.2	011127
941	PHẠM YẾN NHI	23/02/2011	6A	THCS LÊ LỢI	5.0	7.5	5.2	30.2	012070
942	NGUYỄN MINH ANH	28/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.0	7.3	5.7	30.2	014012
943	PHẠM THÚY AN	01/02/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	4.8	6.8	7.2	30.2	011002
944	LÊ GIA HUY	21/09/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.3	7.5	6.7	30.2	014083
945	ĐỖ THỊ THÙY LINH	09/09/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.3	6.0	5.6	30.1	002184
946	LƯU PHÚC KHÁNH	11/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.3	5.5	6.6	30.1	005097
947	NGUYỄN GIA BẢO	17/11/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	7.1	30.1	016021
948	CAO THỊ BẢO NGỌC	04/12/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	4.1	30.1	010142
949	VŨ TRẦN QUỲNH CHI	17/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.0	7.3	5.6	30.1	011025
950	PHẠM BẢO NGỌC	09/05/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	5.0	7.0	6.1	30.1	002235
951	ĐẶNG HẢI YẾN	18/01/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.8	7.0	6.6	30.1	011188
952	VŨ VĂN BẢO NAM	03/01/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.8	6.5	7.6	30.1	003142
953	LÊ QUỐC VIỆT	13/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	7.3	5.0	5.5	30	006152
954	LÊ QUỲNH ANH	06/08/2011	6C	THCS LÊ LỢI	7.0	5.8	4.4	30	012004
955	TRƯƠNG NGUYỄN HÀ TRANG	26/02/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.5	6.5	4.0	30	004225
956	TRẦN KHÁNH HUYỀN	09/08/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	6.5	6.5	4.0	30	013079
957	NGUYỄN MINH LỘC	28/01/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	6.0	7.5	3.0	30	001124
958	PHẠM THỊ QUỲNH CHI	08/01/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	6.0	7.0	4.0	30	013024
959	NGÔ THỊ TÚ UYÊN	10/06/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.0	7.0	4.0	30	003238
960	NGUYỄN XUÂN THỊNH CƯỜNG	09/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	6.0	6.0	30	015031

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
961	TRẦN LÊ PHƯƠNG LINH	07/07/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	6.0	30	001121
962	NGUYỄN THỊ HÀ MY	19/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.5	7.5	4.0	30	004140
963	PHẠM LAN HƯƠNG	09/03/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.5	7.0	5.0	30	013085
964	HOÀNG VĂN TOÀN	03/03/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.5	7.0	5.0	30	010209
965	PHẠM HẢI YẾN	28/12/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.5	6.5	6.0	30	004253
966	BÙI MAI PHƯƠNG	14/08/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.3	6.8	6.0	30	005169
967	NGUYỄN VÕ UYÊN NHI	26/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.0	8.0	4.0	30	007229
968	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	22/01/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.5	5.0	30	010120
969	TRẦN MẠNH QUÂN	03/09/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	7.5	5.0	30	012084
970	PHẠM DIỆU MY	02/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.5	5.0	30	001138
971	PHẠM PHƯƠNG MAI	08/05/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.0	7.0	6.0	30	005122
972	VŨ GIA HUY	29/09/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	6.0	30	001092
973	NGUYỄN LÊ ANH DUY	27/11/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	6.0	30	001040
974	VŨ THANH VÂN	11/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	6.0	30	001236
975	LƯƠNG THÙY TRANG	24/11/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.0	6.0	30	007306
976	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	21/07/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.0	6.5	7.0	30	015104
977	VI YẾN NHI	03/05/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.5	7.0	30	001165
978	HOÀNG ĐỨC QUÂN	03/06/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	4.8	8.0	4.4	30	013146
979	NGUYỄN ĐOÀN QUANG HUY	10/04/2011	6A1	THCS AN HỒNG	4.5	8.0	5.0	30	004075
980	PHẠM HẢI AN	26/07/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	4.5	8.0	5.0	30	013001
981	NGUYỄN ĐỖ THÙY DƯƠNG	07/02/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	4.5	8.0	5.0	30	013038
982	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	12/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	8.0	6.0	30	001175
983	NGUYỄN TUẤN DŨNG	02/11/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	8.0	30	001042
984	LƯU THU HƯƠNG	29/06/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.5	8.5	6.0	30	003098
985	ĐỖ BẢO TRẦN	05/01/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	7.5	8.0	30	008145
986	TRƯƠNG VĂN BẢO NAM	01/01/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	7.3	5.0	5.4	29.9	013119
987	VŨ THỊ THUẬN AN	08/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.5	7.0	4.9	29.9	004006
988	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	20/07/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	3.9	29.9	010077
989	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	14/11/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.8	8.0	4.4	29.9	011046
990	DƯƠNG HOÀNG NGÂN	26/09/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	7.5	4.5	5.8	29.8	007200

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
991	LÊ DIỆU LINH	26/09/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.5	6.5	3.8	29.8	010104
992	BÙI MINH ĐỨC	05/01/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	6.0	4.8	29.8	004049
993	VŨ THỊ TUYẾT NHI	28/08/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	6.3	6.5	4.3	29.8	010160
994	NGUYỄN THỊ TÂM	15/09/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	7.0	3.8	29.8	012090
995	NGUYỄN ĐỨC MINH	03/06/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.0	5.8	29.8	012061
996	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	06/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.5	6.5	5.8	29.8	007058
997	NGUYỄN PHAN THÁI HÒA	28/10/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.0	6.8	29.8	002135
998	ĐOÀN THỊ TUỆ MẪN	07/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	3.8	29.8	010127
999	NGUYỄN XUÂN SƠN	22/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.0	7.8	4.2	29.8	011153
1000	NGÔ THẢO VÂN	27/07/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.8	8.3	3.8	29.8	003240
1001	TRẦN THÙY LINH	20/08/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.8	7.5	5.3	29.8	006075
1002	HOÀNG TUỆ LÂM	02/04/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.5	8.3	4.3	29.8	006065
1003	ĐẶNG THỊ TUYẾT MAI	25/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.5	8.0	4.8	29.8	011099
1004	NGUYỄN ĐỨC ANH	06/10/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.5	7.0	6.8	29.8	003010
1005	NGUYỄN CẢNH ĐỨC	24/02/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.3	8.0	5.3	29.8	006039
1006	TRẦN THANH THƯ	27/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	7.3	4.5	6.2	29.7	007293
1007	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	03/01/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.5	6.5	3.7	29.7	014201
1008	VŨ DIỆP ANH	21/08/2011	6A3	THCS NAM SƠN	6.3	6.0	5.2	29.7	014022
1009	NGUYỄN HẢI TÂN	01/01/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	6.0	5.8	6.2	29.7	007266
1010	LÊ DUY LÂM	24/04/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.5	6.5	5.7	29.7	004112
1011	LƯU NGUYỄN BẢO NHI	06/12/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.5	6.3	6.2	29.7	003159
1012	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐIỂM	31/10/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	5.7	29.7	010030
1013	PHẠM THANH AN	16/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.8	7.5	5.2	29.7	015004
1014	TRẦN HÀ ANH	27/01/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.8	6.5	7.2	29.7	002036
1015	ĐINH TRẦN MINH CHÂU	23/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.5	7.0	6.7	29.7	006022
1016	TRẦN HƯƠNG GIANG	01/06/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.0	6.8	8.2	29.7	002108
1017	VŨ THÙY HƯƠNG	01/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	7.3	4.5	6.1	29.6	011080
1018	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	17/11/2011	6A2	THCS AN HỒNG	7.0	6.0	3.6	29.6	004220
1019	NGUYỄN MẠNH VŨ	20/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	7.0	5.5	4.6	29.6	004243
1020	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	26/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	6.3	6.0	5.0	29.6	007310

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1021	NGUYỄN XUÂN HIỂN	20/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	5.6	29.6	001072
1022	NGUYỄN VIỆT ANH	06/11/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.0	5.6	29.6	012010
1023	TRẦN ÁNH DƯƠNG	08/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	5.5	6.8	5.0	29.6	005056
1024	NGUYỄN ĐÌNH MINH TIẾN	30/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.5	6.0	6.6	29.6	007298
1025	TRẦN VĂN HOÀNG	13/07/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.5	6.0	6.6	29.6	007108
1026	NGUYỄN TRỌNG VIỆT ANH	24/08/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.3	7.0	5.0	29.6	013009
1027	MAI VŨ HUY	05/04/2011	6A1	THCS AN HƯNG	5.3	6.5	6.1	29.6	005086
1028	HOÀNG KHÁNH TOÀN	20/07/2011	6A3	THCS NAM SƠN	5.3	6.3	6.6	29.6	014224
1029	TRẦN THỊ MAI DUNG	20/08/2011	6A	THCS LÊ LỢI	5.0	7.5	4.6	29.6	012021
1030	NGÔ HOÀI THU	16/08/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	7.5	4.6	29.6	009186
1031	HOÀNG ĐĂNG THẮNG	22/11/2011	6A1	THCS AN HỒNG	5.0	7.0	5.6	29.6	004200
1032	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	07/09/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.0	6.8	6.0	29.6	005154
1033	CHUNG THIỆN NHÂN	25/07/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.0	7.6	29.6	002243
1034	NGUYỄN ĐẶNG HÀ VI	05/08/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	3.5	9.0	4.6	29.6	013181
1035	TRƯƠNG QUANG ĐỨC HẢI	24/07/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	7.3	5.0	5.0	29.5	013057
1036	TỔNG KHÁNH NAM	13/05/2011	6A5	THCS AN HƯNG	6.0	6.0	5.5	29.5	005138
1037	ĐỖ TRUNG KIÊN	11/06/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.0	7.5	29.5	016112
1038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	22/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	5.8	5.5	7.0	29.5	005141
1039	ĐỖ ĐỨC ANH	27/11/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.3	6.0	29.5	002011
1040	ĐÀO HÀ VY	02/06/2011	6A2	THCS NAM SƠN	5.0	7.5	4.5	29.5	014250
1041	LÊ HOÀNG NAM	16/06/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.3	5.0	29.5	001142
1042	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	11/05/2011	6A6	THCS NAM SƠN	5.0	7.0	5.5	29.5	014172
1043	PHẠM THỊ MINH TRANG	02/11/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	7.5	5.0	29.5	008142
1044	LÊ TRÁC LÂM	30/07/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.8	6.8	6.5	29.5	006066
1045	BÙI TƯỜNG VY	22/09/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	6.0	8.0	29.5	008164
1046	LÊ THÙY DƯƠNG	03/06/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.8	6.0	8.0	29.5	002079
1047	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	10/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	4.5	7.5	5.5	29.5	016176
1048	NGUYỄN NGỌC ANH	09/07/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.5	6.8	7.0	29.5	008009
1049	TRỊNH THỊ HOÀI THƯƠNG	24/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.3	8.0	5.0	29.5	005203
1050	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	24/01/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.3	8.0	5.0	29.5	011114

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1051	PHẠM THÙY CHI	07/02/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.3	7.5	6.0	29.5	008021
1052	LÊ THỊ QUỲNH ANH	23/02/2011	6A1	THCS AN HƯNG	4.3	7.0	7.0	29.5	005011
1053	ĐOÀN THỊ MINH NGỌC	18/05/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.5	4.5	29.5	010143
1054	TRẦN TUẤN KIỆT	29/10/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	8.3	5.0	29.5	001110
1055	LÊ VĂN LÂM	28/06/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.0	8.3	5.0	29.5	006067
1056	NGUYỄN QUỲNH ANH	19/12/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	7.5	7.0	29.5	008010
1057	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	05/12/2011	6A3	THCS AN HƯNG	3.8	7.0	8.0	29.5	005143
1058	VŨ KIỀU OANH	19/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.5	7.8	7.0	29.5	003168
1059	VŨ NGỌC BÍCH	23/09/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.3	7.5	3.8	29.4	010023
1060	PHÙNG NHẬT MINH	12/07/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.0	5.5	6.4	29.4	004135
1061	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN TRUNG	31/08/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.5	7.0	4.4	29.4	004227
1062	THÁI ĐĂNG THIÊN PHÚ	02/11/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.5	5.4	29.4	002254
1063	NGUYỄN QUỐC MINH	13/11/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.3	6.3	6.4	29.4	003137
1064	ĐỖ PHÚC ĐIỂN	30/05/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.3	8.4	29.4	002097
1065	AN MINH KHÔI	02/12/2011	6A	THCS LÊ LỢI	5.0	7.5	4.4	29.4	012041
1066	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	16/01/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.5	4.4	29.4	010184
1067	PHẠM THÀNH HƯNG	30/09/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.5	7.3	29.3	016102
1068	ĐỖ NGỌC QUANG	11/03/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.3	5.8	5.3	29.3	014196
1069	VŨ PHẠM TÙNG LÂM	05/03/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	4.3	29.3	016124
1070	NGUYỄN THÁI HÀ	25/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	6.3	29.3	016064
1071	PHẠM BẢO SƠN	04/04/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.3	8.0	2.8	29.3	002275
1072	LƯU TIẾN CÔNG	07/09/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	5.3	29.3	016039
1073	NGUYỄN VIỆT THẮNG	07/09/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.8	6.5	6.8	29.3	003201
1074	NGUYỄN ANH QUÂN	29/09/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	7.0	5.5	4.2	29.2	007252
1075	TRẦN VĂN MINH	07/01/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.5	6.0	4.2	29.2	007185
1076	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	20/09/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	6.5	6.0	4.2	29.2	016174
1077	NGUYỄN BẢO LỘC	25/02/2011	6A	THCS LÊ LỢI	6.0	6.0	5.2	29.2	012056
1078	NGÔ MAI PHƯƠNG	20/10/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.0	5.2	29.2	016197
1079	HÀ THỊ NGỌC ANH	04/01/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.8	6.5	4.7	29.2	014005
1080	NGUYỄN THÚY DIỆP	18/06/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.5	6.8	4.7	29.2	014039

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1081	NGUYỄN THÀNH MINH	17/10/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.0	8.0	3.2	29.2	014145
1082	PHẠM THỊ NGỌC VÂN	19/05/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.5	6.2	29.2	010237
1083	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG CHI	03/08/2011	6A6	THCS NAM SƠN	4.0	7.0	7.2	29.2	014032
1084	NGUYỄN TRÍ ĐIỆP	01/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.5	8.5	5.2	29.2	010047
1085	NGUYỄN NGỌC HẢI	14/04/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.3	9.0	4.7	29.2	014067
1086	NGUYỄN MINH HƯNG	23/09/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	7.5	8.2	29.2	009086
1087	VŨ QUANG NHẬT	23/01/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	9.0	3.8	3.6	29.1	007223
1088	PHẠM LÊ HIẾU	25/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	7.8	5.0	3.6	29.1	007098
1089	NGUYỄN HOÀNG NHẬT LONG	30/06/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.5	6.3	3.6	29.1	002200
1090	VŨ THỊ KHÁNH LY	28/10/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	5.8	5.0	7.6	29.1	007168
1091	ĐOÀN THỊ KHÁNH LINH	05/11/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	5.5	6.3	5.6	29.1	002182
1092	VŨ DUY THÀNH	25/08/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.3	6.5	5.6	29.1	003194
1093	TRẦN TRỌNG NGHĨA	26/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.8	7.3	5.0	29.1	005148
1094	LÊ GIA HÂN	23/11/2011	6A2	THCS AN HỒNG	4.5	8.0	4.1	29.1	004058
1095	VŨ THỊ THU HẰNG	05/05/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	9.0	5.1	29.1	010058
1096	ĐINH NGUYỄN TUẤN MINH	29/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.0	8.3	6.6	29.1	003134
1097	NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN	22/06/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	7.5	3.5	7.0	29	007202
1098	PHẠM BÙI HÀ LINH	17/11/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	7.0	5.5	4.0	29	001118
1099	NGÔ GIA HUY	09/05/2011	6A5	THCS AN HOÀ	7.0	4.5	6.0	29	003086
1100	ĐINH THIÊN HƯƠNG	28/07/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	6.5	5.0	6.0	29	013083
1101	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	22/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.0	7.0	3.0	29	005121
1102	LÊ THỊ LINH ĐAN	03/04/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.0	7.0	3.0	29	004045
1103	BÙI QUỐC KHÁNH	02/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.0	6.5	4.0	29	004093
1104	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	29/10/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.0	6.5	4.0	29	004120
1105	VŨ BẢO NGỌC	30/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.5	4.0	29	001157
1106	ĐỖ THỊ THANH CHÚC	13/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	6.0	6.0	5.0	29	015027
1107	BÙI QUỲNH ANH	13/06/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	5.0	29	001001
1108	PHẠM TRẦN KHÁNH CHI	06/07/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	5.0	29	001026
1109	KHỔNG THỊ HẢI ANH	22/07/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	5.5	6.0	29	001005
1110	LẠI THỊ MAI ANH	01/12/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	5.0	7.0	29	001006

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1111	ĐINH TIẾN ĐẠT	15/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.0	4.0	9.0	29	002091
1112	LÊ THỊ HẢI YẾN	29/11/2011	6A	THCS BẮC SƠN	5.8	6.5	4.5	29	006158
1113	VŨ HẢI ĐĂNG	07/05/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.5	6.0	6.0	29	004048
1114	NGUYỄN XUÂN TÙNG	24/10/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.5	5.5	7.0	29	005220
1115	BÙI VĂN HOÀNG THÁI	10/07/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.3	7.5	3.4	29	010201
1116	HOÀNG THỊ PHƯƠNG ANH	19/08/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	7.0	5.0	29	012003
1117	NGUYỄN MINH ĐĂNG	23/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	5.0	29	001054
1118	NGUYỄN BẢO LÂM	31/08/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.0	7.0	5.0	29	013097
1119	NGUYỄN ĐÌNH BẢO AN	17/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.0	7.0	5.0	29	007001
1120	BÙI THỊ MINH THUẬN	13/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	5.0	29	010204
1121	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	17/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	5.0	29	001051
1122	PHẠM TRẦN KHÁNH TRANG	20/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	7.0	5.0	29	012099
1123	LÊ KHÁNH HUYỀN	19/09/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.5	6.0	29	010086
1124	LÊ QUANG ÂN	01/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.5	6.0	29	002048
1125	BÙI THÙY DƯƠNG	30/10/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	6.5	6.0	29	008030
1126	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	14/05/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.5	6.0	29	007270
1127	PHẠM VĂN THÀNH	23/03/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	5.5	8.0	29	008129
1128	LÊ TUẤN KIỆT	04/02/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.8	5.8	8.0	29	002178
1129	LÊ THỊ BAN MAI	25/07/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.5	7.0	6.0	29	002206
1130	NGUYỄN QUANG MINH	06/05/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.5	7.0	6.0	29	015089
1131	PHẠM TIẾN ĐẠT	03/09/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.5	6.0	29	001052
1132	MAI PHƯƠNG ANH	04/10/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	7.5	6.0	29	012006
1133	NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG	18/02/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.0	7.0	7.0	29	005201
1134	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	09/04/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.0	7.0	7.0	29	005142
1135	NGUYỄN TOÀN THẮNG	09/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.5	8.5	5.0	29	014216
1136	PHẠM THỊ THẢO NGÂN	19/02/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	8.5	7.0	29	008102
1137	VŨ MAI TRANG	12/10/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	8.5	7.0	29	008144
1138	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	28/11/2011	6A3	THCS NAM SƠN	5.3	6.5	5.4	28.9	014080
1139	ĐÀO PHÚ MINH	21/10/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	4.8	7.5	4.4	28.9	007179
1140	LÊ THỊ DIỆU LINH	14/03/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.5	8.8	4.4	28.9	006073

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1141	NGÔ TỔNG QUÂN	24/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.3	7.5	7.4	28.9	003179
1142	VŨ VIỆT HOÀNG	07/04/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	7.3	5.3	3.8	28.8	002134
1143	VŨ VĂN HÙNG	28/06/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	6.8	6.0	3.2	28.8	010091
1144	NGUYỄN VĂN QUÝ	04/12/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	6.5	5.0	5.8	28.8	007260
1145	LÊ HỮU SƠN TÙNG	25/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.0	5.5	5.8	28.8	004235
1146	LÊ TRẦN HÀ PHƯƠNG	13/12/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.3	5.8	6.8	28.8	006107
1147	NGUYỄN ĐĂNG NAM KHÁNH	03/05/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.8	6.8	28.8	002162
1148	LÊ BÍCH NGỌC	25/07/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	2.8	28.8	010146
1149	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	26/04/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	4.5	7.5	4.8	28.8	007015
1150	TRƯƠNG VĂN TRƯỜNG	18/06/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	4.5	7.0	5.8	28.8	013176
1151	VŨ KHÁNH HÒA	20/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.0	4.8	28.8	010081
1152	LƯU VĂN HUY	21/10/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.5	7.5	6.8	28.8	003084
1153	TRẦN ÁNH DƯƠNG	02/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.5	7.0	7.8	28.8	011037
1154	NGUYỄN HOÀNG ĐẠT	14/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	6.5	6.0	3.7	28.7	010041
1155	NGUYỄN HỮU ĐẠT	02/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.0	6.2	28.7	002094
1156	ĐÀO HƯƠNG GIANG	23/01/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.3	8.2	28.7	001059
1157	VŨ THỊ NGỌC MAI	07/03/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	6.8	6.2	28.7	003130
1158	LÊ VĂN LONG	17/07/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.5	6.5	6.7	28.7	006078
1159	LÊ THU HƯỜNG	27/02/2011	6A4	THCS NAM SƠN	4.3	8.5	3.2	28.7	014096
1160	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	07/04/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.3	7.0	6.2	28.7	003197
1161	LÊ ĐỨC THẨM	11/03/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.0	7.3	6.2	28.7	003199
1162	NGUYỄN TRẦN BÍCH GIANG	02/09/2011	6A4	THCS AN HƯNG	3.5	7.5	6.7	28.7	005067
1163	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	18/04/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	8.0	4.5	3.6	28.6	007254
1164	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/06/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.3	6.0	2.0	28.6	013042
1165	ĐỒNG ĐỨC BẢO	23/10/2011	6A4	THCS AN HỒNG	6.5	6.0	3.6	28.6	004023
1166	PHẠM VŨ MINH THƯ	14/11/2011	6A1	THCS NAM SƠN	6.3	6.8	2.6	28.6	014221
1167	BÙI NGHIÊM MINH	06/09/2011	6C	THCS BẮC SƠN	6.3	5.3	5.6	28.6	006083
1168	ĐẶNG QUỐC DUY	15/04/2011	6C	THCS LÊ LỢI	6.0	6.5	3.6	28.6	012022
1169	BÙI PHƯƠNG MAI	02/06/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	6.0	4.5	7.6	28.6	007169
1170	PHÍ THÀNH HUY	26/01/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.3	6.5	5.0	28.6	013076

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1171	HOÀNG ĐÌNH MẠNH	26/07/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.3	7.0	4.1	28.6	014137
1172	HÀ VĂN NGỌC	22/07/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.0	7.0	4.6	28.6	014162
1173	PHẠM ANH QUỲNH	19/01/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	4.6	28.6	001188
1174	ĐOÀN PHẠM HẢI TRANG	03/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	6.0	6.6	28.6	009193
1175	PHẠM THỊ THÚY KIỀU	05/08/2011	6A3	THCS AN HƯNG	5.0	5.3	8.0	28.6	005106
1176	NGUYỄN TRÀ MY	08/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	4.5	7.5	4.6	28.6	011115
1177	LÊ NGUYỄN THÙY CHI	24/06/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.5	6.8	6.0	28.6	005038
1178	NGUYỄN YẾN NHI	04/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.3	8.3	5.6	28.6	014175
1179	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	10/11/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	7.8	5.5	2.0	28.5	007093
1180	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	05/11/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	6.8	5.0	5.0	28.5	013111
1181	TRẦN QUYẾT TIẾN	14/01/2011	6A1	THCS AN HOÀ	6.3	5.5	5.0	28.5	003215
1182	NGUYỄN LƯU LY	20/01/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.0	6.8	3.0	28.5	002203
1183	VŨ THU HƯƠNG	14/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.0	5.5	5.5	28.5	011079
1184	TRẦN QUỲNH CHI	05/03/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	6.0	5.3	6.0	28.5	001028
1185	NGUYỄN THANH TÙNG	28/11/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.8	6.5	4.0	28.5	003236
1186	BÙI THỊ ANH THƯ	27/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	8.0	2.5	28.5	001213
1187	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	24/10/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	8.0	2.5	28.5	010002
1188	NGUYỄN THỊ KHÁNH DƯƠNG	07/01/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.5	3.5	28.5	001045
1189	NGUYỄN THÀNH LUÂN	12/01/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.8	5.0	28.5	002201
1190	ĐỖ THỊ LINH CHI	02/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	6.5	5.5	28.5	016034
1191	BÙI HOÀNG GIA BẢO	13/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.3	6.0	28.5	001017
1192	VŨ MINH HẰNG	03/04/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.3	6.0	28.5	001071
1193	NGUYỄN NHẬT MINH	14/07/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.8	7.5	4.0	28.5	005130
1194	LÊ THÙY DƯƠNG	11/12/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	4.8	5.3	8.5	28.5	002080
1195	PHẠM ĐỨC BẢO	15/03/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.3	7.0	6.0	28.5	011017
1196	PHAN NGỌC ANH	18/11/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.3	7.0	6.0	28.5	006013
1197	ĐỖ NGUYỄN TUẤN MINH	10/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	4.3	7.0	6.0	28.5	005127
1198	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	05/11/2011	6A1	THCS AN HOÀ	4.0	7.3	6.0	28.5	003156
1199	NGUYỄN THỊ HÀ VY	08/10/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.3	8.0	28.5	001241
1200	VŨ THI KIỀU LINH	03/03/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	8.5	7.0	28.5	008087

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1201	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	19/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	5.3	6.0	5.8	28.4	010125
1202	NGUYỄN TIẾN DŨNG	06/08/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.3	5.3	5.4	28.4	014044
1203	DƯƠNG VIỆT ANH	01/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	6.0	6.5	3.4	28.4	004008
1204	ĐINH VŨ THANH TRÚC	28/04/2011	6A3	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	4.4	28.4	004228
1205	LÊ KHÁNH HUYỀN	18/05/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.5	7.0	3.4	28.4	004079
1206	NGUYỄN THỊ HÀ TRANG	14/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	4.4	28.4	010211
1207	NGUYỄN CẨM TÚ	06/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.0	6.4	28.4	002325
1208	ĐOÀN TRUNG NGHĨA	15/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.8	6.5	5.9	28.4	010139
1209	NGÔ ÁNH HỒNG	23/12/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	4.5	6.5	6.4	28.4	015058
1210	ĐỒNG PHƯƠNG LINH	04/11/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	6.5	7.4	28.4	012048
1211	ĐOÀN VŨ BẢO PHƯƠNG	30/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.0	8.0	6.4	28.4	011141
1212	NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA	23/04/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.5	6.3	28.3	016084
1213	NGUYỄN THÀNH NAM	03/08/2011	6A3	THCS NAM SƠN	5.0	7.5	3.3	28.3	014153
1214	ĐỖ THẢO VI	11/10/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	4.3	28.3	016283
1215	VŨ PHẠM THÙY DƯƠNG	03/05/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.8	4.8	28.3	001050
1216	VŨ ĐÀO MINH CHÂU	03/11/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.0	7.8	4.8	28.3	002058
1217	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	09/04/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	6.8	8.8	28.3	009065
1218	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	26/07/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	7.0	5.0	4.2	28.2	013108
1219	NGUYỄN THÀNH PHÚC	08/09/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	6.5	3.5	8.2	28.2	002255
1220	LÊ THẾ VĂN	17/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.0	5.0	6.2	28.2	010238
1221	MAI DUY PHÚC	23/02/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	5.2	28.2	016195
1222	NGUYỄN PHƯƠNG VY	21/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	5.3	6.5	4.7	28.2	006155
1223	CÁP THỊ HẢI LINH	15/10/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.0	7.0	4.2	28.2	016126
1224	NGUYỄN DUY THÁI	19/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.5	7.5	6.2	28.2	003198
1225	NGÔ VIỆT ANH	27/08/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.3	6.8	8.2	28.2	007010
1226	ĐÀO THỊ NGỌC HẰNG	26/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	7.0	8.2	28.2	009073
1227	NGÔ PHƯƠNG THANH	02/01/2011	6A2	THCS AN HOÀ	2.8	8.3	6.2	28.2	003189
1228	PHẠM HOÀNG HÀ	12/01/2011	6A4	THCS AN HOÀ	5.8	5.5	5.6	28.1	003067
1229	NGUYỄN TRANG NHUNG	10/10/2011	6A5	THCS AN HÙNG	5.5	6.0	5.1	28.1	005163
1230	NGUYỄN NGỌC ANH	23/03/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	6.0	5.6	28.1	009017

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1231	NGUYỄN XUÂN TRÍ HOAN	02/08/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	4.1	28.1	010072
1232	PHẠM HÀ MY	23/07/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.5	5.1	28.1	002225
1233	HOÀNG VĂN HÙNG	26/06/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	6.8	5.6	28.1	003092
1234	NGÔ THANH THÚY	20/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.5	6.5	6.1	28.1	016238
1235	LƯU ĐỨC GIANG	29/01/2011	6A1	THCS AN HƯNG	4.5	6.5	6.1	28.1	005066
1236	DƯƠNG YẾN NHI	24/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.5	6.3	6.6	28.1	003158
1237	TRẦN THỊ BẢO YẾN	19/12/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	6.0	8.6	28.1	009218
1238	LÊ HỒNG THÁI	25/11/2011	6A1	THCS AN HỒNG	7.0	5.0	4.0	28	004197
1239	NGUYỄN GIA HUY	28/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	5.0	4.0	28	001090
1240	PHẠM MINH PHONG	04/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	6.8	6.1	2.3	28	014184
1241	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	04/08/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	6.5	5.0	5.0	28	007253
1242	PHẠM THANH THƯƠNG	20/11/2011	6B	THCS LÊ LỢI	6.5	4.5	6.0	28	012095
1243	ĐẶNG TRÍ KIÊN	14/08/2011	6A6	THCS AN HƯNG	6.0	5.5	5.0	28	005103
1244	TRẦN NGỌC DIỆP	05/12/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.5	5.0	28	016043
1245	NGUYỄN HUY HƯNG	29/01/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	4.5	7.0	28	001098
1246	TRƯƠNG THANH LONG	26/03/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	4.5	7.0	28	001123
1247	ĐÀO MINH HIẾU	27/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.5	6.0	28	002126
1248	NGUYỄN ANH THƯ	23/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.5	3.0	28	001214
1249	NGUYỄN NGỌC BÍCH	11/11/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	7.0	4.0	28	001022
1250	NGUYỄN VIỆT ANH	24/12/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.0	7.0	4.0	28	005021
1251	ĐỖ ĐÌNH NGUYỄN	11/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.0	6.8	4.4	28	011126
1252	PHẠM BÙI PHƯƠNG LINH	17/11/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.5	5.0	28	001119
1253	NGUYỄN NAM KHÁNH	20/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.5	5.0	28	001106
1254	TRẦN KIM YẾN	06/01/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	6.5	5.0	28	012112
1255	NGUYỄN KHẮC PHÚC	08/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	6.5	5.0	28	012076
1256	NGUYỄN NGỌC DUY VŨ	05/10/2011	6A4	THCS AN HƯNG	5.0	6.0	6.0	28	005232
1257	VŨ TUẤN LÂM	19/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	6.0	28	001115
1258	NGUYỄN THỊ NGỌC VIỆT	01/02/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	7.0	28	010241
1259	HỒ THỊ THANH TRÀ	10/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	4.5	7.5	4.0	28	016255
1260	ĐỒNG YẾN NHI	01/01/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.5	7.0	5.0	28	004157

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1261	HÀ NAM MINH	16/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.5	7.0	5.0	28	015086
1262	LÊ THỊ NGỌC DUYÊN	04/07/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	4.5	7.0	5.0	28	013033
1263	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/04/2011	6A	THCS BẮC SƠN	4.5	6.5	6.0	28	006137
1264	NGÔ QUANG MINH	07/10/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.0	4.0	28	010128
1265	NGUYỄN ĐÌNH CAO	18/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	7.0	6.0	28	016028
1266	PHẠM TRẦN THANH HÀ	22/07/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	6.0	28	012031
1267	ĐỖ BẢO LAN	05/03/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	6.0	28	012044
1268	NGUYỄN NGỌC DIỆP	06/10/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	6.0	28	001035
1269	VŨ TIẾN THÀNH	19/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.5	7.0	28	001200
1270	ĐỖ THỊ THU HUYỀN	30/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	8.0	5.0	28	008063
1271	PHẠM THỊ PHƯƠNG LINH	22/12/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	8.0	6.0	28	008086
1272	NGUYỄN THỊ KIM HUẾ	17/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.8	5.5	5.4	27.9	003081
1273	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	02/03/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.3	5.0	7.4	27.9	007292
1274	VŨ NGỌC LINH	20/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.0	6.8	4.4	27.9	004123
1275	NGUYỄN MINH HÀ	09/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.8	7.0	4.4	27.9	015045
1276	VŨ THÙY LINH	26/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.3	7.5	6.4	27.9	006077
1277	ĐỖ THỊ NHƯ QUỲNH	04/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.5	9.0	4.9	27.9	004182
1278	VŨ VIỆT ANH	22/12/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.0	5.5	4.8	27.8	002046
1279	LÊ HUYỀN TRANG	26/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.5	6.5	3.8	27.8	004218
1280	NGÔ NGUYỄN XUÂN MAI	23/09/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	5.5	5.5	5.8	27.8	011100
1281	KIỀU NGUYỄN NGỌC ANH	21/06/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.0	6.8	4.2	27.8	005010
1282	NGUYỄN QUANG SÁNG	28/01/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.0	5.8	27.8	007261
1283	VŨ QUỲNH ANH	03/06/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.8	7.0	4.3	27.8	014023
1284	LÊ KIM LIÊN	23/01/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.3	7.0	5.3	27.8	006068
1285	LÊ HÀ ANH	30/04/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.8	7.0	6.3	27.8	006006
1286	GIANG XUÂN HUY	10/01/2011	6A1	THCS AN HỒNG	3.0	8.0	5.8	27.8	004073
1287	ĐẶNG THỊ HẠNH	21/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.5	5.5	3.7	27.7	011052
1288	NGUYỄN ĐỨC NAM	12/04/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	6.3	4.5	6.2	27.7	007194
1289	HỒ QUỲNH HƯƠNG	30/06/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.0	4.5	6.7	27.7	016103
1290	TRẦN PHƯƠNG ANH	03/12/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.8	3.5	9.2	27.7	009023

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1291	ĐÀO KIỀU TRANG	02/01/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.5	3.7	27.7	016247
1292	NGUYỄN GIA BẢO	16/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	5.0	6.8	4.2	27.7	007031
1293	NGUYỄN MINH TUẤN	22/11/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.8	4.2	27.7	002319
1294	NGUYỄN HOÀNG TUẤN KHANG	10/06/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	4.3	7.0	5.2	27.7	007129
1295	TRẦN THỊ THANH THỦY	21/03/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	7.3	5.2	27.7	004207
1296	VŨ MINH TUẤN	23/01/2011	6A5	THCS AN HOÀ	3.3	8.5	4.2	27.7	003230
1297	NGUYỄN XUÂN PHÚ	05/08/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	7.0	3.5	6.6	27.6	016191
1298	BÙI BÌNH HẢI	14/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	6.8	5.0	4.0	27.6	010055
1299	NGUYỄN DUY MẠNH	19/10/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.3	4.6	27.6	002209
1300	LÊ THỊ KHÁNH VI	22/12/2011	6A2	THCS AN HOÀ	6.0	6.0	3.6	27.6	003242
1301	PHẠM HỒNG SƠN	27/04/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	6.0	5.5	4.6	27.6	001195
1302	NGUYỄN KHÁNH CHI	09/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.5	5.5	5.6	27.6	003028
1303	NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH MI	07/04/2011	6A6	THCS AN HƯNG	5.5	5.3	6.0	27.6	005123
1304	LÊ UN MY	15/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	5.5	4.5	7.6	27.6	003138
1305	ĐÀO AN HÒA	31/03/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.5	4.5	7.6	27.6	003079
1306	NGUYỄN MINH PHÚC	13/03/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.5	4.6	27.6	001171
1307	NGUYỄN MINH KHANG	08/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	4.8	6.3	5.6	27.6	014099
1308	ĐẶNG PHƯƠNG NAM	16/06/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	4.5	7.3	4.0	27.6	011117
1309	NGUYỄN MINH TÀI	16/07/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	4.5	7.0	4.6	27.6	013154
1310	NGUYỄN GIA HUY	17/12/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.5	6.5	5.6	27.6	002145
1311	PHẠM THIÊN AN	03/01/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	4.3	6.3	6.6	27.6	007003
1312	NGUYỄN VĂN THANH	14/04/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.0	8.5	4.6	27.6	010194
1313	PHẠM ANH THĂNG	31/05/2011	6A4	THCS NAM SƠN	7.8	5.0	2.0	27.5	014211
1314	NGUYỄN HỒNG HẢI	08/10/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.8	3.5	7.0	27.5	002118
1315	NGUYỄN THẢO NGỌC	14/09/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.0	6.5	2.5	27.5	016175
1316	PHẠM VĂN TƯỜNG	30/05/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	6.0	6.3	3.0	27.5	007336
1317	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	21/07/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.0	3.5	27.5	001215
1318	TRƯƠNG TUYẾT NHUNG	19/11/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	5.8	5.0	6.0	27.5	013133
1319	TRẦN THÀNH CÔNG	25/07/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	5.8	4.5	7.0	27.5	015030
1320	PHAN THỊ MINH TRANG	08/07/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.3	6.3	4.5	27.5	014229

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1321	NGUYỄN QUANG TÙNG	19/08/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.8	6.0	6.0	27.5	006148
1322	LƯU BÙI MINH NGỌC	05/06/2011	6A4	THCS AN HƯNG	4.3	7.0	5.0	27.5	005153
1323	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	10/12/2011	6A5	THCS AN HƯNG	4.3	6.5	6.0	27.5	005227
1324	VŨ BẢO NGỌC	19/11/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.0	8.0	3.5	27.5	002238
1325	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	17/08/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.5	7.0	6.5	27.5	014011
1326	LÊ PHƯƠNG LINH	24/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	5.8	9.0	27.5	009108
1327	PHẠM THỊ THÙY DƯƠNG	07/08/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	8.0	7.0	27.5	008037
1328	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	14/02/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.3	8.0	7.0	27.5	005027
1329	BÙI SINH PHÚC	11/07/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	6.8	3.8	27.4	012075
1330	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	15/04/2011	6A4	THCS AN HOÀ	6.5	4.5	5.4	27.4	003056
1331	NGUYỄN TIẾN MINH	07/09/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.5	4.9	27.4	002219
1332	PHẠM TÂM NHƯ	23/02/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	5.5	5.0	6.4	27.4	013135
1333	DƯƠNG HẢI LÂM	02/11/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.3	6.3	4.4	27.4	014113
1334	PHẠM KHÁNH PHƯƠNG	28/04/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	3.4	27.4	010177
1335	NGUYỄN NGỌC DIỆP	26/11/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.0	5.4	27.4	007051
1336	VŨ MAI ANH	07/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.8	6.0	5.9	27.4	011012
1337	NGUYỄN KIỀU OANH	25/01/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.5	5.5	7.4	27.4	003166
1338	NGÔ MINH HÀ	30/04/2011	6A2	THCS AN HOÀ	4.3	6.3	6.4	27.4	003066
1339	LÊ THỊ HẢI YẾN	09/12/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.5	8.0	4.4	27.4	013188
1340	NGÔ MINH QUANG	12/11/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.5	8.0	4.4	27.4	010178
1341	LƯƠNG KIM THÁI	11/08/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.5	7.0	6.4	27.4	013160
1342	NGUYỄN TUỆ MINH	22/12/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.0	5.5	4.3	27.3	016155
1343	DƯƠNG HOÀNG AN	22/11/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.5	6.3	3.8	27.3	004002
1344	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	21/01/2011	6C	THCS BẮC SƠN	5.5	5.5	5.3	27.3	006118
1345	BÙI THỊ NGỌC NHI	23/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	7.0	3.3	27.3	010153
1346	CAO THỊ NGỌC ANH	01/05/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	5.3	6.8	27.3	009007
1347	LÊ VĂN BÌNH TIẾN	09/05/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.8	6.0	5.8	27.3	006134
1348	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	08/01/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	5.5	6.8	27.3	009051
1349	PHẠM PHÚC KHÁNH	28/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.8	5.0	7.8	27.3	002169
1350	NGÔ DIỆU LINH	30/01/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	6.3	5.8	27.3	003114

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1351	PHẠM MAI CHI	25/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	8.3	27.3	016037
1352	VŨ QUANG MINH	26/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.8	7.0	5.8	27.3	011110
1353	HÀ GIA TUỆ	15/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	5.5	3.2	27.2	004234
1354	BÀNG NGỌC CẨM TÚ	19/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	6.0	5.5	4.2	27.2	007334
1355	ĐẶNG TIẾN DŨNG	24/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.0	5.2	27.2	002069
1356	LƯU PHƯỚC THỊNH	22/09/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.3	6.3	6.2	27.2	003205
1357	NGUYỄN THỊ BẢO HÂN	28/11/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.0	8.0	3.2	27.2	010057
1358	HOÀNG HẢI HÀ	09/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	8.0	3.2	27.2	004055
1359	NGUYỄN KHÁNH CHI	04/08/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	5.2	27.2	012017
1360	NGUYỄN ĐOÀN MINH QUANG	24/07/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.3	5.0	4.6	27.1	002266
1361	ĐINH THỊ THU THỦY	07/02/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	4.1	27.1	016235
1362	NGUYỄN HẢI ANH	21/04/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.8	4.6	27.1	002017
1363	PHẠM THỊ VÂN ANH	03/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.8	4.6	27.1	002032
1364	LƯU PHÚ NAM	07/01/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.5	6.8	4.6	27.1	010136
1365	VŨ HOÀNG AN	04/02/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.3	6.5	5.6	27.1	006002
1366	LÊ THU THỦY	15/10/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	7.8	3.6	27.1	004206
1367	ĐOÀN LINH NGÀ	08/01/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	6.3	8.6	27.1	009133
1368	MAI THỊ KIM CHI	04/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	7.3	7.6	27.1	009036
1369	PHẠM HƯƠNG THUỶ	06/09/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	6.8	8.6	27.1	009188
1370	NGUYỄN MINH HIẾU	06/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.8	7.3	9.0	27.1	005078
1371	ĐOÀN MINH KHÁNH	05/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	7.0	3.0	7.0	27	001103
1372	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/08/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.5	5.0	4.0	27	016224
1373	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	14/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.5	5.0	27	016067
1374	NGUYỄN VĂN THÀNH	23/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.0	6.0	27	016220
1375	PHẠM KHÁNH LY	18/01/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	6.0	6.5	2.0	27	001126
1376	ĐOÀN QUANG ANH	22/10/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	3.0	27	004009
1377	PHẠM THỊ THU TRANG	13/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	6.0	5.5	4.0	27	007314
1378	NGUYỄN PHƯƠNG THÙY	12/10/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	6.0	5.0	5.0	27	001210
1379	NGUYỄN PHẠM KHÁNH LINH	15/12/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	6.0	3.5	8.0	27	008083
1380	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	29/05/2011	6A4	THCS AN HƯNG	5.8	5.3	5.0	27	005173

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1381	VŨ THIÊN VY	13/11/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.5	6.5	3.0	27	004252
1382	TÔ BẢO CHÂU	03/08/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	5.5	6.0	4.0	27	016032
1383	LÂM NGỌC BÍCH	08/12/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.5	5.5	5.0	27	005036
1384	NGUYỄN ĐỨC HƯNG	22/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.5	5.5	5.0	27	007122
1385	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	20/08/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.3	8.0	27	009138
1386	NGUYỄN MINH QUANG	20/03/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	6.5	4.0	27	012083
1387	PHẠM THỊ MỸ UYÊN	02/09/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.3	4.5	27	001235
1388	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	06/02/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	5.0	27	001013
1389	BÙI KHẢI TUẤN	12/05/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	6.0	5.0	27	012104
1390	PHẠM TRUNG HIẾU	27/07/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.0	5.0	27	007099
1391	NGUYỄN HOÀNG BẢO NGỌC	07/08/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	6.0	5.0	27	012067
1392	NGUYỄN PHƯƠNG NGÀ	21/03/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	6.0	5.0	27	012064
1393	TRỊNH NGUYỄN NHUNG	10/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	5.0	27	001167
1394	BÙI KHƯƠNG HUY	23/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	6.0	5.0	27	012038
1395	NGUYỄN NGỌC THANH CHÚC	10/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	5.0	6.0	5.0	27	015028
1396	NGUYỄN MINH THU	08/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.0	5.0	27	007285
1397	NGÔ PHƯƠNG LAN	22/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.5	6.0	27	016117
1398	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	13/05/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	7.0	27	001014
1399	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	22/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	4.5	8.0	2.0	27	010186
1400	BÙI QUỲNH ANH	12/01/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	4.5	7.0	4.0	27	013003
1401	DƯ THÀNH MINH	30/09/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.5	6.0	6.0	27	002212
1402	BÙI QUỲNH MAI	01/08/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	5.0	27	012058
1403	VŨ THỊ ANH THƯ	05/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.0	7.0	5.0	27	010206
1404	NGUYỄN MAI VY	28/02/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	5.0	27	012110
1405	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	02/08/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	4.0	7.0	5.0	27	013142
1406	PHẠM THÙY DUNG	14/07/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	6.0	7.0	27	008028
1407	LÊ THỊ MINH THƯ	27/11/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.5	7.5	5.0	27	006130
1408	VŨ NGỌC DIỆP	23/11/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.3	7.8	5.0	27	014041
1409	LÊ MINH QUANG	26/05/2011	6C	THCS BẮC SƠN	3.3	6.8	7.0	27	006110
1410	NGUYỄN MINH HIẾU	05/05/2011	6A6	THCS AN HỒNG	3.0	8.0	5.0	27	004061

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1411	TRƯƠNG MINH NGỌC	13/08/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	3.0	8.0	5.0	27	013128
1412	PHẠM MINH QUÂN	18/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.0	7.5	6.0	27	014199
1413	NGUYỄN DUY HÙNG	02/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	3.0	7.0	7.0	27	004082
1414	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	24/05/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	7.0	7.0	27	008012
1415	VŨ NGỌC ANH	09/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	2.5	8.0	6.0	27	013018
1416	LƯƠNG THỊ NGUYỆT ÁNH	07/02/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.0	5.3	4.4	26.9	002047
1417	HOÀNG MINH KHÁNH	29/03/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.5	4.8	6.4	26.9	002160
1418	VŨ THỊ HIỀN	20/12/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	4.9	26.9	010060
1419	TỔNG THỊ QUỲNH ANH	04/07/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.8	7.0	3.4	26.9	002034
1420	NGUYỄN THỊ DIỆP ANH	15/08/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.8	6.0	5.4	26.9	015009
1421	VŨ TRÍ HIẾU	11/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.5	7.0	3.9	26.9	010069
1422	HOÀNG HẢI YẾN	18/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	5.0	8.4	26.9	009217
1423	ĐÀO THỊ NGỌC TRINH	27/02/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.8	8.0	5.4	26.9	003221
1424	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	01/11/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.5	5.5	4.8	26.8	007259
1425	NGUYỄN NHẬT THIÊN	26/02/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.5	4.5	6.8	26.8	002297
1426	PHẠM QUANG MINH	11/11/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.8	6.8	26.8	009123
1427	NGUYỄN KHÁNH MINH	31/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.0	4.5	7.8	26.8	007181
1428	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	10/06/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.5	6.0	5.8	26.8	003184
1429	NGUYỄN HOÀNG MINH	09/05/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.0	7.5	3.8	26.8	010131
1430	VŨ ĐÀM THIÊN TÚ	16/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	4.0	7.0	4.8	26.8	006149
1431	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	15/05/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.5	8.0	3.8	26.8	014095
1432	NGUYỄN MINH ĐỨC	09/08/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.0	7.5	5.8	26.8	003061
1433	NGUYỄN QUÂN PHƯƠNG	24/12/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	7.5	3.8	4.2	26.7	007242
1434	VŨ MINH KHOA	04/11/2011	6A3	THCS AN HỒNG	5.5	5.5	4.7	26.7	004103
1435	TRẦN ĐỨC BÌNH	14/11/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.3	4.8	6.7	26.7	002054
1436	TRẦN BÌNH MINH	22/12/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.0	6.3	4.2	26.7	014149
1437	NGUYỄN KHÁNH VI	15/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	4.8	5.5	6.2	26.7	015147
1438	NGUYỄN HẢI ANH	08/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.0	6.5	5.7	26.7	016011
1439	NGÔ QUANG VŨ	09/04/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	5.5	2.6	26.6	004242
1440	NGUYỄN MINH QUÂN	21/02/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	6.5	4.0	5.6	26.6	010179

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1441	VŨ DUY KHÁNH	14/04/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	5.8	4.5	6.0	26.6	010099
1442	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	20/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	5.0	5.6	26.6	009179
1443	ĐỖ DƯƠNG GIA BẢO	10/06/2011	6A5	THCS AN HỒNG	5.0	6.5	3.6	26.6	004024
1444	NGUYỄN HẢI NAM	26/05/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	5.8	5.6	26.6	009131
1445	TRẦN HẢO KIỆT	08/09/2011	6A6	THCS NAM SƠN	4.5	7.0	3.6	26.6	014111
1446	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	26/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	6.3	5.6	26.6	009018
1447	PHẠM XUÂN NAM	13/07/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	7.0	4.6	26.6	009132
1448	NGUYỄN NGỌC HÀ VY	16/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	4.6	26.6	012111
1449	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	31/07/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.5	8.0	3.6	26.6	010174
1450	NGUYỄN HƯƠNG HẠ THỦY TIÊN	16/08/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.0	5.5	26.5	016243
1451	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	02/07/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	6.5	3.5	6.5	26.5	002085
1452	NGUYỄN ĐỨC LÂM	07/04/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	6.5	3.5	6.5	26.5	016121
1453	LÊ THỊ THOA	24/07/2011	6C	THCS BẮC SƠN	6.3	5.3	3.5	26.5	006122
1454	VŨ THỊ YẾN	11/03/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	5.5	6.3	3.0	26.5	015157
1455	NGUYỄN HẢI MINH	12/07/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.5	4.5	26.5	002218
1456	TRẦN HÀ PHƯƠNG	10/01/2011	6D	THCS BẮC SƠN	5.5	4.0	7.5	26.5	006108
1457	NGUYỄN VŨ AN NA	06/01/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.0	4.5	26.5	002226
1458	NGUYỄN BẢO LINH	03/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	4.3	6.5	5.0	26.5	007149
1459	NGUYỄN PHAN THÁI HÀ	18/02/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.5	7.0	26.5	002113
1460	TRƯƠNG ANH ĐẠT	29/01/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	7.0	5.0	26.5	008043
1461	PHẠM PHƯƠNG LINH	27/04/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.8	7.0	5.0	26.5	002195
1462	NGUYỄN THỊ THU QUỲNH	03/04/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	7.0	5.0	26.5	008117
1463	ĐẶNG THỊ THANH MAI	23/08/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.8	7.0	5.0	26.5	011098
1464	GIANG THÙY DƯƠNG	28/03/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	6.5	6.0	26.5	008032
1465	PHẠM HÀ PHƯƠNG	23/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.8	6.5	6.0	26.5	014190
1466	LƯU THỊ HỒNG TÚ	08/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.8	6.0	7.0	26.5	005223
1467	VŨ HÀ YẾN	09/12/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.3	7.0	6.0	26.5	014259
1468	PHẠM THÙY TRANG	25/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	6.5	7.0	26.5	008143
1469	VŨ MINH TÚ	22/08/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	6.0	8.0	26.5	008158
1470	NGUYỄN KHÁNH BẢO NGỌC	22/05/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.0	8.0	4.5	26.5	002234

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1471	NGUYỄN MINH QUÂN	26/06/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.8	7.0	7.0	26.5	008113
1472	NGUYỄN TRUNG KIÊN	16/04/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	5.8	1.9	26.4	004108
1473	NGUYỄN THỊ KHÁNH NHI	24/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	6.5	5.0	3.4	26.4	007228
1474	LÊ THỊ THẢO VY	20/11/2011	6A6	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	2.4	26.4	004249
1475	LƯU GIA BẢO	04/10/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	5.5	5.5	4.4	26.4	007030
1476	CAO VĂN KIÊN	05/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.0	5.5	5.4	26.4	002175
1477	NGUYỄN BÌNH THÁI	13/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	4.5	6.5	4.4	26.4	007272
1478	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	24/03/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	5.5	6.4	26.4	009163
1479	PHẠM THỊ THANH HOA	20/04/2011	6A4	THCS AN HƯNG	4.0	6.5	5.4	26.4	005080
1480	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	15/05/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	6.4	26.4	012053
1481	NGUYỄN THÙY TRANG	11/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.0	8.5	3.4	26.4	010213
1482	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG	04/12/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.8	7.8	5.4	26.4	002313
1483	LÊ THỊ KHÁNH LY	29/01/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	6.3	8.4	26.4	002202
1484	CAO PHƯƠNG VY	28/07/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	7.5	9.4	26.4	009212
1485	ĐOÀN THỊ KHÁNH HIỀN	04/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.3	7.0	1.8	26.3	011056
1486	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	05/06/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	5.0	5.8	4.8	26.3	007008
1487	VŨ DIỆU LINH	17/05/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.5	6.8	3.8	26.3	004122
1488	ĐINH QUỲNH TRANG	13/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	6.3	4.8	26.3	009192
1489	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	03/01/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	3.8	6.5	5.8	26.3	007036
1490	PHẠM HẢI YẾN	25/05/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.8	6.5	5.8	26.3	003247
1491	NGUYỄN NGỌC THẢO DIỆP	03/06/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.8	5.5	7.8	26.3	002098
1492	BÙI KHÁNH LY	30/05/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.5	8.3	2.8	26.3	014132
1493	LÊ VŨ PHƯƠNG	09/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	3.5	8.0	3.3	26.3	004174
1494	LÊ THỊ XUÂN	05/12/2011	6A	THCS BẮC SƠN	3.5	7.0	5.3	26.3	006157
1495	BÙI TƯỜNG VI	09/03/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.3	7.0	5.8	26.3	002333
1496	LÊ KHÁNH DUY	19/02/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.3	7.0	5.8	26.3	006029
1497	TRẦN NGỌC MAI	06/03/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.8	7.3	6.3	26.3	014135
1498	NGÔ HOÀNG BẢO LINH	10/12/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	2.3	7.5	6.8	26.3	002186
1499	NGUYỄN NGỌC SƠN	29/10/2011	6A	THCS LÊ LỢI	5.0	6.3	3.6	26.2	012087
1500	TRẦN TẤN DŨNG	15/12/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	7.8	3.0	4.7	26.2	002076

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1501	ĐỖ TUỆ MINH	18/08/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.5	5.0	5.2	26.2	015085
1502	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	12/12/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.3	6.8	2.2	26.2	010147
1503	VŨ HOÀNG TÙNG	28/06/2011	6A5	THCS AN HỒNG	5.0	6.0	4.2	26.2	004238
1504	HOÀNG GIA MINH	01/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	6.0	4.2	26.2	016149
1505	TRẦN VŨ PHƯƠNG NHI	21/01/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.5	6.0	5.2	26.2	014178
1506	ĐOÀN THỊ THANH VÂN	16/09/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.5	6.0	5.2	26.2	003239
1507	ĐOÀN THỊ THANH HIỀN	23/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.3	6.5	4.7	26.2	011057
1508	VŨ UYÊN NHI	25/03/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.3	5.2	26.2	002246
1509	PHẠM THỊ TRANG	20/01/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	7.0	4.2	26.2	007312
1510	VŨ THỊ HỒNG THƠM	16/02/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.0	6.5	5.2	26.2	003207
1511	VŨ MAI KIỀU TRANG	06/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	6.0	6.2	26.2	009194
1512	NGUYỄN THÚY VÂN	14/03/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.5	7.0	5.2	26.2	003241
1513	ĐINH KHÁNH HÒA	25/10/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	3.0	8.0	4.2	26.2	010079
1514	NGUYỄN TIẾN DANH	30/09/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	3.0	7.0	6.2	26.2	007047
1515	MAI BẢO CHI	26/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	6.8	8.2	26.2	009035
1516	PHẠM GIA HUY	18/05/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	7.0	4.8	2.6	26.1	007112
1517	NGUYỄN VĂN TIẾN	20/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	5.8	2.6	26.1	009191
1518	ĐỖ TIẾN DŨNG	19/04/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.8	5.5	3.6	26.1	004036
1519	LÊ NHẤT MINH	27/07/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.8	5.0	4.6	26.1	009119
1520	VŨ THỊ THANH NHÂN	14/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.8	4.5	5.6	26.1	007218
1521	VŨ NGỌC MINH	26/01/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.0	5.1	26.1	016159
1522	VŨ ANH THƯ	10/01/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.5	6.1	26.1	016241
1523	NGUYỄN PHƯƠNG NGA	02/11/2011	6A1	THCS AN HƯNG	4.3	6.3	5.0	26.1	005140
1524	HOÀNG QUỐC THÁI	24/10/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.0	5.6	26.1	002293
1525	ĐOÀN TRỌNG PHÚ	01/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.5	7.0	5.1	26.1	010164
1526	PHẠM LÊ KHÁNH HUYỀN	24/04/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.5	6.8	5.6	26.1	003091
1527	LÊ ÁNH BÌNH MINH	12/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.5	5.8	7.6	26.1	014142
1528	NGUYỄN THẢO VY	28/11/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	2.8	7.0	6.6	26.1	002339
1529	PHẠM NGUYỄN MINH NGỌC	19/08/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.5	4.0	5.0	26	007212
1530	NGUYỄN HỮU THÀNH PHÁT	30/01/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	6.0	5.0	4.0	26	013138

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1531	HOÀNG ANH VŨ	28/07/2011	6A6	THCS AN HOÀ	5.5	5.5	4.0	26	003243
1532	NGUYỄN VŨ MINH TUẤN	26/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	5.3	5.8	4.0	26	015141
1533	ĐÀO HUY ANH	26/03/2010	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	4.0	26	001003
1534	NGUYỄN HOÀNG NAM	20/03/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.5	5.0	26	001143
1535	PHẠM HUYỀN TRANG	26/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	5.0	26	012098
1536	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	19/12/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.5	5.0	26	001015
1537	MAI MINH NGỌC	20/08/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.5	5.0	26	001151
1538	LÂM PHẠM BÌNH MINH	02/05/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	6.0	26	001129
1539	VŨ THỊ HẢI YẾN	25/04/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.5	6.5	4.0	26	003248
1540	VŨ THỊ THƯ	11/02/2011	6A	THCS BẮC SƠN	4.5	6.3	4.5	26	006133
1541	LƯU THU HIỀN	13/06/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.5	5.0	7.0	26	005074
1542	PHẠM VÂN ANH	08/11/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	7.0	26	016017
1543	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	07/01/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.3	5.0	26	002150
1544	TRẦN MINH TRANG	22/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	4.3	5.8	6.0	26	014230
1545	LÊ THỊ THANH THÙY	13/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	8.0	2.0	26	004205
1546	BÙI THỊ MINH TRANG	14/02/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	7.5	3.0	26	004215
1547	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	27/09/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	4.0	26	012086
1548	ĐỖ THÙY DƯƠNG	11/09/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	4.0	7.0	4.0	26	013037
1549	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	25/10/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	7.0	4.0	26	012026
1550	CHU ĐỨC HIẾU	16/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.0	6.5	5.0	26	015051
1551	ĐINH THÚY QUỲNH	03/10/2011	6A2	THCS AN HƯNG	4.0	6.5	5.0	26	005179
1552	TRẦN MẠNH CƯỜNG	02/04/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.5	5.0	26	007046
1553	MAI PHƯỢNG HOA	25/01/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	6.5	5.0	26	012036
1554	NGUYỄN MỸ ANH	19/11/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	6.0	26	001012
1555	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	06/11/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.5	7.0	5.0	26	016166
1556	NGUYỄN VIỆT ANH	02/08/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	3.5	7.0	5.0	26	013010
1557	LƯU BÙI MINH PHÚ	21/10/2011	6A2	THCS AN HOÀ	3.5	6.5	6.0	26	003172
1558	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	04/05/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.3	7.8	4.0	26	007029
1559	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	05/04/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	3.0	8.0	4.0	26	013148
1560	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	20/11/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	3.0	8.0	4.0	26	013171

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1561	LÊ MỸ HOA	25/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.0	7.8	4.4	26	011067
1562	PHẠM THỊ KIM NGÂN	16/03/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	7.5	5.0	26	008101
1563	LÊ VƯƠNG BẢO NGỌC	14/08/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	7.5	5.0	26	012066
1564	ĐÀO LÊ NHẬT HUY	09/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	7.0	6.0	26	001089
1565	ĐẶNG MINH ĐỨC	03/12/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.5	7.0	7.0	26	005065
1566	NGUYỄN ĐỨC HÀO	01/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	8.8	4.4	26	010054
1567	VŨ QUỲNH ANH	02/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	2.0	8.0	6.0	26	003021
1568	PHAN THỊ THU TRÀ	04/05/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	8.0	6.0	26	001221
1569	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH UYÊN	04/09/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.0	5.8	6.3	25.9	011179
1570	LƯƠNG THỊ THỰC CHINH	18/03/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.8	5.5	3.4	25.9	007040
1571	BÙI ĐỨC THIÊN	17/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.3	5.0	5.4	25.9	007278
1572	ĐINH NGỌC ANH	03/01/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.3	5.0	5.4	25.9	002010
1573	NGUYỄN ĐÌNH TUYÊN	08/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.0	4.8	6.4	25.9	002320
1574	VŨ THỊ PHƯƠNG NHI	06/03/2011	6A5	THCS AN HOÀ	5.0	4.8	6.4	25.9	003162
1575	ĐỖ THANH HẰNG	01/12/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.3	7.4	25.9	002123
1576	NGUYỄN HOÀNG CÔNG	08/08/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.3	7.0	5.4	25.9	007043
1577	LƯU THÙY LINH	05/05/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	2.8	7.0	6.4	25.9	002185
1578	VŨ MINH HIẾU	07/07/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.5	3.8	25.8	002132
1579	NGUYỄN TRUNG DŨNG	31/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	5.3	6.3	2.8	25.8	004038
1580	ĐẶNG BẢO KHANG	30/05/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.0	6.5	2.8	25.8	014098
1581	BÙI MINH CHÂU	29/12/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.0	6.3	3.3	25.8	002055
1582	ĐỖ THỊ THU GIANG	03/10/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	4.8	25.8	012029
1583	NGUYỄN NHẤT KHOA	19/07/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	5.8	25.8	016109
1584	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	25/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	4.0	6.0	5.8	25.8	004130
1585	NGUYỄN ĐÌNH GIÁP	03/06/2011	6A1	THCS AN HỒNG	3.5	8.0	2.8	25.8	004054
1586	ĐỖ NGỌC MINH	19/08/2011	6A4	THCS AN HƯNG	3.0	7.0	5.8	25.8	005126
1587	NGUYỄN DIỆU LINH	09/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	2.5	7.0	6.8	25.8	007150
1588	TRẦN DUY KHÁNH	19/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	6.5	3.8	5.2	25.7	007133
1589	LÊ HỒNG PHÚ CƯỜNG	24/07/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.3	4.2	25.7	016040
1590	HOÀNG KIM LƯƠNG	12/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.3	5.0	5.2	25.7	015080

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1591	NGUYỄN ĐẶNG HÀ ANH	13/02/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.0	7.2	25.7	009015
1592	HÀ KHÁNH LINH	16/12/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.5	6.8	3.2	25.7	014118
1593	NGUYỄN VŨ KHÁNH	23/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	6.0	4.7	25.7	016106
1594	NGUYỄN QUANG DŨNG	24/08/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	5.8	5.2	25.7	003048
1595	BẠCH NGỌC DIỆP	01/09/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.8	7.0	4.2	25.7	003035
1596	BÙI VĂN TUÂN	26/04/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.8	6.5	5.2	25.7	003227
1597	PHẠM KHÁNH NGỌC	29/10/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.8	7.0	6.2	25.7	014164
1598	LÊ TRÁC GIA BẢO	26/05/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.8	7.0	6.2	25.7	006018
1599	TRẦN LƯU HẢI ANH	02/07/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	7.5	5.7	25.7	016018
1600	VŨ VĂN THẾ	22/09/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	6.5	3.0	6.6	25.6	002295
1601	LÊ THANH THƯ	14/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.8	5.3	3.6	25.6	002299
1602	PHẠM MINH PHƯƠNG	11/05/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	5.5	4.0	6.6	25.6	011146
1603	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG	20/10/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	5.0	6.0	3.6	25.6	013170
1604	NGUYỄN THẢO NGỌC	12/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.0	5.0	5.6	25.6	007208
1605	MAI PHÚC THÀNH	27/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.0	5.0	5.6	25.6	007267
1606	NGUYỄN PHƯƠNG HOA	17/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.5	4.6	25.6	007102
1607	NGUYỄN HẢI NAM	27/01/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.5	4.6	25.6	010138
1608	NGUYỄN TRÚC LÂM ANH	16/11/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	5.6	25.6	012009
1609	NGUYỄN LƯƠNG MINH	26/12/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.5	7.3	4.0	25.6	005129
1610	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	07/08/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.5	5.6	25.6	016133
1611	PHÙNG THỊ THUÝ HẰNG	04/12/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.0	8.0	3.6	25.6	014072
1612	NGUYỄN THỊ THU THẢO	08/06/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	3.0	8.0	3.6	25.6	010200
1613	TRẦN ĐÌNH LÂM	11/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.0	6.8	6.0	25.6	005110
1614	PHẠM DUY KHẢI	09/04/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.3	6.5	8.0	25.6	010097
1615	LÊ PHƯƠNG THẢO	19/01/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	2.0	7.0	7.6	25.6	001202
1616	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	17/06/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	7.0	7.6	25.6	001204
1617	ĐÀO TRƯỞNG NGỌC THẮNG	09/02/2011	6A1	THCS NAM SƠN	6.8	4.5	3.0	25.5	014213
1618	PHẠM MINH QUÂN	28/02/2011	6A2	THCS NAM SƠN	6.8	4.3	3.5	25.5	014198
1619	ĐÀO NGUYỄN BẢO NAM	03/05/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	6.8	3.5	5.0	25.5	007192
1620	PHÍ HOÀNG PHONG	15/11/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	5.8	5.0	4.0	25.5	013139

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1621	NGUYỄN TUỒNG VY	13/07/2011	6A5	THCS AN HƯNG	5.8	5.0	4.0	25.5	005236
1622	PHẠM THỊ MINH THƯ	12/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.5	3.5	25.5	016240
1623	NGÔ PHƯƠNG THU	28/02/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.3	5.0	25.5	001207
1624	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	26/02/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	5.5	25.5	016249
1625	ĐẶNG HẢI NGUYỄN	17/07/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	4.8	5.5	5.0	25.5	015102
1626	LƯƠNG MẠNH HƯỜNG	23/02/2011	6A2	THCS NAM SƠN	4.5	6.8	3.0	25.5	014097
1627	BÙI ĐỨC VIỆT	11/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.3	6.5	4.0	25.5	002334
1628	LÊ ANH TUẤN	26/11/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	4.0	6.3	4.9	25.5	011174
1629	DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	18/06/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.8	5.5	7.0	25.5	008167
1630	NGUYỄN MINH THƯ	02/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.5	7.0	4.5	25.5	006131
1631	TRẦN QUỲNH TRANG	25/03/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.3	6.5	6.0	25.5	005211
1632	NGUYỄN NGỌC DIỆP	12/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.3	7.0	25.5	001036
1633	NGUYỄN HOÀI THU	03/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	2.8	7.0	6.0	25.5	003208
1634	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	06/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.5	8.0	4.5	25.5	004183
1635	NGUYỄN QUỐC VIỆT	24/07/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	6.3	8.0	25.5	008163
1636	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	01/10/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.3	8.0	7.0	25.5	008103
1637	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/04/2011	6A1	THCS AN HƯNG	4.3	6.8	3.3	25.4	005159
1638	NGUYỄN VIỆT HÙNG	21/06/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.5	5.0	2.4	25.4	004087
1639	NGUYỄN TUẤN BÌNH	19/03/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	5.0	6.5	2.4	25.4	015020
1640	PHAN MAI LINH	13/01/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.5	2.4	25.4	010110
1641	NGÔ ĐỨC TRUNG	28/02/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	3.4	25.4	010222
1642	HOÀNG VIỆT QUANG	15/10/2011	6A	THCS LÊ LỢI	5.0	5.5	4.4	25.4	012082
1643	PHẠM VĂN HUY	10/08/2011	6A4	THCS AN HOÀ	5.0	5.0	5.4	25.4	003089
1644	NGUYỄN THẾ QUANG	14/07/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.3	4.8	7.4	25.4	003177
1645	HOÀNG QUANG PHONG	02/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.0	6.0	5.4	25.4	011134
1646	TRƯƠNG THỊ THU LAN	23/08/2011	6A6	THCS AN HOÀ	3.5	6.0	6.4	25.4	003106
1647	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	13/04/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.3	7.3	4.4	25.4	014258
1648	VŨ TIẾN ĐẠT	01/04/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.5	9.0	2.4	25.4	010045
1649	LƯƠNG NGỌC BẢO LINH	20/01/2011	6A6	THCS NAM SƠN	2.5	7.5	5.4	25.4	014120
1650	TRẦN GIA BẢO	12/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	5.3	5.0	4.8	25.3	007035

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1651	TRẦN ĐỨC THIỆU	08/12/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	5.3	4.5	5.8	25.3	007280
1652	HÀN TRUNG KIÊN	21/04/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.5	4.3	25.3	016113
1653	PHẠM THỊ THANH THẢO	02/05/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.8	4.8	25.3	002292
1654	LÊ THANH TRÚC	13/10/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	6.5	4.3	25.3	016260
1655	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	24/06/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.8	6.8	4.2	25.3	005160
1656	LÊ THẢO NGÂN	16/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.8	6.0	5.8	25.3	006091
1657	NGUYỄN GIA KHÁNH	23/03/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.3	6.5	5.8	25.3	002163
1658	TRƯƠNG THÙY DƯƠNG	15/11/2011	6A6	THCS AN HOÀ	3.3	6.5	5.8	25.3	003054
1659	AN THỊ HÀ NGÂN	24/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	6.5	8.8	25.3	009134
1660	NGUYỄN THỊ TRÚC	27/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.0	6.0	1.2	25.2	004229
1661	ĐÀO VĂN HƯNG	20/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	6.0	5.0	3.2	25.2	007121
1662	HOÀNG THẾ CƯỜNG	13/02/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.0	5.5	4.2	25.2	007045
1663	NGUYỄN THỊ QUỲNH VY	10/10/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	4.0	7.0	3.2	25.2	013186
1664	TRẦN THANH TRANG	02/06/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	4.0	7.0	3.2	25.2	013172
1665	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	01/01/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	7.0	3.2	25.2	007329
1666	VŨ NGỌC HIỀN	08/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.8	5.5	6.7	25.2	006048
1667	PHẠM THỊ YẾN NHI	04/01/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.5	7.0	4.2	25.2	011132
1668	PHẠM QUANG DŨNG	25/08/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.5	5.2	25.2	002075
1669	TRƯƠNG QUÝ ĐÓN	08/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	3.5	6.0	6.2	25.2	007070
1670	PHẠM MINH KHÁNH	02/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	6.5	5.3	1.6	25.1	007131
1671	LƯU ĐỨC PHÁT	26/09/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.8	4.5	4.6	25.1	005164
1672	TRẦN PHẠM ĐỨC ANH	01/09/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	5.1	25.1	016019
1673	TRỊNH THỊ DIỆU LINH	27/03/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	5.8	4.6	25.1	003120
1674	LÊ HÀ LINH	17/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.0	6.3	4.6	25.1	003113
1675	TRẦN THỊ THANH TRÚC	06/05/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	4.0	5.8	5.6	25.1	010226
1676	MAI KIM KHÁNH	11/04/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.8	7.0	3.6	25.1	014101
1677	DƯƠNG TIẾN MINH	01/11/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	5.6	25.1	011103
1678	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	29/04/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.5	5.1	25.1	016257
1679	MAI TRUNG HẢI	18/05/2011	6A6	THCS NAM SƠN	2.5	8.0	4.1	25.1	014066
1680	PHẠM YẾN NHI	18/11/2011	6A2	THCS AN HOÀ	2.0	7.3	6.6	25.1	003161

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1681	VŨ TIẾN MINH	08/04/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	7.0	3.5	4.0	25	007186
1682	PHẠM QUANG HUY	28/11/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	6.0	5.0	3.0	25	013075
1683	TRƯƠNG MỸ NGỌC	12/11/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	6.0	5.0	3.0	25	013129
1684	NGUYỄN MINH HIẾU	30/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.0	4.0	5.0	25	016076
1685	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	03/10/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	5.5	4.5	5.0	25	008036
1686	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	28/07/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	4.8	5.0	25	009111
1687	NGUYỄN NHẬT NAM	26/09/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	6.0	3.0	25	001144
1688	NGÔ THANH TÙNG	05/11/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.0	5.5	4.0	25	003234
1689	LÊ THU HUYỀN	22/01/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	4.0	25	010087
1690	NGUYỄN TUẤN HÙNG	07/07/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	4.5	6.0	25	001095
1691	LƯU NGỌC ANH	23/11/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.5	6.0	4.0	25	003006
1692	TRẦN THỊ NGỌC ANH	15/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	4.5	5.5	5.0	25	007025
1693	NGUYỄN TUẤN ANH	12/11/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.0	6.0	25	015011
1694	HOÀNG NGỌC DIỆP	31/08/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.5	4.5	7.0	25	008024
1695	ĐỖ DUY NGHĨA	29/09/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	3.0	25	001149
1696	TRƯƠNG HẢI NGỌC	13/05/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	7.0	3.0	25	001156
1697	ĐỒNG THỊ QUỲNH CHI	06/04/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	6.5	4.0	25	012016
1698	NGUYỄN BẢO MINH	24/09/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.5	4.0	25	001131
1699	PHẠM THỊ NGỌC LAN	18/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	6.0	5.0	25	008076
1700	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	02/09/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.0	5.0	25	007331
1701	ĐỖ THỊ DIỆU LY	07/11/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	5.0	25	012057
1702	NGUYỄN MẠNH QUANG	25/01/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	5.0	25	001179
1703	TRẦN NGỌC LINH	11/08/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	5.0	25	012051
1704	HOÀNG MINH ĐĂNG	04/06/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	4.0	6.0	5.0	25	013047
1705	NGUYỄN HÀ ANH	26/11/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	5.0	25	001010
1706	NGUYỄN MAI HƯƠNG	26/12/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.8	6.8	4.0	25	014094
1707	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	03/09/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	3.5	7.5	3.0	25	013168
1708	BÙI ĐỨC PHÚ	18/09/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.5	6.5	5.0	25	011135
1709	NGUYỄN VIỆT TÀI NGUYÊN	19/04/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.5	6.0	6.0	25	003157
1710	TRẦN QUANG HÀO	07/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	3.0	8.0	3.0	25	004057

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1711	VŨ NGỌC DUYỀN	18/07/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	3.0	7.0	5.0	25	013034
1712	VŨ HOA LỘC VY	15/08/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.0	6.5	6.0	25	014255
1713	PHẠM GIA HÒA	12/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.3	7.8	5.0	25	014081
1714	NGUYỄN NGỌC TRÍ NHÂN	30/05/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	2.0	8.0	5.0	25	001161
1715	TÔ ANH THƯ	31/10/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.3	4.8	24.9	011164
1716	ĐẶNG PHÚC AN	16/01/2011	6A2	THCS AN HỒNG	8.8	2.0	3.4	24.9	004003
1717	PHẠM ĐỨC ANH	29/08/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	6.3	4.0	4.4	24.9	002029
1718	MAI QUANG VINH	26/10/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	6.0	5.3	2.4	24.9	009211
1719	NGÔ QUANG HÂN	20/05/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	6.0	5.0	2.9	24.9	011055
1720	HOÀNG MINH ĐỨC	22/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.0	6.8	1.4	24.9	007075
1721	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	18/04/2011	6A3	THCS NAM SƠN	4.3	7.0	2.4	24.9	014056
1722	CAO THẢO VY	28/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	7.0	2.4	24.9	009213
1723	VŨ Y VƯƠNG NGỌC	08/07/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	4.5	7.4	24.9	009143
1724	BÙI HƯƠNG GIANG	20/04/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.3	4.4	24.9	007081
1725	PHẠM NGỌC ANH	01/11/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.3	6.0	8.4	24.9	007019
1726	VŨ KHÁNH LINH	05/07/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	5.3	5.5	3.2	24.8	010111
1727	LƯU CẨM TÚ	04/08/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.0	6.0	2.8	24.8	016273
1728	NGUYỄN VIỆT ANH	07/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.0	5.5	3.8	24.8	014016
1729	ĐỖ QUANG HUY	21/06/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.5	6.5	2.8	24.8	002141
1730	NGUYỄN THU HÀ	28/05/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.0	7.0	2.8	24.8	004056
1731	NGUYỄN HỮU AN BÌNH	10/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	5.8	5.3	24.8	016025
1732	NGUYỄN THỊ MAI LINH	23/06/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.0	6.8	24.8	007154
1733	KHÚC NGUYỄN TỔ UYÊN	25/06/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.8	6.3	4.8	24.8	002329
1734	ĐỖ MINH QUANG KHẢI	06/02/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.5	4.8	24.8	002158
1735	VŨ NGỌC HUYỀN MY	06/02/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	6.0	6.8	24.8	009128
1736	HOÀNG THỊ LOAN	20/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	6.0	6.8	24.8	007159
1737	NGUYỄN DUY THẮNG	09/10/2011	6A2	THCS AN HOÀ	3.0	6.0	6.8	24.8	003200
1738	TRẦN VĂN PHONG	11/11/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	2.5	7.5	4.8	24.8	010163
1739	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	26/07/2011	6A5	THCS AN HÙNG	2.5	7.0	5.8	24.8	005054
1740	BÙI ANH TUẤN	05/01/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.3	5.5	3.2	24.7	007325

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1741	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	26/10/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	5.3	5.0	4.2	24.7	007209
1742	TRƯƠNG MINH HUY	21/03/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	5.3	4.5	5.2	24.7	007115
1743	NGUYỄN HẢI YẾN	19/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	5.0	6.0	2.7	24.7	016291
1744	NGUYỄN ĐỨC DUY	22/07/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	6.0	2.7	24.7	010031
1745	LƯU THỊ KIM CHI	29/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.5	6.0	3.7	24.7	016035
1746	ĐỖ HƯƠNG GIANG	23/03/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.3	5.5	5.2	24.7	015043
1747	NGUYỄN MINH QUÂN	16/12/2011	6A3	THCS AN HOÀ	4.3	5.0	6.2	24.7	003181
1748	ĐINH THỊ LUYẾN	02/08/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.0	5.3	6.2	24.7	003124
1749	ĐOÀN VĂN TRÍ DỪNG	20/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.5	6.8	4.2	24.7	011031
1750	PHẠM THẢO LY	14/08/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.5	5.3	7.2	24.7	007167
1751	LÊ TIẾN ANH	11/10/2011	6C	THCS BẮC SƠN	3.5	5.3	7.2	24.7	006010
1752	PHẠM MINH NGỌC	01/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	7.0	4.7	24.7	010149
1753	PHẠM HOÀI THƯƠNG	03/04/2011	6A5	THCS AN HỒNG	3.0	7.0	4.7	24.7	004211
1754	VŨ THỊ MINH PHƯỢNG	21/07/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	5.3	5.0	4.0	24.6	013145
1755	HOÀNG THỊ TÚ UYÊN	02/07/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	3.6	24.6	010236
1756	ĐỖ ĐỨC QUỐC BẢO	16/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	5.0	5.3	4.0	24.6	005032
1757	ĐỖ BẢO TRANG	08/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	4.6	24.6	001217
1758	VŨ HỮU PHƯỚC	30/08/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	4.6	24.6	001177
1759	NGÔ GIA KHÁNH	11/07/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.0	4.0	6.6	24.6	010098
1760	BÙI MINH KHÔI	21/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	4.5	6.0	3.6	24.6	014105
1761	BÙI THU NGÂN	15/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.5	5.3	5.1	24.6	014156
1762	VŨ TỰ KIM THÀNH	16/10/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.8	4.6	24.6	002284
1763	PHÙNG THỊ BẢO YẾN	14/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	4.0	6.3	4.1	24.6	011190
1764	ĐỖ PHẠM TRIỆU VY	29/03/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	4.0	5.8	5.0	24.6	011186
1765	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	11/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.8	6.5	4.0	24.6	010117
1766	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	12/05/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.5	4.6	24.6	016183
1767	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	15/04/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	6.5	4.6	24.6	009046
1768	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	24/09/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.0	5.6	24.6	016180
1769	NGUYỄN HOÀNG HẢI	30/01/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.5	5.8	6.0	24.6	005070
1770	PHẠM QUANG ĐẠI	08/02/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.0	7.5	3.6	24.6	010039

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1771	NGUYỄN NGỌC ÁNH DƯƠNG	17/07/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.8	6.8	5.6	24.6	003051
1772	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	13/12/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	2.5	6.5	6.6	24.6	007172
1773	LÊ THỊ HUYỀN	22/05/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	7.5	5.6	24.6	006059
1774	BÙI BẢO NGỌC	28/12/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	7.3	6.0	24.6	005149
1775	NGUYỄN THÚY NGÂN	23/01/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	6.8	3.0	5.0	24.5	007203
1776	TRẦN NHƯ NGỌC	09/04/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	6.5	4.0	3.5	24.5	016177
1777	NGUYỄN THỊ THỦY	16/02/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	5.0	3.5	24.5	016236
1778	PHẠM NGUYỄN HÀ VY	15/01/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	5.3	5.5	3.0	24.5	009216
1779	ĐỖ KIM LONG	04/10/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.5	5.5	24.5	016137
1780	LÊ PHƯƠNG ANH	17/11/2011	6A2	THCS AN HỒNG	4.8	6.0	3.0	24.5	004013
1781	NGUYỄN NGỌC AN	12/09/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	5.0	5.0	24.5	008002
1782	ĐÀO MẠNH DŨNG	29/08/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.5	5.3	5.0	24.5	014043
1783	PHÙNG TRUNG ĐỨC	15/11/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.8	3.0	24.5	001057
1784	PHẠM THỊ MAI ANH	05/05/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.8	7.0	3.0	24.5	014017
1785	NGUYỄN TRÂM ANH	10/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.8	6.5	4.0	24.5	002027
1786	BÙI CÔNG MINH PHÚC	20/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	5.0	7.0	24.5	009158
1787	QUÁCH YẾN NHI	29/07/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.5	6.8	4.0	24.5	014177
1788	LÊ THỊ TRÀ MY	09/09/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.3	7.0	4.0	24.5	005135
1789	NGUYỄN THU NGÂN	03/06/2011	6A3	THCS AN HƯNG	3.3	6.5	5.0	24.5	005145
1790	VŨ THÙY DƯƠNG	12/11/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.0	7.0	4.5	24.5	006033
1791	TRẦN THỊ THỦY CHI	15/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.0	7.0	4.5	24.5	011024
1792	PHẠM BẢO TRANG	01/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.3	6.0	24.5	001220
1793	TỔNG LÊ VIỆT ANH	24/11/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.3	7.5	5.0	24.5	003017
1794	VŨ MINH ÁNH	06/07/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	6.0	8.0	24.5	009027
1795	ĐOÀN DIỄM QUỲNH	21/04/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	6.8	7.0	24.5	005180
1796	VŨ MINH NGỌC	02/06/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	7.8	7.0	24.5	009141
1797	TRỊNH MINH DUY	19/10/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.5	7.3	4.8	24.4	005049
1798	ĐỖ GIA VŨ	28/10/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	6.0	4.5	3.4	24.4	016286
1799	NGUYỄN TÙNG LÂM	27/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	5.5	5.0	3.4	24.4	011089
1800	VŨ MINH HIẾU	09/11/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	5.3	5.5	2.9	24.4	011062

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1801	PHẠM LÊ NGỌC MINH	26/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	5.3	5.0	3.9	24.4	014148
1802	ĐỖ THỊ KHÁNH LINH	25/04/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.5	3.4	24.4	010103
1803	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/08/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	4.5	6.0	3.4	24.4	013157
1804	NGUYỄN ANH TÚ	05/06/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.8	4.4	24.4	002323
1805	VŨ LAN BÌNH	04/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.8	7.0	2.9	24.4	011019
1806	LÊ GIA HUY	15/12/2011	6D	THCS LÊ THIÊN	3.5	7.0	3.4	24.4	013074
1807	TRỊNH TÚ UYÊN	08/09/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.5	4.4	24.4	002331
1808	HOÀNG HẢI LINH	31/12/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.3	6.8	4.4	24.4	014119
1809	NGUYỄN TUẤN ANH	11/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	6.8	3.0	4.8	24.3	004017
1810	NGUYỄN PHÚ VĨ	08/07/2011	6A5	THCS AN HỒNG	6.0	5.5	1.3	24.3	004241
1811	PHẠM TUẤN ANH	07/08/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.8	3.8	24.3	016016
1812	NGUYỄN THU MINH	28/01/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.0	5.3	3.8	24.3	014146
1813	PHẠM GIA KHIÊM	22/09/2011	6A2	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	4.3	24.3	004101
1814	LÊ HÀ VY ANH	30/03/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.0	4.8	4.8	24.3	002014
1815	VŨ QUANG HÙNG	19/01/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.5	5.3	4.8	24.3	014092
1816	VŨ KHÁNH HUYỀN	02/09/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.0	6.8	2.8	24.3	002152
1817	TRẦN ĐỨC PHÚ	22/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.5	3.3	24.3	010165
1818	PHẠM THỊ THU HẰNG	13/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.8	6.0	4.8	24.3	005073
1819	NGUYỄN GIA PHÚC	24/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	4.8	24.3	011137
1820	TRẦN PHƯƠNG THẢO	31/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	4.8	24.3	011158
1821	NGÔ MẠNH HIẾU	25/08/2011	6A6	THCS AN HOÀ	3.5	6.3	4.8	24.3	003075
1822	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	20/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.0	7.0	4.3	24.3	010050
1823	BÙI THỊ NHƯ NGỌC	23/11/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.8	6.5	5.8	24.3	014161
1824	NGUYỄN NGỌC HẢI LINH	21/11/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.8	5.8	24.3	002192
1825	ĐINH NGUYỄN KHÁNH THY	02/09/2011	6A5	THCS AN HỒNG	2.0	7.5	5.3	24.3	004212
1826	PHẠM THỊ MINH KHÁNH	17/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	1.5	8.3	4.8	24.3	014104
1827	NGUYỄN DUY PHÚC	10/06/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.0	6.8	4.6	24.2	011136
1828	PHẠM TUẤN ANH	02/03/2011	6A5	THCS NAM SƠN	6.8	3.8	3.2	24.2	014018
1829	NGUYỄN HOÀNG NHUNG	13/02/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	6.5	2.5	6.2	24.2	007230
1830	TRẦN ĐỨC ANH	04/07/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.5	5.0	3.2	24.2	002035

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1831	NGUYỄN AN AN	23/08/2011	6A5	THCS AN HỒNG	5.5	5.0	3.2	24.2	004004
1832	VŨ NGỌC QUYÊN	10/12/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.0	5.2	24.2	016205
1833	NGUYỄN MẠNH HÙNG	04/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.0	6.0	2.2	24.2	011074
1834	TRỊNH HOÀNG ANH	19/08/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.0	5.0	4.2	24.2	003019
1835	TRẦN VIỆT ANH	11/06/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.0	3.5	7.2	24.2	002039
1836	NGUYỄN TUYẾT NHƯ	05/03/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	4.5	6.0	3.2	24.2	013134
1837	NGUYỄN THỊ ÁNH DƯƠNG	29/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.3	4.7	24.2	002083
1838	LÊ MINH LỘC	22/05/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	5.2	24.2	016142
1839	NGUYỄN LÊ MINH THÀNH	06/11/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.5	6.2	24.2	016219
1840	LƯU TUẤN KHANG	17/12/2011	6A4	THCS AN HƯNG	4.3	6.0	3.7	24.2	005094
1841	NGUYỄN HỮU THÀNH VINH	22/04/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	4.0	6.0	4.2	24.2	013182
1842	ĐỖ THANH TÙNG	09/11/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	4.2	24.2	012106
1843	VŨ THỊ THU HIỀN	16/06/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.0	4.2	24.2	010061
1844	ĐỖ THỊ HOA	21/02/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.5	7.0	3.2	24.2	011065
1845	NGUYỄN HOÀNG SƠN	21/09/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	5.3	7.2	24.2	009174
1846	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	28/10/2011	6A5	THCS AN HỒNG	3.0	8.0	2.2	24.2	004175
1847	NGUYỄN NGỌC MINH TUYẾT	26/03/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.0	7.5	3.2	24.2	016269
1848	ĐINH VĂN HOÀNG	26/05/2011	6A4	THCS AN HỒNG	2.5	7.0	5.2	24.2	004065
1849	PHẠM HOÀNG ANH	09/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.5	5.5	8.2	24.2	007018
1850	PHẠM VĂN HUY	21/08/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	7.0	2.5	5.1	24.1	011071
1851	TRƯƠNG KHANG DUY	02/07/2011	6A2	THCS AN HỒNG	5.8	4.0	4.6	24.1	004035
1852	NGUYỄN QUÁN THANH TRÚC	24/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	5.0	4.3	5.6	24.1	010225
1853	BÙI THÀNH PHÁT	09/03/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.5	5.0	5.1	24.1	002247
1854	ĐẶNG BÌNH MINH	16/08/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	4.3	6.0	3.6	24.1	007180
1855	VŨ NHẬT MINH	10/05/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.0	5.6	24.1	002224
1856	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	14/07/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.8	4.6	24.1	001053
1857	LÊ THỊ PHƯƠNG VY	16/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.3	6.5	4.6	24.1	006154
1858	KHỔNG TUỆ TÂM	26/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.8	6.6	24.1	002278
1859	TRẦN ĐỨC VIỆT HOÀN	02/06/2011	6A6	THCS NAM SƠN	2.5	7.3	4.6	24.1	014079
1860	VŨ MAI PHƯƠNG	19/07/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.5	6.8	5.6	24.1	006109

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1861	VŨ MAI LINH	14/10/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.3	6.5	6.6	24.1	002197
1862	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	06/02/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	5.5	5.0	3.0	24	007296
1863	NGUYỄN HOÀNG ANH	19/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.3	4.3	5.0	24	002020
1864	NGUYỄN NHẬT LÂM	25/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.5	3.0	24	016122
1865	VŨ HẢI NAM	11/08/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	4.0	24	001145
1866	HOÀNG PHÚC HIỂN	28/12/2011	6C	THCS LÊ LỢI	5.0	5.0	4.0	24	012033
1867	ĐỒNG NGUYỄN HẢI ĐĂNG	04/04/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	5.0	4.0	24	012028
1868	NGUYỄN GIA KHÁNH	23/05/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	4.0	24	001105
1869	ĐÀO TRỌNG MINH	12/09/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.0	6.0	24	016148
1870	NGUYỄN TUẤN KIẾT	05/11/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	4.5	6.0	3.0	24	013094
1871	PHẠM VĂN TUYẾN	06/01/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	5.5	4.0	24	003231
1872	ĐỖ VĂN VÀNG	24/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	5.5	4.0	24	009205
1873	NGUYỄN NGỌC TRÂM	08/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.5	4.5	6.0	24	010217
1874	NGUYỄN TRUNG THÀNH	28/06/2011	6A5	THCS AN HƯNG	4.3	4.3	7.0	24	005193
1875	ĐỖ MINH TIẾN	24/09/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.5	3.0	24	010207
1876	VŨ THỊ YẾN	09/03/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	6.0	4.0	24	009220
1877	PHẠM BẢO NGỌC	26/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	4.0	24	001154
1878	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	28/01/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	6.0	4.0	24	012025
1879	NGUYỄN THỊ HÀ VY	09/06/2011	6A5	THCS AN HƯNG	4.0	5.5	5.0	24	005234
1880	NGUYỄN HÀ UYÊN	09/12/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.5	5.0	24	002330
1881	NGUYỄN MINH HỒNG	05/07/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	5.5	5.0	24	012037
1882	TRỊNH BẢO ANH	20/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.5	5.0	24	001016
1883	ĐỖ THỊ BẢO NGÂN	30/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	6.0	24	001146
1884	BÙI QUANG HUY	28/06/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.5	6.0	5.0	24	008059
1885	PHẠM VIỆT ANH	23/12/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.5	4.5	8.0	24	003016
1886	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	08/12/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.0	8.0	2.0	24	010183
1887	NGUYỄN MINH VŨ	14/02/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	3.0	7.5	3.0	24	013183
1888	NGÔ THỊ DỪNG NHI	22/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	3.0	7.5	3.0	24	010156
1889	HOÀNG GIA BẢO	28/08/2011	6B	THCS LÊ LỢI	3.0	7.0	4.0	24	012013
1890	TRƯƠNG VĂN BẢO CHÂU	23/01/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.0	7.0	4.0	24	013023

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1891	NGUYỄN TRỌNG BÁCH	08/12/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	3.0	7.0	4.0	24	001021
1892	PHẠM QUỐC HUY	11/03/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	7.0	4.0	24	008061
1893	CHU ĐỨC TOÀN	12/07/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	3.0	6.5	5.0	24	007300
1894	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	08/05/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.0	6.5	5.0	24	005113
1895	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	22/11/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.8	6.8	5.0	24	003217
1896	BÙI THÙY LINH	30/10/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	7.0	5.0	24	008081
1897	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	04/08/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	2.5	6.5	6.0	24	007028
1898	VŨ THỊ HẢI HÀ	03/07/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.5	6.0	7.0	24	005069
1899	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	20/03/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.3	8.0	3.5	24	005018
1900	NGUYỄN THẢO VÂN	28/07/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	6.0	8.0	24	005226
1901	NGUYỄN HOÀI THU	22/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	1.5	7.3	6.5	24	006124
1902	HOÀNG QUỲNH HOA	29/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.3	6.8	3.8	23.9	011066
1903	BÙI DUY ANH	02/11/2011	6A5	THCS AN HỒNG	5.3	5.0	3.4	23.9	004007
1904	HOÀNG GIA BÁCH	21/03/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.8	5.5	3.4	23.9	002049
1905	PHẠM HẢI ĐĂNG	10/01/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.3	6.0	3.4	23.9	014053
1906	ĐẶNG LAN ANH	24/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	3.3	5.5	6.4	23.9	007007
1907	VÕ TUẤN DUY KHÁNH	01/10/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.8	5.4	23.9	002170
1908	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/10/2011	6A3	THCS AN HOÀ	2.5	6.8	5.4	23.9	003052
1909	LÊ PHẠM GIA HUY	31/05/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	2.3	7.0	5.4	23.9	002142
1910	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	19/02/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	8.5	2.9	23.9	010017
1911	DƯƠNG QUANG VIỆT	13/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	6.5	4.0	2.8	23.8	004240
1912	VŨ LÂM ANH	14/09/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.5	4.5	3.8	23.8	010015
1913	TRỊNH VĂN KHANG	20/11/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	4.8	23.8	016105
1914	NGUYỄN NGỌC QUANG	11/08/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	5.0	5.8	23.8	016201
1915	NGUYỄN THỊ VÂN PHƯƠNG	30/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.5	7.0	2.8	23.8	010176
1916	PHẠM THỊ QUỲNH HƯƠNG	16/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.5	6.5	3.8	23.8	010094
1917	BÙI QUANG HUY	15/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	3.5	6.0	4.8	23.8	004070
1918	ĐINH THỊ THÚY NGÀ	27/10/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.3	7.0	3.3	23.8	002229
1919	NGUYỄN KHÁNH THI	28/12/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	7.3	3.2	23.8	011160
1920	ĐINH LÊ HÀ MY	18/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	6.5	4.8	23.8	009124

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1921	NGUYỄN KHÁNH LINH	25/04/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	5.5	6.8	23.8	007151
1922	PHẠM QUỐC BẢO	10/12/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.8	7.3	3.8	23.8	014026
1923	PHẠM HOÀNG HIỆP	16/03/2011	6A6	THCS AN HƯNG	2.4	5.0	9.0	23.8	005079
1924	LÊ VĂN LUÂN	12/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.3	6.3	6.8	23.8	007163
1925	PHẠM QUỐC VIỆT	02/03/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	4.5	5.2	23.7	009208
1926	PHẠM MINH YẾN	03/11/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.3	3.2	23.7	007352
1927	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	13/08/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.3	5.2	23.7	007105
1928	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	06/02/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.5	3.2	23.7	011143
1929	LÊ TRỌNG HOÀNG BÁCH	25/07/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.8	6.3	3.7	23.7	002050
1930	LÊ NGỌC NAM	18/05/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.5	3.7	23.7	002228
1931	BÙI HOÀNG PHƯƠNG LINH	12/10/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.5	6.3	6.2	23.7	003110
1932	NGUYỄN THỊ AN BÌNH	03/08/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.0	6.7	23.7	002053
1933	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	04/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.0	4.0	3.6	23.6	016207
1934	TRẦN VĂN AN	10/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	6.0	3.5	4.6	23.6	004005
1935	PHẠM THỊ THẢO LINH	02/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	6.0	3.0	5.6	23.6	007156
1936	ĐỖ NGỌC TRÂM	12/12/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	5.5	5.5	1.6	23.6	007318
1937	ĐÀO TRƯỜNG PHÚC	18/11/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.5	6.0	2.6	23.6	010166
1938	NGÔ BẢO NAM	12/12/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.5	5.0	4.6	23.6	010137
1939	NGUYỄN THÀNH LONG	06/08/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	4.3	5.0	5.1	23.6	011096
1940	DƯƠNG QUANG HUY	08/04/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.0	6.0	3.6	23.6	004071
1941	NGUYỄN NGỌC SƠN	05/07/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.5	4.6	23.6	001194
1942	NGUYỄN TRÚC ANH	07/11/2011	6A6	THCS NAM SƠN	4.0	5.5	4.6	23.6	014014
1943	TRƯƠNG VIỆT THẮNG	23/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.8	5.5	5.1	23.6	005196
1944	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	19/06/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.5	7.0	2.6	23.6	010173
1945	TRẦN THỊ MỸ TÂM	09/08/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.5	6.0	4.6	23.6	002279
1946	ĐÀO VIỆT HOÀN	17/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.5	6.0	4.6	23.6	010073
1947	PHẠM VĂN BÌNH	05/10/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.0	7.5	2.6	23.6	010024
1948	VŨ DUY PHONG	19/06/2011	6A2	THCS AN HỒNG	2.0	7.5	4.6	23.6	004165
1949	CAO THỊ THÙY DƯƠNG	07/12/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	5.8	8.6	23.6	009049
1950	TRẦN MAI PHƯƠNG	19/09/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	5.5	4.8	3.0	23.5	002262

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1951	NGÔ CẨM TÚ	27/08/2011	6A3	THCS AN HOÀ	5.3	5.0	3.0	23.5	003237
1952	MAI THỊ BÍCH NGỌC	15/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	3.5	23.5	016171
1953	PHAN PHÚC HƯNG	01/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	4.8	5.0	4.0	23.5	014091
1954	PHẠM NGUYỄN TÙNG LÂM	18/06/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.5	3.5	23.5	016123
1955	NGUYỄN VŨ MINH TỬ	26/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.3	4.0	23.5	015144
1956	NGUYỄN ÚT NGỌC LINH	19/07/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	4.3	6.0	3.0	23.5	015076
1957	NGUYỄN GIA HUY	07/06/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	4.0	6.3	3.0	23.5	002144
1958	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	17/08/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.3	5.0	23.5	007104
1959	ĐOÀN PHÚ TRỌNG	26/09/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.0	4.8	6.0	23.5	003222
1960	PHẠM NGỌC DIỆP	27/08/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.0	4.8	6.0	23.5	008026
1961	ĐOÀN NGỌC THẮNG	02/02/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	4.0	23.5	011159
1962	ĐINH THỊ QUỲNH MAI	25/07/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.8	5.5	5.0	23.5	015082
1963	TRƯƠNG VĂN TRUNG	14/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	3.8	5.0	6.0	23.5	005216
1964	VŨ NGỌC CHÂU GIANG	04/03/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.5	6.0	4.5	23.5	014060
1965	NGUYỄN THANH NGỌC DIỆP	02/10/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.5	4.8	7.0	23.5	008025
1966	LÂM THANH SƠN	24/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	6.0	5.0	23.5	009173
1967	PHẠM HƯƠNG GIANG	28/11/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.8	6.0	6.0	23.5	006040
1968	DƯƠNG GIA HÂN	05/05/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	6.8	6.0	23.5	009069
1969	NGUYỄN MẠNH DUY	30/08/2011	6A3	THCS AN HOÀ	1.8	8.5	3.0	23.5	003042
1970	PHẠM HUY NHÂN NGHĨA	05/09/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	6.5	7.0	23.5	009135
1971	NGUYỄN YẾN NHI	06/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.3	7.0	7.0	23.5	008105
1972	NGUYỄN THU QUỲNH	24/08/2011	6A4	THCS AN HƯNG	0.5	8.3	6.0	23.5	005181
1973	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	20/10/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.5	2.5	5.4	23.4	016058
1974	HOÀNG GIA KIỆT	17/04/2011	6A5	THCS AN HỒNG	6.0	5.0	1.4	23.4	004109
1975	PHAN THÙY TRANG	05/10/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.5	4.5	3.4	23.4	016251
1976	PHÙNG THỊ HẢI NHƯ	22/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.0	5.5	2.4	23.4	007233
1977	ĐỖ THÁI BẢO	06/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.0	5.5	2.4	23.4	011016
1978	BÙI ĐỨC THẮNG	21/01/2011	6A4	THCS NAM SƠN	5.0	5.0	3.4	23.4	014212
1979	PHẠM KHÔI NGUYỄN	17/09/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.0	5.0	3.4	23.4	007217
1980	NGUYỄN THỊ LINH	28/03/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.5	6.0	2.4	23.4	010107

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
1981	PHẠM NGỌC QUỲNH	30/04/2011	6A4	THCS NAM SƠN	4.3	6.0	2.9	23.4	014202
1982	PHẠM MINH HIẾU	07/12/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	4.0	7.0	1.4	23.4	010068
1983	ĐỖ HƯƠNG MAI	29/11/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	4.0	6.5	2.4	23.4	010119
1984	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	16/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	4.0	6.0	3.4	23.4	004066
1985	ĐÀO KHÁNH LAM	28/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	3.8	5.8	4.4	23.4	007138
1986	ĐẶNG THÁI SƠN	25/03/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.0	4.4	23.4	016210
1987	VŨ QUANG HUY	06/12/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.5	6.4	23.4	002149
1988	ĐỖ ÁNH DIỆP	19/04/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	4.5	5.8	23.3	009044
1989	PHẠM THỊ TRÀ MY	02/11/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	5.0	6.8	23.3	009127
1990	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/10/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.0	7.3	2.8	23.3	007311
1991	ĐÀO DUY PHONG	23/07/2011	6C	THCS BẮC SƠN	2.5	7.0	4.3	23.3	006104
1992	BÙI THỊ BẢO NGỌC	28/02/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.0	7.3	4.8	23.3	003145
1993	VŨ VĂN VINH	09/04/2011	6C	THCS BẮC SƠN	2.0	6.5	6.3	23.3	006153
1994	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	03/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	4.0	5.8	3.6	23.2	011154
1995	HOÀNG TẤN PHÁT	19/09/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	5.0	5.5	2.2	23.2	002248
1996	PHẠM QUANG THẮNG	01/11/2011	6A4	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	3.2	23.2	004199
1997	TRƯƠNG QUANG HIẾU	19/12/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	5.0	5.0	3.2	23.2	013067
1998	ĐỖ HOÀNG HUY	21/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.5	4.2	23.2	016089
1999	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	26/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	4.8	5.0	3.7	23.2	014058
2000	NGUYỄN THẾ MẠNH	03/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.3	5.5	3.7	23.2	014138
2001	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	06/01/2011	6A	THCS LÊ LỢI	4.0	5.5	4.2	23.2	012014
2002	LÝ THU HƯƠNG	11/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.8	6.3	3.2	23.2	002155
2003	PHẠM THÀNH ĐẠT	18/01/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.5	6.5	3.2	23.2	014052
2004	HÀ ANH ĐỨC	30/11/2011	6A2	THCS AN HỒNG	3.5	5.0	6.2	23.2	004050
2005	PHẠM PHƯƠNG THẢO	14/11/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.0	8.0	3.2	23.2	004196
2006	NGUYỄN ĐỖ DŨNG	21/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.0	6.0	9.2	23.2	013035
2007	BÙI TRUNG HIẾU	10/02/2010	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.3	6.6	23.1	001075
2008	ĐÀO THỊ THU TRANG	27/09/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	4.1	23.1	016248
2009	NGUYỄN MINH TRI	16/03/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	5.0	4.6	23.1	009195
2010	PHẠM THẾ GIA HUY	03/06/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.3	2.6	23.1	007113

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2011	NGUYỄN NGỌC HÀ	06/09/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.3	4.6	23.1	001063
2012	TRƯƠNG ĐỨC ANH	23/07/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	4.0	5.3	4.6	23.1	007026
2013	LƯU THỊ HỒNG NGỌC	05/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.0	4.8	5.6	23.1	003149
2014	PHẠM VĂN AN	13/09/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.8	5.6	23.1	016002
2015	NGUYỄN ĐỨC MINH	17/01/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.8	6.0	3.6	23.1	010130
2016	ĐẶNG MINH NGỌC	15/09/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.8	5.3	5.0	23.1	005151
2017	MAI THỊ HƯƠNG GIANG	21/05/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	5.3	6.6	23.1	009064
2018	ĐỖ ĐĂNG THÀNH	16/06/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.8	6.0	5.6	23.1	003193
2019	ĐÀM NGỌC DIỆP	22/10/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	5.5	6.6	23.1	009043
2020	VŨ TUẤN MINH	03/09/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.3	6.8	5.0	23.1	005134
2021	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	22/05/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.0	6.8	5.6	23.1	003053
2022	PHẠM VĂN NAM	10/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	6.5	3.5	3.0	23	007197
2023	PHẠM MINH HOÀNG	27/11/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	3.0	23	001085
2024	NGUYỄN THANH TRÚC	12/12/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	5.0	5.0	3.0	23	007324
2025	NGUYỄN TRÀ MY	25/05/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	3.0	23	001137
2026	NGÔ GIA BẢO	17/11/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	3.0	23	001019
2027	PHAN THỊ THẢO	22/01/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	5.0	3.0	23	009181
2028	TRỊNH QUANG NGUYỄN	17/10/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	3.0	23	001159
2029	VŨ THU TRANG	03/07/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	4.0	5.0	23	012101
2030	TRẦN QUỲNH TRANG	23/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	5.0	4.0	5.0	23	012100
2031	NGUYỄN ĐÌNH DUY	08/04/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.0	7.0	23	001038
2032	LƯƠNG MẠNH DŨNG	28/12/2010	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	5.0	4.0	23	016047
2033	NGUYỄN VĂN QUANG	10/03/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	4.5	4.5	5.0	23	015118
2034	ĐOÀN TRỊNH MAI LINH	19/10/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	4.5	4.0	6.0	23	002183
2035	LÊ CHUNG HIẾU	22/12/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.3	4.8	5.0	23	003074
2036	VŨ MINH HIẾU	14/02/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	4.0	6.0	3.0	23	013068
2037	HÀ THẾ QUYÊN	12/11/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	6.0	3.0	23	001183
2038	ĐOÀN TUẤN PHONG	19/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.0	6.0	3.0	23	016186
2039	HOÀNG THÙY LINH	16/12/2011	6A2	THCS AN HỒNG	4.0	5.8	3.5	23	004118
2040	TRỊNH THỊ THU	02/09/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.5	4.0	23	001208

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2041	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI	13/07/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	5.5	4.0	23	016036
2042	TRẦN DUY KHÁNH	03/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	4.0	5.5	4.0	23	013091
2043	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	24/11/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	5.5	4.0	23	012103
2044	ĐẶNG XUÂN TÙNG	26/10/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	5.0	23	001227
2045	ĐẶNG TRANG MY	30/07/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	5.0	5.0	23	012062
2046	PHAN TÙNG	19/05/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	5.0	23	001230
2047	TRỊNH XUÂN BẢO KHÁNH	17/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	3.5	23	011084
2048	ĐINH THÙY DUYÊN	07/09/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	6.5	3.0	23	009048
2049	ĐỖ THỊ NGỌC LINH	12/10/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.5	5.0	6.0	23	008082
2050	NGUYỄN THANH HÀ	15/02/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.5	4.5	7.0	23	005068
2051	ĐÀO HẢI THANH	30/08/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.3	6.0	4.5	23	014204
2052	PHẠM GIA HUY	20/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	7.0	3.0	23	008060
2053	BÙI THỊ TRÀ GIANG	01/12/2011	6A2	THCS AN HỒNG	3.0	7.0	3.0	23	004052
2054	PHẠM THỊ HÀ PHƯƠNG	04/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.0	6.5	4.0	23	015117
2055	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	11/03/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.0	6.5	4.0	23	015106
2056	TÔ THANH TRÚC	08/07/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	5.0	23	001225
2057	TRẦN LÊ BẢO CHI	07/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	5.0	23	001027
2058	VŨ TÙNG LÂM	11/11/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	6.0	5.0	23	008080
2059	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	02/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	5.0	23	001094
2060	TRẦN TRỌNG TÙNG LÂM	26/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	6.0	5.0	23	012047
2061	PHẠM VĂN HƯNG	21/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	5.5	6.0	23	008065
2062	NGUYỄN NGỌC DIỆP	18/07/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.5	6.0	23	001034
2063	NGUYỄN VŨ AN	08/07/2011	6A3	THCS AN HƯNG	3.0	5.0	7.0	23	005006
2064	VŨ TIẾN PHƯỚC	19/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.8	5.8	6.0	23	014194
2065	NGUYỄN HẢI THỤY	19/03/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	2.5	7.0	4.0	23	013165
2066	LƯU THỊ MINH HẰNG	06/06/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.5	7.0	4.0	23	008053
2067	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	25/05/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.5	6.5	5.0	23	008116
2068	MẠC NGUYỄN TUYẾT NHI	19/09/2010	6B	THCS AN ĐỒNG	2.0	7.0	5.0	23	001164
2069	ĐÀO PHI YẾN	19/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.0	7.0	5.0	23	003246
2070	NGUYỄN VĂN THỊNH	11/08/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	2.0	7.0	5.0	23	011162

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2071	VŨ HẢI ANH	05/02/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	2.0	7.0	5.0	23	013017
2072	NGUYỄN BẢO NGÂN	16/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.0	6.5	6.0	23	005144
2073	ĐỖ HẢI NAM	25/08/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	8.0	4.0	23	008097
2074	VŨ BẢO SANG	21/01/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	7.5	5.0	23	008119
2075	PHAN NHƯ QUỲNH	23/08/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.5	7.0	6.0	23	005182
2076	TRẦN THÙY VÂN	16/09/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	4.0	5.8	3.3	22.9	011182
2077	TRẦN NGUYỄN THÙY DƯƠNG	08/09/2011	6A1	THCS NAM SƠN	3.5	6.3	3.3	22.9	014049
2078	LÊ PHƯƠNG MINH	28/11/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.3	3.0	6.4	22.9	002215
2079	VŨ ĐẶNG THÙY DƯƠNG	17/09/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.3	5.5	5.4	22.9	002087
2080	NGUYỄN THỊ LIỄU	09/07/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.3	5.5	5.4	22.9	007142
2081	ĐÀO TÙNG LÂM	15/09/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	4.5	7.4	22.9	009103
2082	ĐÀO THỊ HÀ PHƯƠNG	11/05/2011	6A4	THCS AN HỒNG	3.0	7.5	1.9	22.9	004172
2083	ĐỖ THANH HÀ	11/11/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.8	6.5	4.4	22.9	002109
2084	LÊ THỊ HÀ VY	08/05/2011	6A1	THCS NAM SƠN	2.5	7.3	3.4	22.9	014252
2085	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	29/04/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	5.3	4.5	3.2	22.8	010247
2086	PHẠM THANH THẢO	05/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.3	4.0	4.3	22.8	014208
2087	ĐẶNG NGỌC DIỆP	09/05/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	6.0	2.8	22.8	007048
2088	NGUYỄN ĐỨC HỌC	12/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.0	6.0	2.8	22.8	004067
2089	NGÔ VIỆT KHANG	10/06/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.0	5.0	4.8	22.8	003100
2090	PHẠM TRỊNH THANH XUÂN	08/02/2011	6A2	THCS AN HƯNG	4.0	5.0	4.8	22.8	005241
2091	NGUYỄN NGỌC GIA BẢO	09/04/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.0	6.8	22.8	016022
2092	HOÀNG THỊ HẢI YẾN	30/10/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.5	6.5	2.8	22.8	016290
2093	LÊ HẢI ANH	15/11/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	5.8	4.8	22.8	009011
2094	HÀ DUY QUÂN	22/02/2011	6A5	THCS AN HỒNG	2.0	7.0	4.8	22.8	004178
2095	LÊ NGUYỄN THẾ HÙNG	08/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	2.0	7.0	4.8	22.8	004081
2096	LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	13/01/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	6.8	22.8	001203
2097	HOÀNG ĐÌNH THẮNG	09/04/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	5.0	4.3	4.2	22.7	007276
2098	BÙI HOÀNG KHÁNH AN	06/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.8	4.0	5.2	22.7	002001
2099	TRẦN BÙI THỊ THÙY DƯƠNG	12/03/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.5	4.7	22.7	016052
2100	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	16/03/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.3	4.5	5.2	22.7	002084

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2101	PHẠM TUYẾT NHI	23/08/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	5.5	4.2	22.7	009150
2102	PHẠM QUANG TRUNG	16/06/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	6.3	4.2	22.7	009198
2103	LÊ THỊ THU NGÂN	08/05/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.0	6.3	4.2	22.7	006092
2104	PHẠM THỊ TRANG DUNG	02/05/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	3.0	5.8	5.2	22.7	011028
2105	PHẠM KHÁNH CHI	26/03/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	6.8	3.7	22.7	002059
2106	NGUYỄN VĂN MINH ĐỨC	11/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	5.8	6.2	22.7	009063
2107	NGUYỄN MẠNH HIẾU	02/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.0	7.0	4.7	22.7	010064
2108	PHẠM NĂNG TOÀN	28/02/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	5.3	4.0	4.1	22.6	011166
2109	LÊ QUỐC MẠNH	12/06/2011	6A	THCS BẮC SƠN	5.3	3.5	5.1	22.6	006081
2110	NGUYỄN QUANG HUY	24/04/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	2.6	22.6	016092
2111	VŨ BÁ THIỆN	04/05/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.0	3.8	5.0	22.6	011161
2112	NGUYỄN TIẾN MINH	23/07/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	4.5	5.0	3.6	22.6	013115
2113	NGUYỄN NHẬT MINH	08/03/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	4.5	5.0	3.6	22.6	013114
2114	NGÔ THỊ THÙY LINH	02/03/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	4.0	5.0	4.6	22.6	013100
2115	ĐOÀN VĂN THÀNH	01/03/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.5	7.0	1.6	22.6	010195
2116	ĐOÀN ĐỨC LỘC	28/10/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.5	5.5	4.6	22.6	010115
2117	NGÔ PHƯƠNG TRINH	21/11/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.0	6.0	4.6	22.6	002316
2118	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	20/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	6.0	4.6	22.6	011142
2119	NGUYỄN YẾN NHI	26/06/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.0	5.8	5.0	22.6	005161
2120	BÙI THỊ BÍCH	15/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	2.5	7.5	2.6	22.6	011020
2121	HOÀNG MINH HIẾU	09/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.5	7.0	3.6	22.6	010062
2122	TRƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	23/01/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	6.8	4.6	22.6	009165
2123	BÙI THỊ MINH THƯ	10/12/2011	6A2	THCS AN HỒNG	2.0	7.3	4.1	22.6	004209
2124	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	04/12/2011	6A5	THCS AN HOÀ	1.5	7.0	5.6	22.6	003057
2125	PHẠM TRỌNG NGHĨA	24/05/2011	6A1	THCS AN HƯNG	4.8	4.0	5.0	22.5	005147
2126	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	20/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.3	3.0	22.5	015126
2127	ĐOÀN TUẤN ANH	21/09/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.5	5.5	22.5	016005
2128	HOÀNG MINH ĐỨC	04/06/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.8	5.5	4.0	22.5	013051
2129	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	28/02/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.8	5.0	5.0	22.5	005041
2130	NGUYỄN KHÁNH LINH	30/11/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	3.5	7.0	1.5	22.5	016131

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2131	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	10/07/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.5	6.0	3.5	22.5	011021
2132	LÊ ANH CHÍ	27/11/2011	6A1	THCS NAM SƠN	3.5	6.0	3.5	22.5	014033
2133	NGUYỄN LANG THÙY TRANG	02/11/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.3	5.5	5.0	22.5	002311
2134	CAO MINH NGUYỆT	02/06/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.0	6.5	3.5	22.5	002242
2135	NGUYỄN PHẠM HIỀN ANH	11/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	3.0	6.5	3.5	22.5	016012
2136	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	22/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	4.5	22.5	001176
2137	NGUYỄN MINH TUẤN	17/03/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.8	6.5	4.0	22.5	003229
2138	VŨ THÙY DƯƠNG	20/11/2011	6A1	THCS AN HÙNG	2.8	6.0	5.0	22.5	005058
2139	NGUYỄN NGỌC LONG	16/12/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	2.5	6.5	4.5	22.5	016140
2140	NGUYỄN THÙY NHUNG	09/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	7.5	3.5	22.5	001166
2141	NGUYỄN VĂN PHONG	26/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	7.0	5.0	22.5	008107
2142	LÊ PHƯƠNG THÙY	09/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	1.5	7.8	4.0	22.5	006125
2143	ĐOÀN ĐÔNG DƯƠNG	02/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	5.0	5.0	2.4	22.4	004040
2144	ĐÀO THÚY QUỲNH	15/04/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.3	5.3	3.4	22.4	002271
2145	NGUYỄN NGỌC MINH SÂM	29/10/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	3.5	6.0	3.4	22.4	013152
2146	CAO MINH HẰNG	16/03/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.0	5.4	22.4	016069
2147	PHẠM ĐỨC NGUYỄN	12/03/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	6.5	3.4	22.4	010150
2148	NGUYỄN ĐOÀN THỦY TIÊN	24/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	3.0	6.0	4.4	22.4	003213
2149	PHẠM VIỆT ANH	16/01/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.0	6.0	4.4	22.4	007021
2150	NGUYỄN QUANG HIẾU	30/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.5	8.0	1.4	22.4	010065
2151	NGUYỄN THỊ MINH ANH	21/09/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.5	4.4	22.4	002024
2152	NGUYỄN MINH PHÚC KHANG	07/04/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.5	5.5	6.4	22.4	002156
2153	TRẦN MINH ANH	05/12/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	2.3	7.3	3.4	22.4	007024
2154	NGUYỄN MINH TRUNG	18/06/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	5.8	6.4	22.4	009197
2155	NGÔ VĂN PHÚC	16/09/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	5.8	4.0	2.8	22.3	010168
2156	VŨ NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	16/10/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	5.0	2.3	22.3	016268
2157	HOÀNG TRUNG ANH	22/11/2011	6A6	THCS AN HỒNG	4.5	5.5	2.3	22.3	004011
2158	BÙI THỊ KHÁNH NGỌC	30/03/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	4.3	6.8	22.3	009136
2159	HOÀNG THỊ MAI ANH	28/09/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.0	6.3	3.8	22.3	016007
2160	NGÔ PHƯƠNG TRÚC	27/02/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	2.0	7.0	4.3	22.3	016261

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2161	NGUYỄN QUỐC DŨNG	18/02/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.0	6.8	4.8	22.3	003049
2162	VŨ ANH MINH	15/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.8	7.0	4.8	22.3	011109
2163	BÙI ĐÌNH THẮNG	18/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.3	4.3	3.2	22.2	007275
2164	HOÀNG BÙI MINH QUANG	19/09/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	5.0	5.0	2.2	22.2	002265
2165	NGUYỄN HUY QUÂN	29/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.5	4.3	4.7	22.2	014197
2166	NGUYỄN ĐỨC ANH	11/12/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	3.8	5.8	3.2	22.2	007012
2167	TRẦN GIA HUY	30/08/2011	6C	THCS BẮC SƠN	3.3	6.0	3.7	22.2	006057
2168	TRẦN HỮU CƯỜNG	22/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	3.0	6.3	3.7	22.2	006027
2169	ĐỖ HOÀNG HUY	26/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.0	6.0	4.2	22.2	002140
2170	NGÔ QUỲNH CHÂM	24/05/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.5	5.2	22.2	010026
2171	LƯU ĐẠI PHONG	17/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.8	6.5	3.7	22.2	014182
2172	LÊ CÔNG TUẤN ANH	27/06/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.8	6.0	4.7	22.2	006005
2173	NGUYỄN ĐỨC SƠN	01/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.5	6.0	5.2	22.2	010188
2174	PHẠM VĂN ĐẠT	29/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	2.0	8.0	2.2	22.2	010044
2175	NGUYỄN TUẤN TÀI	14/11/2011	6A1	THCS AN HỒNG	2.0	7.0	4.2	22.2	004188
2176	LƯU KHÁNH DUY	18/04/2011	6A1	THCS AN HOÀ	1.0	7.5	5.2	22.2	003039
2177	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	21/09/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	6.0	2.8	4.6	22.1	007333
2178	MAI THU HƯƠNG	15/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	5.1	22.1	016104
2179	HOÀNG MAI HƯƠNG	10/02/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.8	5.5	3.6	22.1	014093
2180	TRẦN MINH HOÀNG	02/12/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.8	4.5	5.6	22.1	015057
2181	VŨ THU HẰNG	09/08/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.5	4.1	22.1	016070
2182	TRƯƠNG QUANG THANH	20/06/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.5	5.8	5.6	22.1	003191
2183	NGUYỄN TRUNG HIẾU	01/09/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.5	3.5	4.0	22	016077
2184	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	25/03/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	5.0	2.0	22	001060
2185	NGUYỄN MINH TRƯỜNG	31/08/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.0	5.0	2.0	22	010228
2186	PHẠM MINH DÂN	19/05/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.0	4.5	3.0	22	005043
2187	NGUYỄN VŨ HOÀNG MINH	31/05/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.5	3.0	22	016157
2188	LÊ CÔNG VINH	17/12/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.0	4.0	22	016284
2189	NGUYỄN ÁNH THU	30/05/2011	6A2	THCS AN HƯNG	5.0	3.5	5.0	22	005198
2190	PHẠM NHƯ THÀNH	14/02/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.0	3.0	6.0	22	008128

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2191	ĐỖ THÀNH HƯNG	05/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	5.0	2.0	8.0	22	001097
2192	PHẠM MINH VŨ	08/02/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	4.5	5.0	3.0	22	010245
2193	NGUYỄN KHÁNH DUY	14/01/2011	6A5	THCS AN HƯNG	4.5	4.0	5.0	22	005048
2194	VŨ THỊ NGÂN	08/01/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.5	3.0	22	001147
2195	DƯƠNG QUỐC THÁI	08/11/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.5	3.0	22	001205
2196	LÊ XUÂN ANH	25/01/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	5.0	4.0	22	012005
2197	PHẠM THIÊN PHÚ	20/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	5.0	4.0	22	012074
2198	LÊ PHƯƠNG LINH	19/03/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.0	5.0	4.0	22	004119
2199	LÊ MINH CHÂU	23/02/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.0	5.0	4.0	22	002056
2200	NGÔ MAI ANH	18/09/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	4.0	4.5	5.0	22	001009
2201	LƯU VIỆT ANH	05/07/2011	6A1	THCS AN HƯNG	3.5	5.0	5.0	22	005013
2202	VŨ TIẾN THANH	16/09/2011	6A3	THCS AN HƯNG	3.5	5.0	5.0	22	005192
2203	PHẠM VĂN MINH	09/08/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.0	5.0	22	013117
2204	NGUYỄN ĐỨC PHÁT	21/07/2011	6A4	THCS AN HỒNG	3.0	6.5	3.0	22	004161
2205	TRẦN THỊ NGỌC THƯƠNG	27/11/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.5	3.0	22	001216
2206	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	19/08/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.0	6.5	3.0	22	010232
2207	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	24/11/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	6.0	4.0	22	012080
2208	NGUYỄN PHẠM BẢO HOÀNG	16/12/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	4.0	22	001084
2209	NGUYỄN CHÍ THIỆN	11/06/2011	6D	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	4.0	22	013161
2210	LÃ NGỌC DIỆP	16/12/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	6.0	4.0	22	012020
2211	VŨ XUÂN MAI	24/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.0	5.5	5.0	22	015083
2212	NGÔ THỊ LÂM NGỌC	17/01/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	6.0	22	013125
2213	TRƯƠNG THẾ ĐẠT	14/05/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	4.5	7.0	22	008044
2214	HOÀNG TRUNG HẢI	22/02/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	3.0	4.5	7.0	22	008050
2215	NGUYỄN THỊ CÚC	24/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	5.8	5.0	22	009039
2216	NGUYỄN NGỌC ANH	03/11/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	2.5	7.0	3.0	22	013006
2217	NGUYỄN HẢI YẾN	09/11/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	2.5	7.0	3.0	22	013190
2218	NGUYỄN NGÂN QUYÊN	12/08/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.5	7.0	3.0	22	010181
2219	NGÔ TƯỜNG VY	28/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	2.5	6.0	5.0	22	015151
2220	NGUYỄN TIẾN ĐỨC	15/10/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.5	6.0	5.0	22	008046

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2221	VŨ NHƯ QUỲNH	30/03/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	7.5	3.0	22	001191
2222	TRẦN NGUYỄN BẢO	03/03/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	2.0	6.0	6.0	22	013022
2223	LÊ NGUYỄN HÀ TRANG	11/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	8.0	3.0	22	006136
2224	NGUYỄN THÙY TRANG	26/06/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.5	8.0	3.0	22	013169
2225	VŨ BẢO YẾN	09/10/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	7.5	5.0	22	009219
2226	PHẠM ĐĂNG HẢI BÌNH	13/12/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	4.3	4.5	4.4	21.9	007037
2227	ĐOÀN PHÚ NGUYỄN	22/06/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.8	6.0	2.4	21.9	011125
2228	NGUYỄN TRUNG ANH	21/10/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.3	6.0	3.4	21.9	002028
2229	LƯU VIỆT ĐỨC	23/01/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.8	5.5	5.4	21.9	003060
2230	PHAN THU HẰNG	08/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.8	7.4	21.9	009074
2231	VŨ THỊ NGỌC DIỆP	11/05/2011	6A1	THCS AN HOÀ	1.3	7.0	5.4	21.9	003037
2232	NGUYỄN THẾ DUY QUANG	29/07/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	6.3	2.8	3.8	21.8	002267
2233	NGUYỄN ĐÌNH KHANG HUY	11/03/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.5	2.8	21.8	016091
2234	VŨ ANH THƯ	11/11/2011	6C	THCS BẮC SƠN	4.0	4.5	4.8	21.8	006132
2235	LƯU VĂN DUY KHÁNH	18/11/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.0	4.0	5.8	21.8	003101
2236	ĐỖ LÊ YẾN NHI	10/10/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.5	5.0	4.8	21.8	005157
2237	TRẦN HỒNG ÁNH	19/07/2011	6A6	THCS NAM SƠN	3.3	5.5	4.3	21.8	014024
2238	LÊ THỊ THANH TRÚC	10/09/2011	6D	THCS BẮC SƠN	3.0	6.0	3.8	21.8	006142
2239	TRẦN ANH THỨ	06/06/2011	6A1	THCS AN HƯNG	3.0	6.0	3.8	21.8	005204
2240	VŨ NGUYỄN ĐỨC BẢO	06/02/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.0	5.8	4.1	21.7	005035
2241	NGUYỄN TÙNG ANH	02/09/2011	6A1	THCS NAM SƠN	5.3	3.5	4.2	21.7	014015
2242	LÊ ANH THƯ	03/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	3.8	4.0	6.2	21.7	007291
2243	NGUYỄN ANH ĐỨC	06/04/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.5	6.2	21.7	002102
2244	NGUYỄN HỒNG DIỆP	20/12/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.0	6.3	3.2	21.7	007050
2245	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	28/09/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.8	4.2	21.7	002272
2246	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/08/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	2.5	7.0	2.7	21.7	010158
2247	TRỊNH HÀ VY	11/01/2011	6A2	THCS AN HƯNG	2.3	6.5	4.2	21.7	005239
2248	VŨ VĂN MẠNH	23/04/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.0	6.8	6.2	21.7	003133
2249	TRẦN QUANG PHONG	16/11/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.5	4.0	2.6	21.6	007237
2250	NGUYỄN DUY KHÁNH	25/12/2011	6A6	THCS AN HƯNG	4.5	3.8	5.0	21.6	005098

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2251	LƯU MINH QUÂN	04/10/2011	6A2	THCS AN HỒNG	4.0	5.0	3.6	21.6	004179
2252	VŨ THỊ MINH	29/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	4.0	4.5	4.6	21.6	011111
2253	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	07/09/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	4.0	4.0	5.6	21.6	010038
2254	NGUYỄN VŨ HẢI LONG	12/03/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.8	6.3	1.6	21.6	014130
2255	TÀO QUANG TÙNG ANH	01/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.5	5.5	3.6	21.6	007022
2256	NGUYỄN VĂN TÚ	10/11/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	3.3	5.3	4.5	21.6	011177
2257	BÙI THÀNH TRUNG	17/02/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	3.0	6.0	3.6	21.6	013174
2258	NGÔ QUANG TÙNG	09/11/2011	6A1	THCS AN HOÀ	3.0	6.0	3.6	21.6	003233
2259	NGUYỄN ĐỨC BẢO	02/12/2011	6A6	THCS AN HOÀ	3.0	5.5	4.6	21.6	003024
2260	VŨ NHƯ NGỌC	07/01/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	5.0	5.6	21.6	009142
2261	VŨ HƯƠNG GIANG	28/11/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	3.5	8.6	21.6	009066
2262	NGUYỄN DUY NHÂN	10/09/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	2.5	6.5	3.6	21.6	010152
2263	DƯƠNG THỊ HOA	29/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.0	8.0	1.6	21.6	004063
2264	LÊ NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/11/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	2.0	7.0	3.6	21.6	007061
2265	PHẠM HẢI NGÂN	28/07/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.8	6.8	4.6	21.6	014158
2266	HOÀNG VIỆT HÙNG	11/11/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.0	4.8	2.0	21.5	007119
2267	PHẠM THẾ VIỆT THẮNG	20/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	5.0	3.8	4.0	21.5	007277
2268	ĐINH HOÀNG ĐỨC LONG	12/07/2011	6A4	THCS AN HƯNG	4.3	4.5	4.0	21.5	005119
2269	VŨ THANH TÙNG	21/07/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	4.0	5.3	3.0	21.5	010234
2270	LÊ HOÀI ANH	16/11/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.0	4.5	4.5	21.5	010004
2271	PHẠM TÙNG LÂM	26/08/2011	6A5	THCS AN HOÀ	4.0	2.8	8.0	21.5	003108
2272	ĐỖ LÂM QUẾ	29/09/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	3.8	6.0	2.0	21.5	002270
2273	NGUYỄN NGỌC HẢI	07/10/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.8	4.5	5.0	21.5	015048
2274	PHẠM MINH CHÂU	18/09/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.3	3.0	21.5	001024
2275	NGUYỄN TUẤN TÚ	28/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.8	5.0	6.0	21.5	002327
2276	ĐẶNG NINH DUY	24/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	4.5	7.0	21.5	009047
2277	LÊ THỊ LINH	21/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.5	5.5	5.5	21.5	006072
2278	PHẠM CAO SƠN	22/01/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	6.0	5.0	21.5	008123
2279	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	14/12/2011	6A1	THCS AN HƯNG	2.3	6.0	5.0	21.5	005156
2280	NGUYỄN HỮU PHÚ CƯỜNG	22/06/2011	6A6	THCS AN HƯNG	2.3	5.0	7.0	21.5	005042

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2281	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	19/10/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.8	6.5	5.0	21.5	005170
2282	ĐINH HOÀNG KIM TRÚC	24/09/2011	6A3	THCS AN HƯNG	1.8	6.0	6.0	21.5	005217
2283	TRẦN KHÁNH NGÂN	06/10/2011	6A3	THCS AN HỒNG	0.8	7.0	6.0	21.5	004148
2284	HOÀNG THỊ THU HẰNG	12/10/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.3	5.8	3.3	21.4	005071
2285	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	09/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	7.0	2.5	2.4	21.4	014160
2286	NGUYỄN TUẤN MINH	30/07/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	6.0	3.0	3.4	21.4	013116
2287	PHẠM PHÚC ĐẠT	12/08/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	4.5	5.0	2.4	21.4	015040
2288	ĐÀO ANH KIÊN	07/04/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	4.4	21.4	016111
2289	MAI TRUNG HIẾU	12/05/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	4.4	21.4	016072
2290	PHẠM ĐĂNG HẢI AN	13/12/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	3.3	5.3	4.4	21.4	007002
2291	TRẦN PHẠM KHÁNH DƯƠNG	01/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.3	5.0	4.9	21.4	002086
2292	PHẠM VĂN HẢI ĐĂNG	04/02/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	3.0	5.0	5.4	21.4	007069
2293	NGUYỄN XUÂN SƠN	04/01/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.5	6.5	3.4	21.4	010191
2294	NGUYỄN VŨ NGỌC THẢO MY	12/07/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	2.3	6.3	4.4	21.4	015094
2295	BÙI QUANG XUÂN	23/01/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	7.0	4.4	21.4	006156
2296	ĐINH TRIỆU Mẫn	14/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	5.8	2.0	5.8	21.3	002210
2297	NGUYỄN THỊ NGỌC HOÀN	30/04/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.3	4.0	2.8	21.3	011068
2298	NGUYỄN DUY LONG	27/06/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	5.3	2.0	6.8	21.3	007160
2299	BÙI QUANG HUY	08/03/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.5	3.3	21.3	016088
2300	NGUYỄN VIỆT VĂN	08/12/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.5	4.3	3.8	21.3	014243
2301	ĐỖ THỊ MAI LINH	07/08/2010	6A3	THCS NAM SƠN	4.0	5.8	1.8	21.3	014116
2302	PHAN THỊ VĂN ANH	25/11/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.5	5.0	4.3	21.3	005022
2303	TRẦN ĐẶNG MINH	20/09/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.0	7.0	1.3	21.3	016158
2304	BÙI VĂN VIỆT	29/03/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.8	7.0	1.8	21.3	014245
2305	ĐÀO QUỲNH ANH	31/07/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.3	3.8	21.3	002009
2306	PHẠM BẢO KHÁNH	01/05/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.5	5.8	4.8	21.3	002167
2307	NGUYỄN TUẤN MINH	25/10/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.0	6.3	21.3	016154
2308	NGUYỄN VĂN MINH	17/09/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.3	5.0	6.8	21.3	007182
2309	VŨ THỊ YẾN NHI	20/02/2011	6C	THCS BẮC SƠN	2.0	6.8	3.8	21.3	006102
2310	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	13/06/2011	6A6	THCS NAM SƠN	2.0	6.5	4.3	21.3	014048

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2311	NGUYỄN DUY TRUNG	24/05/2011	6C	THCS BẮC SƠN	1.5	7.5	3.3	21.3	006140
2312	ĐƯƠNG HOÀNG LONG NHẬT	06/10/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	4.0	5.0	3.2	21.2	013131
2313	TRẦN THỊ HẢI YẾN	11/12/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	6.0	3.2	21.2	011191
2314	NGUYỄN NGỌC TRẦN	27/06/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.0	5.2	21.2	002315
2315	ĐỖ VIỆT THỊNH	09/04/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.5	6.0	4.2	21.2	016231
2316	PHẠM TIẾN ĐẠT	04/05/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.0	7.0	3.2	21.2	010043
2317	TỔNG THỊ NGỌC ANH	21/01/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.0	7.0	5.2	21.2	003018
2318	LÊ MINH THÀNH	07/10/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.0	3.1	21.1	016218
2319	LƯU ĐỨC MINH	13/04/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.5	3.1	21.1	016151
2320	PHẠM MINH HIẾU	30/08/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.5	5.1	21.1	016079
2321	MAI THẾ SÁNG	14/08/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	5.5	3.6	21.1	009172
2322	NGUYỄN VĂN MINH	25/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	5.1	21.1	016156
2323	ĐỖ QUANG VINH	21/02/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	6.0	3.6	21.1	009209
2324	LÊ THỊ MỸ	28/11/2011	6A4	THCS AN HỒNG	2.5	6.8	2.6	21.1	004139
2325	NGUYỄN GIA HUY	23/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.5	6.0	4.1	21.1	014084
2326	TRƯƠNG NGỌC MINH	03/07/2011	6A5	THCS AN HƯNG	2.3	5.8	5.0	21.1	005133
2327	LUYỆN TIẾN ĐẠT	28/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.0	4.8	7.6	21.1	002093
2328	PHẠM THỊ HẢI VÂN	05/08/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	0.3	5.5	9.6	21.1	009206
2329	BÙI QUANG TÚ	11/01/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	6.0	3.5	2.0	21	001232
2330	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/05/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	5.5	4.5	1.0	21	007308
2331	PHAN THÀNH VINH	05/01/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	5.5	3.5	3.0	21	015149
2332	ĐOÀN THỊ ANH THƯ	15/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	5.0	4.0	3.0	21	009190
2333	PHẠM BÍCH NGÂN	10/08/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	5.0	3.0	5.0	21	007204
2334	TRẦN TRUNG HIẾU	23/11/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.0	5.0	21	001079
2335	PHẠM GIA HIẾU	10/08/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.0	5.0	21	001078
2336	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGỌC	11/03/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	5.0	3.0	5.0	21	007210
2337	TRẦN HOÀNG MINH ANH	24/12/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	4.5	5.0	2.0	21	013013
2338	TRẦN THANH THẢO	08/08/2011	6A3	THCS NAM SƠN	4.5	4.8	2.5	21	014209
2339	LÊ HẢI YẾN	21/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	4.5	4.5	3.0	21	007351
2340	TRỊNH QUANG ĐỨC LỘC	17/10/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	3.0	21	001125

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2341	NGÔ KHÁNH DUY	26/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	4.0	5.0	3.0	21	003041
2342	LÊ ĐỨC ANH	21/08/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	3.0	21	001008
2343	NGUYỄN NHẬT KHÁNH	13/10/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	4.0	5.0	21	001107
2344	LỤC TUẤN TỬ	29/04/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.5	5.5	3.0	21	015143
2345	PHẠM ĐỨC ANH	23/03/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.0	4.0	21	013011
2346	NGUYỄN THẾ ANH	15/01/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.5	4.0	6.0	21	008011
2347	NGÔ PHẠM LÂM PHƯƠNG	25/07/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.5	2.0	21	001173
2348	PHẠM MAI PHƯƠNG	09/06/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.0	6.0	3.0	21	002261
2349	NGUYỄN THỊ HỒNG	06/07/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	3.0	21	001086
2350	ĐOÀN TIẾN NGHĨA	17/07/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	3.0	21	001148
2351	ĐẶNG XUÂN PHÚ	22/08/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	3.0	6.0	3.0	21	001169
2352	PHẠM THỊ THẢO	20/10/2010	6B	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	3.0	21	013158
2353	LÊ ĐỨC CƯỜNG	19/06/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.0	6.0	3.0	21	013028
2354	VŨ NGỌC HUY	01/03/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	5.5	4.0	21	009080
2355	NGUYỄN TRẦN QUỐC THÁI	02/04/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	3.0	5.5	4.0	21	015128
2356	HOÀNG NAM KHÁNH	02/02/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.5	4.0	21	002161
2357	PHẠM HUY GIA BẢO	04/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	3.0	5.3	4.5	21	011018
2358	VŨ XUÂN HUY	23/03/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	5.0	21	001093
2359	ĐÀO HOÀNG AN	16/11/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.0	5.0	21	002002
2360	TRẦN GIA HIẾU	12/09/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	5.0	5.0	21	008056
2361	LƯU VĂN VIẾT NGHĨA	07/12/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	5.0	21	013122
2362	VŨ DIỆU LINH	06/01/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	5.0	5.0	21	012054
2363	NGUYỄN KHÁNH LINH	10/10/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	3.0	5.0	5.0	21	007152
2364	HÀ NGỌC LÂM	07/04/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	5.0	21	001111
2365	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	16/10/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	5.0	5.0	21	007201
2366	NGUYỄN PHAN ĐĂNG KHÔI	28/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.8	6.3	3.0	21	014106
2367	NGUYỄN GIA LINH	01/05/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	2.5	7.0	2.0	21	016129
2368	VŨ ĐỨC DŨNG	06/03/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.5	5.5	5.0	21	003050
2369	NGUYỄN MINH ĐĂNG	13/11/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	2.5	5.5	5.0	21	015041
2370	NGUYỄN NAM KHÁNH	22/06/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	2.5	5.0	6.0	21	015068

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2371	ĐỖ MINH CƯỜNG	28/09/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	5.0	6.0	21	008022
2372	LÊ BÙI TÙNG DƯƠNG	19/06/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.5	7.0	21	009050
2373	ĐẶNG THANH VÂN	01/11/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	2.0	6.5	4.0	21	016277
2374	ĐÀO HẢI YẾN	16/09/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	5.0	21	001244
2375	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	10/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	2.0	6.0	5.0	21	015116
2376	ĐẶNG THỊ NGUYỄN ÁNH	29/04/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	2.0	6.0	5.0	21	011013
2377	NGUYỄN HOÀNG ANH	15/04/2011	6A1	THCS AN HÙNG	2.0	5.5	6.0	21	005015
2378	NGUYỄN THẾ THÀNH ĐẠT	16/10/2011	6A6	THCS AN HÙNG	2.0	5.5	6.0	21	005060
2379	NGUYỄN QUỐC DOANH	12/01/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.8	6.8	4.0	21	003038
2380	NGÔ GIA BẢO	04/07/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	1.5	7.0	4.0	21	013019
2381	PHẠM THÙY DUNG	07/03/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	6.5	5.0	21	008027
2382	ĐINH VĂN HUY	16/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	1.0	8.0	3.0	21	004072
2383	NGUYỄN TRANG LINH	08/06/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	7.5	4.0	21	008085
2384	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG LINH	14/11/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	1.0	6.0	7.0	21	002189
2385	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	17/07/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	8.0	4.0	21	008115
2386	HOÀNG QUỐC VIỆT	08/05/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.5	3.8	4.4	20.9	002335
2387	NGÔ GIA PHÚC	15/07/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	4.3	5.0	2.4	20.9	010167
2388	PHAN KHÁNH LINH	13/04/2011	6A1	THCS NAM SƠN	2.8	6.5	2.4	20.9	014125
2389	VŨ ÁI MAI THANH	07/09/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	2.8	5.5	4.4	20.9	002281
2390	ĐÀO THỊ QUỲNH ANH	12/11/2011	6A5	THCS AN HÙNG	1.3	7.0	4.4	20.9	005007
2391	MAI TRỊNH HOÀNG VY	21/12/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	6.3	7.4	20.9	009214
2392	NGUYỄN THANH TÙNG	06/05/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	5.0	4.5	1.8	20.8	010233
2393	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	15/12/2011	6A6	THCS AN HỒNG	4.0	5.5	1.8	20.8	004232
2394	NGUYỄN THẠCH THẢO	28/06/2011	6B	THCS BẮC SƠN	4.0	3.8	5.3	20.8	006121
2395	NGUYỄN TUẤN DŨNG	13/01/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.8	4.5	4.3	20.8	002071
2396	ĐOÀN NGUYỄN BÌNH	07/06/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	3.5	4.8	4.3	20.8	002052
2397	NGÔ LAN ANH	07/10/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.0	6.0	2.8	20.8	007009
2398	NGUYỄN THÙY TRANG	17/02/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.5	3.8	20.8	010212
2399	VŨ MẠNH DŨNG	21/11/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	4.8	20.8	001043
2400	TRẦN TRUNG PHÚC	07/11/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	4.8	20.8	016196

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2401	PHẠM VĂN PHÚC	29/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.5	5.8	20.8	010170
2402	CHU NGÂN KHÁNH	03/09/2011	6A5	THCS AN HỒNG	2.0	7.5	1.8	20.8	004094
2403	TRẦN ĐỨC ANH	05/11/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	2.0	6.5	3.8	20.8	007023
2404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	05/09/2011	6A5	THCS AN HƯNG	2.0	6.3	4.2	20.8	005019
2405	LÊ QUANG VIỆT	19/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	5.3	4.1	20.7	011184
2406	LÊ THANH THẢO	03/09/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	2.8	5.8	3.6	20.7	011157
2407	ĐOÀN NGỌC VŨ	31/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	5.0	3.0	4.7	20.7	016285
2408	PHẠM THỊ HẢI YẾN	09/02/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	4.0	5.3	2.2	20.7	010249
2409	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	18/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.5	3.7	20.7	016081
2410	NGUYỄN THUỶ LINH	27/06/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.3	4.5	5.2	20.7	015079
2411	NGUYỄN VĂN DŨNG	15/09/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	2.5	4.8	6.2	20.7	011033
2412	LÊ THÚY VÂN	16/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	7.0	3.7	20.7	006150
2413	MAI THỊ THANH TRÚC	02/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	5.5	7.2	20.7	009199
2414	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	31/01/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	4.0	2.6	20.6	016108
2415	TRẦN THÁI DƯƠNG	02/09/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.0	4.6	20.6	001049
2416	NGUYỄN TUẤN PHONG	22/01/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	3.6	20.6	016189
2417	NGÔ VĂN QUÂN	11/06/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	2.5	6.6	20.6	003180
2418	PHẠM GIA HIẾU	17/01/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	4.0	4.5	3.6	20.6	007097
2419	LƯƠNG YẾN NHI	04/03/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.5	5.8	2.1	20.6	014171
2420	BÙI NGỌC LINH	17/08/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.5	5.0	3.6	20.6	014115
2421	PHẠM LƯƠNG KHÁNH VÂN	01/01/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.3	6.3	1.6	20.6	014242
2422	NGUYỄN TRÀ MY	24/09/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	3.0	5.5	3.6	20.6	007188
2423	ĐỖ THÙY LÂM	05/12/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	5.3	4.0	20.6	012045
2424	BÁ ĐỨC HUY	03/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.8	5.8	3.6	20.6	014082
2425	NGUYỄN THANH SƠN	31/07/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.5	6.0	3.6	20.6	010189
2426	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA	09/12/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	4.6	20.6	001082
2427	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	13/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	4.6	20.6	001174
2428	NGUYỄN DUY KHANG	22/06/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	5.3	6.0	20.6	005095
2429	LÒ XUÂN ĐOÀN	01/06/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	1.5	8.0	1.6	20.6	010048
2430	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	01/07/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.0	6.0	6.6	20.6	003164

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2431	LÊ HOÀNG NGỌC DIỆP	16/04/2011	6A5	THCS NAM SƠN	5.3	2.5	5.0	20.5	014037
2432	DƯƠNG GIA BẢO	06/06/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.8	4.0	3.0	20.5	015015
2433	TRẦN THẾ QUYẾT	26/04/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	4.8	2.5	6.0	20.5	009170
2434	LƯƠNG THỊ HOA	02/06/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	3.5	20.5	016083
2435	PHẠM MINH VŨ	09/11/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.5	3.8	4.0	20.5	010246
2436	ĐỖ MINH QUÂN	01/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	4.3	4.5	3.0	20.5	015119
2437	ĐỖ TƯỜNG MINH	17/06/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.3	4.5	3.0	20.5	002213
2438	HOÀNG THÙY LINH	07/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	4.3	3.5	5.0	20.5	007147
2439	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	17/09/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.5	2.5	20.5	016061
2440	VŨ BÍCH PHƯƠNG	02/10/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.5	3.8	6.0	20.5	002263
2441	VŨ ĐÌNH CHÍNH	15/07/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.0	6.5	20.5	010029
2442	PHẠM GIA HẢO	11/04/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	3.0	3.3	8.0	20.5	002116
2443	LÊ THỊ THƯƠNG	27/12/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.5	5.8	4.0	20.5	003211
2444	DƯƠNG NGỌC HÂN	05/05/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	5.3	5.0	20.5	009070
2445	PHẠM VĂN CƯỜNG	29/09/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	5.0	6.0	20.5	008023
2446	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	01/08/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.3	5.0	6.0	20.5	008048
2447	NGÔ HOÀNG GIA BẢO	02/06/2011	6A5	THCS AN HOÀ	2.0	6.8	3.0	20.5	003023
2448	NGUYỄN MẠNH ĐẠT	06/05/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	6.5	3.5	20.5	010042
2449	VŨ THỊ MINH ANH	17/07/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.8	5.0	20.5	007027
2450	PHẠM ANH MINH	21/10/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	5.5	6.0	20.5	008095
2451	LÊ THỊ HUẾ	06/08/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	7.3	3.0	20.5	006051
2452	VŨ HỮU TRƯỜNG	08/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	6.0	2.5	3.4	20.4	016267
2453	NGUYỄN QUANG HUY	10/08/2011	6A6	THCS AN HOÀ	4.5	3.0	5.4	20.4	003088
2454	DƯƠNG BẢO AN	13/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	3.5	5.0	3.4	20.4	004001
2455	BÙI THỊ QUỲNH LÂM	15/12/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.0	5.0	4.4	20.4	014112
2456	PHẠM HỒNG NGỌC	17/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.0	4.5	5.4	20.4	003152
2457	NGUYỄN VĂN HƯNG	17/06/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.5	4.4	20.4	016101
2458	TRẦN LÊ NGỌC LAN	05/10/2011	6C	THCS BẮC SƠN	1.5	6.5	4.4	20.4	006064
2459	MAI TRUNG SƠN	11/04/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.5	5.0	3.3	20.3	016213
2460	PHẠM NGỌC HUYỀN	01/09/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.0	6.0	2.3	20.3	016097

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2461	LÊ HOÀI AN	03/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	5.5	4.3	20.3	006001
2462	MAI VĂN HƯNG	22/12/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.5	7.3	2.8	20.3	014090
2463	PHẠM HƯƠNG GIANG	12/05/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.5	3.2	20.2	016062
2464	ĐỖ KHÁNH DUY	09/07/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.8	3.5	5.7	20.2	002068
2465	TRẦN GIA BẢO	13/06/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.5	5.2	20.2	010020
2466	HOÀNG ĐỨC DUY	02/10/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.5	6.0	3.2	20.2	004032
2467	NGUYỄN TUẤN ANH	19/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.5	5.5	4.2	20.2	005020
2468	ĐINH VĂN DANH	23/02/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	5.0	5.2	20.2	009042
2469	ĐẶNG HÀ ANH	30/07/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.5	5.8	5.7	20.2	014003
2470	NGUYỄN TRUNG KIÊN	12/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	3.5	3.1	20.1	016114
2471	PHẠM VĂN PHÚ	08/06/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.3	2.5	6.6	20.1	009157
2472	NGUYỄN NGỌC LÂM	14/01/2011	6A1	THCS AN HỒNG	3.5	5.8	1.6	20.1	004114
2473	ĐỖ THỊ LÂM PHƯỢNG	01/01/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	4.3	5.6	20.1	009168
2474	LÊ TẤN SANG	26/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.0	7.0	2.1	20.1	004184
2475	BÙI ĐOÀN YẾN NHI	31/12/2011	6A6	THCS NAM SƠN	1.5	6.8	3.6	20.1	014169
2476	LƯU HÙNG TIẾN	01/09/2011	6A1	THCS AN HOÀ	1.0	6.3	5.6	20.1	003214
2477	NGUYỄN VĂN PHÚC	07/03/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	5.5	3.0	3.0	20	007240
2478	LÊ ANH KIỆT	31/10/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	5.5	2.0	5.0	20	009101
2479	TRẦN ĐỨC HOÀNG	09/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	5.0	2.5	5.0	20	007107
2480	NGUYỄN VIỆT HIẾU	10/07/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.5	4.5	2.0	20	007096
2481	DƯƠNG HỒNG DUY	19/06/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.5	4.0	3.0	20	016044
2482	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	28/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	5.0	2.0	20	001185
2483	BÙI KIM TUYẾN	22/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	5.0	2.0	20	009202
2484	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	19/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	4.0	4.3	3.4	20	012018
2485	NGUYỄN VIỆT TIẾN	06/05/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	4.0	4.0	20	012096
2486	TRẦN ĐỨC ANH	18/12/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	4.0	4.0	20	012011
2487	TRẦN TRỌNG TIẾN	29/05/2011	6B	THCS LÊ LỢI	4.0	4.0	4.0	20	012097
2488	PHƯƠNG VĂN HÙNG	14/03/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	3.0	6.0	20	001096
2489	TRƯƠNG ĐỨC TRỌNG NGHĨA	24/09/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	4.0	3.0	6.0	20	013123
2490	NGUYỄN MINH TIẾN	03/11/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.8	3.8	5.0	20	002304

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2491	PHẠM MINH KHOA	03/09/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.5	5.0	3.0	20	002174
2492	TRƯƠNG THỊ THANH NHÂN	30/10/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	3.5	5.0	3.0	20	013130
2493	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	13/03/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.5	3.0	7.0	20	002096
2494	NGUYỄN MINH QUÂN	22/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.3	4.3	5.0	20	005176
2495	ĐÀO THỊ KHÁNH CHI	14/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	3.3	2.8	8.0	20	009034
2496	NGÔ THỊ XUÂN MAI	13/10/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	6.0	2.0	20	010121
2497	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	21/03/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.5	3.0	20	001209
2498	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	15/02/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.5	3.0	20	001190
2499	NGUYỄN THỊ LAN	27/06/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	4.0	20	013096
2500	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH	07/10/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	5.0	4.0	20	012008
2501	VÕ KIM TUẤN ANH	30/10/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	5.0	4.0	20	012012
2502	PHẠM THIÊN PHÚC	15/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	3.0	5.0	4.0	20	012077
2503	NGUYỄN GIA HUY	19/12/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	4.5	5.0	20	001091
2504	TRƯƠNG THỊ BÍCH THẢO	04/11/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	2.5	6.0	3.0	20	013159
2505	LÊ SAO MAI	24/08/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	5.3	5.0	20	009118
2506	VŨ THỊ THANH TRÚC	10/10/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.0	6.5	3.0	20	016263
2507	NGUYỄN BÌNH MINH	30/07/2011	6A1	THCS AN HƯNG	2.0	6.0	4.0	20	005128
2508	HOÀNG THỊ LỆ QUYÊN	21/03/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	2.0	6.0	4.0	20	015124
2509	NGUYỄN HOÀNG ANH	16/04/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	1.8	6.3	4.0	20	007014
2510	NGUYỄN MINH THUẬN	09/07/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.5	7.0	3.0	20	013162
2511	NGUYỄN THỊ HUYỀN SÂM	01/06/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.5	7.0	3.0	20	013153
2512	NGUYỄN HẢI YẾN	29/05/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	1.5	7.0	3.0	20	013189
2513	PHẠM THU TRANG	18/09/2011	6A3	THCS AN HƯNG	1.5	6.0	5.0	20	005210
2514	BÙI XUÂN TRƯỜNG	28/07/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.3	6.3	5.0	20	002317
2515	VŨ QUANG HUY	09/01/2011	6A6	THCS AN HỒNG	1.0	7.0	4.0	20	004078
2516	NGUYỄN THÀNH VINH	11/02/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	4.5	3.8	3.4	19.9	010243
2517	PHẠM THANH MAI	22/03/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	3.8	3.0	6.4	19.9	007173
2518	LÊ BÙI HÀ LINH	13/12/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.5	4.8	5.4	19.9	003112
2519	LÊ HOÀNG VÂN ANH	06/10/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	5.5	4.4	19.9	009012
2520	MAI ĐỨC DUY	09/08/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.8	4.4	19.9	007054

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2521	TRỊNH ANH ĐỨC	11/08/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.5	4.5	3.8	19.8	003062
2522	NGUYỄN TUỆ MINH	27/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	6.0	1.8	19.8	011107
2523	TRỊNH XUÂN LƯU	21/02/2011	6A4	THCS AN HỒNG	3.0	5.0	3.8	19.8	004124
2524	PHẠM QUỐC VẤN	13/08/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.5	4.8	19.8	016282
2525	NGUYỄN ĐẮC NGỌC MINH	17/08/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.5	6.0	2.8	19.8	004132
2526	TRẦN GIA BẢO	11/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	6.0	2.8	19.8	006020
2527	ĐÀO TRƯỜNG THỌ	07/09/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	6.5	2.8	19.8	009184
2528	LÊ THỊ MINH HẰNG	05/08/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.0	6.0	3.8	19.8	006046
2529	TRƯƠNG TRIỆU HUY	12/07/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	6.0	5.8	19.8	004077
2530	HOÀNG ĐỨC CHUNG	19/06/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	5.5	2.0	4.7	19.7	002061
2531	NGUYỄN KIM NGÂN	14/09/2011	6A5	THCS AN HỒNG	3.0	6.0	1.7	19.7	004147
2532	VŨ QUANG VINH	03/07/2011	6A4	THCS NAM SƠN	2.5	6.0	2.7	19.7	014248
2533	NGUYỄN THÁI BẢO	02/08/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	2.5	5.8	3.2	19.7	007033
2534	NGUYỄN MINH ANH	18/07/2011	6A4	THCS AN HOÀ	1.8	6.5	3.2	19.7	003011
2535	VŨ QUỲNH PHƯƠNG	19/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	5.0	2.6	19.6	009166
2536	TRẦN THÙY GIANG	29/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.5	3.6	19.6	016063
2537	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	28/12/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.5	2.6	19.6	010122
2538	PHẠM NGỌC ĐIỀU HÂN	16/07/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	5.0	3.6	19.6	009071
2539	NGUYỄN HUY HOÀNG	06/08/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.0	3.6	19.6	010076
2540	VŨ MINH PHONG	20/01/2011	6A6	THCS AN HOÀ	3.0	4.5	4.6	19.6	003170
2541	PHẠM XUÂN HIẾU	02/05/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.5	6.0	2.6	19.6	002130
2542	NGUYỄN THÙY LINH	10/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.5	4.5	5.6	19.6	007155
2543	LÊ QUỐC ANH	12/12/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	4.8	5.6	19.6	009013
2544	NGUYỄN PHÚ KHANG	31/01/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.5	4.6	19.6	010096
2545	TRỊNH VĂN MINH	02/08/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	5.3	5.0	19.6	005131
2546	BÙI TRUNG QUÂN	17/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.0	7.6	19.6	001181
2547	BÙI ĐỨC ANH	30/07/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	6.0	1.8	4.0	19.5	002005
2548	LÊ THÀNH PHÚ	12/06/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	5.3	3.0	3.0	19.5	013140
2549	TRẦN MINH HIẾU	11/02/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.8	3.0	4.0	19.5	002131
2550	TRƯƠNG VĂN TUYÊN	08/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.5	2.8	5.0	19.5	008153

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2551	LƯU XUÂN SƠN	12/10/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	4.3	3.0	5.0	19.5	008122
2552	NGUYỄN DUY HÙNG	14/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	4.0	4.3	3.0	19.5	002153
2553	LẠI PHƯƠNG THÚY	15/05/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	4.0	4.0	3.5	19.5	001212
2554	LÊ THỊ YẾN DƯƠNG	11/03/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.5	3.5	19.5	016048
2555	BÙI THẾ THUẬN	01/02/2011	6A1	THCS NAM SƠN	3.3	3.5	6.0	19.5	014219
2556	NGUYỄN MAI HƯƠNG	02/02/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	4.3	5.0	19.5	007126
2557	ĐINH VĂN NAM	13/12/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	2.8	5.0	4.0	19.5	015095
2558	ĐỖ ĐẮC BẢO ANH	23/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	2.8	4.5	5.0	19.5	008004
2559	VŨ TRẦN XUÂN TRƯỜNG	31/10/2011	6A6	THCS AN HƯNG	2.3	6.0	3.0	19.5	005218
2560	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	18/07/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.3	5.5	4.0	19.5	003226
2561	VŨ THỊ KHÁNH VY	02/01/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	2.0	6.3	3.0	19.5	015153
2562	ĐẶNG QUANG THẮNG	04/10/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.0	5.8	4.0	19.5	015129
2563	ĐÀO TRUNG THIỆU	08/09/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.3	5.0	19.5	001206
2564	PHẠM CÔNG HIẾU	11/05/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.3	5.0	19.5	001077
2565	NGUYỄN MAI TRỌNG	06/06/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.3	6.0	5.0	19.5	005214
2566	TRẦN NGỌC DIỆP	01/10/2011	6A5	THCS AN HOÀ	1.0	7.3	3.0	19.5	003036
2567	NGUYỄN TUẤN ANH	31/03/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.0	7.3	3.0	19.5	003012
2568	ĐINH THỊ MINH PHƯƠNG	01/12/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	1.0	6.3	5.0	19.5	015113
2569	NGUYỄN HÀ ANH	25/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.8	6.0	6.0	19.5	008008
2570	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	26/06/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.5	5.0	2.4	19.4	010033
2571	NGUYỄN KHÁNH LINH	05/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.3	5.0	2.9	19.4	011093
2572	TRẦN VĂN ĐẠI	22/10/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	5.0	3.4	19.4	015038
2573	VŨ HỒNG MINH	20/11/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	5.5	2.9	19.4	002223
2574	NGUYỄN HẢI YẾN	25/11/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.5	3.4	19.4	016292
2575	BÙI VY THANH	15/01/2011	6A5	THCS AN HƯNG	2.5	5.0	4.4	19.4	005190
2576	ĐÀO MẠNH HẢI	18/04/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.5	6.5	3.4	19.4	014064
2577	NGUYỄN DUY TÙNG	08/01/2011	6C	THCS BẮC SƠN	0.5	7.0	4.4	19.4	006147
2578	NGUYỄN BẢO NGỌC	28/12/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	2.5	4.3	19.3	016172
2579	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	20/11/2011	6A2	THCS NAM SƠN	4.3	4.3	2.3	19.3	014257
2580	NGUYỄN TUẤN TỬ	04/03/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.0	4.8	19.3	002326

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2581	PHẠM BÁCH DIỆP	01/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.8	4.8	4.3	19.3	002067
2582	ĐỖ THỊ MAI LINH	29/12/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.5	5.8	2.8	19.3	014117
2583	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/06/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.0	5.3	4.8	19.3	003160
2584	VŨ VIỆT ANH	24/02/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.0	5.3	4.8	19.3	002045
2585	TRẦN HẢI ANH	16/03/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.0	5.0	5.3	19.3	005025
2586	TRẦN HUY KHANG	28/07/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	1.8	5.0	5.8	19.3	002157
2587	PHẠM ĐỨC TRƯỞNG	20/11/2010	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	5.8	4.8	19.3	009200
2588	TRẦN MINH QUỐC	31/10/2011	6A1	THCS AN HỒNG	1.0	7.0	3.3	19.3	004180
2589	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	30/10/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	4.0	3.5	4.2	19.2	007146
2590	LÊ HOÀNG LÂM	20/08/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.5	4.2	19.2	016120
2591	NGUYỄN BÁCH LÂM	09/12/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	3.2	19.2	013098
2592	PHẠM QUỐC KHÁNH	02/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	3.0	5.0	3.2	19.2	004099
2593	PHẠM HẢI YẾN	08/07/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.0	5.0	3.2	19.2	013191
2594	PHẠM DUY KHƯƠNG	18/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.0	5.0	3.2	19.2	016110
2595	PHẠM THỊ NGỌC ANH	23/09/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.0	5.2	19.2	015012
2596	QUẦN THỊ HẢI YẾN	12/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	5.0	4.2	19.2	006160
2597	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	16/05/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.5	6.0	4.2	19.2	013163
2598	PHÙNG THỊ THU TRANG	11/06/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	1.5	6.0	4.2	19.2	007315
2599	VŨ PHƯƠNG ANH	30/04/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	0.0	6.0	7.2	19.2	002043
2600	LÊ TÙNG ANH	21/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.8	4.0	3.6	19.1	014008
2601	LÊ TRẮC TIẾN DŨNG	11/05/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.5	4.1	19.1	010036
2602	PHẠM GIA BẢO	05/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	2.8	4.5	4.6	19.1	007034
2603	ĐÀO XUÂN MẠNH	10/01/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	2.8	3.5	6.6	19.1	007175
2604	VŨ MINH DUY	24/02/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.0	5.1	19.1	010034
2605	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/12/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.0	5.0	5.1	19.1	002245
2606	HOÀNG TUẤN VIỆT	14/05/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	5.3	5.6	19.1	009207
2607	NGUYỄN QUỲNH CHI	09/05/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.3	5.0	6.6	19.1	005039
2608	TRẦN PHÚ TƯỜNG	04/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	5.0	3.5	2.0	19	001233
2609	HÀ THÁI DƯƠNG	29/03/2011	6A3	THCS AN HƯNG	4.5	3.0	4.0	19	005052
2610	BÙI HOÀNG TÙNG	26/06/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	4.5	2.0	19	009203

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2611	TRƯƠNG THỊ KIM DUNG	16/11/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0	3.5	4.0	19	008029
2612	PHẠM TRUNG NGHĨA	17/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	4.0	3.3	4.4	19	011123
2613	CAO THỊ PHƯƠNG ANH	21/10/2011	6D7	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.0	5.0	19	016004
2614	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	01/08/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	3.0	5.0	19	009062
2615	NGUYỄN THỊ HÀ MY	18/12/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	3.0	5.0	19	001135
2616	NGUYỄN XUÂN LỘC	05/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	3.8	4.8	2.0	19	014131
2617	PHẠM MINH UYÊN	04/03/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	3.0	19	001234
2618	ĐÀO ĐỨC ANH	21/06/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	3.0	5.0	3.0	19	007004
2619	PHẠM KHÁNH VĂN	22/11/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	3.0	5.0	3.0	19	007340
2620	VŨ TRUNG HIẾU	26/05/2011	6B	THCS LÊ LỢI	3.0	4.5	4.0	19	012035
2621	NGUYỄN KHÁNH DUY	28/06/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	4.0	5.0	19	001039
2622	TRẦN THỊ CHI	12/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.0	5.0	19	015026
2623	VŨ MAI CHI	21/03/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	3.0	3.0	7.0	19	001029
2624	PHẠM HẢI GIANG	14/03/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	2.5	5.5	3.0	19	011047
2625	VŨ THÙY DƯƠNG	23/11/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.5	5.0	4.0	19	006034
2626	NGUYỄN THỊ HIỀN	22/10/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	5.0	4.0	19	008054
2627	TÔ GIA BẢO	07/12/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	2.5	5.0	4.0	19	013021
2628	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	18/05/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	4.0	6.0	19	008084
2629	ĐOÀN ĐỨC KHIÊM	05/08/2011	6A6	THCS AN HƯNG	2.5	3.5	7.0	19	005102
2630	HOÀNG NHƯ QUỲNH	07/11/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	6.5	2.0	19	010182
2631	TRẦN ĐỨC DƯƠNG	17/06/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	3.0	19	001048
2632	ĐỖ QUỲNH ANH	13/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	3.0	19	001004
2633	NGUYỄN HÀ MY	08/02/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.5	4.0	19	007187
2634	LÊ TRÁC DƯƠNG	31/10/2011	6D	THCS BẮC SƠN	2.0	5.5	4.0	19	006031
2635	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	18/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.0	5.5	4.0	19	002025
2636	PHẠM ANH TUẤN	31/01/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.5	4.0	19	010231
2637	TRẦN BÁ THÀNH	05/04/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.0	7.0	19	001199
2638	LÊ THỊ NHÌ	18/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	6.0	4.0	19	006100
2639	ĐINH BẢO DUY	16/10/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	1.5	6.0	4.0	19	013030
2640	LÊ PHẠM THANH TRÚC	11/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	1.5	6.0	4.0	19	016259

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2641	TRẦN PHƯƠNG NHI	28/11/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.0	6.5	4.0	19	011133
2642	MAI PHÚC THẮNG	23/02/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	6.0	7.0	19	008132
2643	BÙI ANH TUẤN	29/04/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	4.0	3.8	3.4	18.9	007326
2644	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	06/05/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	3.3	5.5	1.4	18.9	011039
2645	MAI NGỌC DIỆP	15/06/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	6.3	2.4	18.9	007049
2646	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	03/07/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.5	6.5	2.9	18.9	011014
2647	LƯU GIA KHÁNH	27/05/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	5.0	0.8	18.8	007130
2648	NGUYỄN NGỌC BẢO ANH	08/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	4.0	3.8	3.2	18.8	010009
2649	MAI TRUNG PHONG	29/12/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.5	3.8	18.8	016187
2650	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	17/10/2011	6D2	THCS ĐẠI BẢN	3.5	4.5	2.8	18.8	007330
2651	TRẦN TRUNG HIẾU	28/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.0	4.0	4.8	18.8	003076
2652	NGUYỄN HỮU NGHĨA	16/09/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.8	5.0	3.3	18.8	010141
2653	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	14/10/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	2.5	5.5	2.8	18.8	007063
2654	TRẦN GIA HUY	08/05/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.5	4.0	5.8	18.8	002148
2655	VŨ NHẬT THẢO	30/12/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	6.0	2.8	18.8	009182
2656	TRẦN KHÁNH HUYỀN	20/12/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	5.0	4.8	18.8	009083
2657	LÊ THANH HUỆ	14/12/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.5	5.3	5.3	18.8	003082
2658	TRẦN LÊ PHƯƠNG VY	13/05/2011	6A6	THCS NAM SƠN	1.0	7.0	2.8	18.8	014254
2659	NGUYỄN THỊ DUNG NHI	01/06/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	5.0	2.8	3.2	18.7	007227
2660	NGUYỄN QUANG KIỆT	15/07/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.0	2.7	18.7	016116
2661	NGUYỄN NGỌC THANH	30/05/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.8	3.5	6.2	18.7	003190
2662	ĐỖ MAI PHƯƠNG	28/03/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	4.8	4.2	18.7	006106
2663	NGUYỄN TIẾN TÀI	08/11/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.0	5.7	18.7	016214
2664	NGUYỄN TUỆ MẮN	28/07/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.0	5.8	3.2	18.7	014139
2665	NGUYỄN ANH GIA BẢO	04/07/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.0	4.7	18.7	010019
2666	LÊ NAM PHONG	01/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	4.5	3.5	2.6	18.6	007235
2667	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	29/11/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.8	2.8	5.6	18.6	002260
2668	VŨ BẢO KHÁNH	28/06/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.0	3.6	18.6	016107
2669	NGUYỄN THỊ NGÂN THƯƠNG	28/12/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.3	3.6	18.6	002302
2670	NGUYỄN THỊ NGÂN KHÁNH	19/09/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.0	5.0	2.6	18.6	002166

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2671	NGUYỄN TRỌNG HẬU	15/12/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	2.8	5.0	3.0	18.6	013060
2672	TRẦN VĂN TỬ	30/11/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	2.5	5.5	2.6	18.6	007335
2673	VŨ YẾN NHI	05/05/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	5.8	2.6	18.6	009153
2674	PHẠM VĂN ĐỨC	12/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.0	4.5	5.6	18.6	002105
2675	MAI XUÂN NGUYỄN	16/06/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	4.8	5.6	18.6	009147
2676	VŨ BẢO NAM	02/11/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.5	6.0	3.6	18.6	004146
2677	JEFFREY SUNG	06/12/2011	6A4	THCS AN HÙNG	1.5	5.5	4.6	18.6	005187
2678	TRẦN NGỌC HÂN	01/02/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.0	5.0	6.6	18.6	002122
2679	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	20/08/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.8	2.0	5.0	18.5	008118
2680	NGUYỄN ĐỨC LONG HÒA	27/07/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.5	2.5	18.5	016087
2681	TRẦN GIA HÂN	16/10/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.0	3.5	18.5	016068
2682	ĐOÀN GIA THÀNH	12/03/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	4.3	3.5	3.0	18.5	002282
2683	LÊ ANH TRƯỜNG	11/08/2011	6A4	THCS AN HOÀ	3.3	4.5	3.0	18.5	003225
2684	BÙI MINH QUÝ	25/08/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.3	4.3	3.4	18.5	011151
2685	TRẦN ĐỨC TÀI	10/03/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	4.0	4.0	18.5	008125
2686	NGÔ QUỐC ANH	18/10/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.0	4.5	18.5	010006
2687	PHẠM TUẤN KIỆT	23/12/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.8	5.0	3.0	18.5	007137
2688	BÙI MAI HƯƠNG	28/11/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	5.0	3.0	18.5	009089
2689	NGUYỄN ĐÌNH CẢNH	08/08/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.8	4.5	4.0	18.5	003027
2690	TRẦN ANH MINH	07/08/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.8	3.5	6.0	18.5	007183
2691	VŨ KIỀU KIỀU	29/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.8	4.0	18.5	009100
2692	NGUYỄN HOÀNG ANH	11/09/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.3	5.5	3.0	18.5	006012
2693	PHẠM TIẾN THÀNH	30/06/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	2.5	18.5	001198
2694	LÊ BẢO HÂN	24/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.5	5.5	18.5	001069
2695	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	12/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	4.0	7.0	18.5	008035
2696	HOÀNG THỊ MINH ANH	07/11/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	6.3	3.0	18.5	009010
2697	NGUYỄN VĂN TIẾN	21/12/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	5.3	5.0	18.5	015134
2698	MAI TRẦN THÀNH ĐỨC	15/05/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	4.0	2.5	5.4	18.4	001055
2699	BÙI THANH NHÂN	18/10/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	5.0	2.4	18.4	011128
2700	NGUYỄN VĂN NGHĨA	17/04/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	4.5	3.4	18.4	012065

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2701	NGUYỄN GIA HUY	01/05/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	3.0	4.0	4.4	18.4	007111
2702	NGUYỄN NGỌC BẢO	14/02/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	3.5	5.4	18.4	015018
2703	ĐỖ TIẾN ĐẠT	22/09/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	2.5	5.5	2.4	18.4	011040
2704	PHẠM THỊ TÂM NHƯ	04/08/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	2.5	5.0	3.4	18.4	013136
2705	BÙI KHÁNH VY	27/10/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	2.5	5.0	3.4	18.4	013184
2706	NGUYỄN THÀNH CÔNG	13/07/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	4.4	18.4	007044
2707	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	02/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.0	4.4	18.4	016198
2708	CAO XUÂN ĐẠT	04/03/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	4.4	18.4	007060
2709	NGUYỄN XUÂN PHÚ	09/11/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.8	6.3	2.4	18.4	014185
2710	TRẦN NGỌC DIỆP	30/07/2011	6D4	THCS ĐẠI BẢN	1.5	6.0	3.4	18.4	007053
2711	VŨ THỊ MAI	15/09/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	1.5	6.0	3.4	18.4	010124
2712	BẠCH ĐỖ GIA NHI	17/09/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	6.5	3.4	18.4	011129
2713	NGUYỄN SINH KIỀU TRANG	08/07/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	0.5	5.5	6.4	18.4	002312
2714	NGUYỄN MINH HUYỀN	04/12/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.8	3.5	1.8	18.3	002151
2715	LÊ ĐỨC THỊNH	26/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	4.0	3.5	3.3	18.3	006123
2716	LÊ MINH QUÂN	08/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.0	4.3	18.3	016202
2717	NGUYỄN NGỌC MINH CHÂU	23/06/2011	6D3	THCS ĐÔNG THÁI	3.0	3.8	4.8	18.3	009033
2718	PHẠM HUY TIẾN	03/06/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.8	5.0	2.8	18.3	002306
2719	NGUYỄN KHÁNH LINH	10/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.5	2.3	18.3	016132
2720	ĐẶNG HÀ TRANG	15/02/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	1.8	4.5	5.8	18.3	002309
2721	NGUYỄN ĐỨC DUY	03/02/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.8	4.5	5.8	18.3	005047
2722	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	14/12/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	1.8	4.5	5.8	18.3	011180
2723	HOÀNG UYÊN TRANG	17/01/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.5	4.8	5.8	18.3	002310
2724	TRẦN MINH QUÂN	13/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.8	6.3	4.2	18.3	011149
2725	NGUYỄN NGỌC LINH	26/03/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	0.8	5.5	5.8	18.3	007153
2726	LÊ ĐẶNG DIỆU ANH	30/11/2011	6A5	THCS NAM SƠN	4.3	3.5	2.7	18.2	014006
2727	NGUYỄN ĐẶNG BẢO NGÂN	13/09/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	4.0	3.0	4.2	18.2	013120
2728	TRẦN HÀ LINH	28/07/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	4.0	2.5	5.2	18.2	011095
2729	ĐỖ TUẤN THÁI	04/09/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.0	4.8	2.7	18.2	014210
2730	NGUYỄN NHẬT MINH	23/05/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.0	4.2	18.2	016152

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2731	NGUYỄN YẾN NHI	11/08/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.8	4.3	4.2	18.2	014176
2732	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	15/06/2011	6D1	THCS ĐẠI BẮN	2.0	6.5	1.2	18.2	007084
2733	TỪ CHẤN PHONG	14/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.0	5.5	3.2	18.2	004164
2734	LÊ VĂN NHẬT KHÁNH	26/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	6.0	3.2	18.2	006063
2735	VŨ HẢI ĐĂNG	27/03/2011	6C	THCS BẮC SƠN	1.5	4.0	7.2	18.2	006036
2736	HÀ HIẾU NGHĨA	28/06/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.0	6.5	3.2	18.2	004149
2737	BẠCH TRUNG HIẾU	29/11/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	3.8	4.6	18.1	001074
2738	VŨ ĐÌNH DƯƠNG	22/04/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.3	3.5	6.6	18.1	002088
2739	PHẠM TRUNG GIA KHÁNH	25/08/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.8	2.6	18.1	007132
2740	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	17/10/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.5	3.1	18.1	016031
2741	PHẠM NGỌC ĐỨC	22/08/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	1.3	6.0	3.6	18.1	011044
2742	TRẦN THỊ THÚY QUỲNH	08/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	4.3	3.8	2.0	18	002273
2743	NGÔ MINH HUY	07/12/2011	6C	THCS BẮC SƠN	3.8	3.0	4.5	18	006054
2744	TRẦN VŨ VIỆT ANH	18/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	3.5	4.5	2.0	18	014021
2745	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÙY	04/07/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.0	3.0	18	016234
2746	NGUYỄN VĂN KIÊN	01/02/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	3.5	4.0	18	009099
2747	LÊ TÙNG DƯƠNG	12/10/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.3	2.5	6.5	18	002081
2748	HOÀNG QUỐC BẢO	06/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	5.0	2.0	18	001018
2749	NGUYỄN VĂN THẾ	27/12/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	3.0	5.0	2.0	18	010203
2750	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	14/08/2010	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.5	3.0	18	016085
2751	NGUYỄN THỊ MAI TRANG	05/03/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.5	3.0	18	015137
2752	NGUYỄN LÊ TRÂM ANH	10/11/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	3.0	4.0	4.0	18	015008
2753	VŨ BÁ PHÚC	14/09/2011	6C	THCS LÊ LỢI	3.0	4.0	4.0	18	012078
2754	NGUYỄN QUỐC HIẾU	04/10/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	3.5	5.0	18	015053
2755	NGUYỄN NAM PHONG	30/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.8	4.5	3.5	18	014183
2756	BÙI NGỌC PHƯƠNG NHI	29/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.5	5.3	2.5	18	014170
2757	LÊ TRẦN BẢO NAM	04/06/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.5	5.0	3.0	18	016162
2758	PHẠM THỊ MINH HẬU	31/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.5	5.0	3.0	18	006045
2759	ĐẶNG QUANG GIA KIỆT	17/10/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.5	5.0	3.0	18	002177
2760	TRẦN THẢO MY	25/09/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	2.5	5.0	3.0	18	007190

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2761	VŨ THÀNH TÙNG	18/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	2.5	4.0	5.0	18	005221
2762	ĐINH THỊ THÙY	09/04/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	2.3	5.8	2.0	18	015133
2763	HOÀNG ANH TIẾN	07/01/2010	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.0	6.0	2.0	18	010208
2764	NGUYỄN THÀNH TRUNG	15/12/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	2.0	18	001224
2765	VŨ MINH NGỌC	04/08/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	2.0	6.0	2.0	18	001158
2766	PHẠM TIẾN ĐẠT	05/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.5	3.0	18	007064
2767	VŨ VĂN QUYẾN	14/11/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.5	3.0	18	001184
2768	TẠ ĐÌNH PHONG	07/03/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.5	3.0	18	001168
2769	TRƯƠNG TUẤN ANH	15/11/2010	6A	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.0	4.0	18	013016
2770	HOÀNG THU LỆ	14/07/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	2.0	5.0	4.0	18	015074
2771	MAI VŨ VIỆT KHÁNH	11/07/2010	6A	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.0	4.0	18	001104
2772	PHAN THANH HUYỀN	27/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	4.5	5.0	18	009082
2773	VŨ GIA BẢO	18/01/2011	6A4	THCS AN HOÀ	2.0	4.5	5.0	18	003025
2774	PHẠM MINH ANH	08/11/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	4.5	5.0	18	008014
2775	BÙI VIỆT LÂM	31/01/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	4.5	5.0	18	008077
2776	NGUYỄN TRUNG KIÊN	08/06/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.5	5.0	5.0	18	005104
2777	DOÃN HOÀNG AN	04/11/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.5	5.0	5.0	18	005001
2778	LÊ QUANG PHÚC	24/04/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.0	6.0	4.0	18	005167
2779	NGÔ THANH HIỀN	05/09/2011	6A5	THCS AN HOÀ	1.0	5.0	6.0	18	003072
2780	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	21/05/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	7.0	4.0	18	008041
2781	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG VY	26/10/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.0	6.5	5.0	18	005235
2782	ĐÀO THU THỦY	09/03/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.5	3.3	4.4	17.9	009189
2783	NGUYỄN ANH THƯ	29/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	3.3	4.0	3.4	17.9	002300
2784	VŨ VIỆT DŨNG	22/02/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	5.3	1.4	17.9	011035
2785	VŨ VIỆT ANH	12/05/2011	6D	THCS QUỐC TUẤN	2.3	5.5	2.4	17.9	015014
2786	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	04/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	0.5	5.8	5.4	17.9	002321
2787	TRẦN GIA HUY	15/08/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	5.5	2.0	2.8	17.8	007114
2788	PHẠM TIẾN DŨNG	31/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	4.0	4.0	1.8	17.8	011034
2789	ĐỖ ĐỨC ANH THẮNG	06/08/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.5	3.5	3.8	17.8	014214
2790	ĐOÀN GIA KHÁNH	24/09/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	3.5	3.0	4.8	17.8	002159

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2791	ĐOÀN MINH KHOA	12/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.3	3.3	4.8	17.8	002173
2792	NGUYỄN NGỌC THUỶ LINH	20/11/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.0	3.8	17.8	010106
2793	PHẠM DUY ANH	30/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.5	5.5	1.8	17.8	010014
2794	ĐÀO QUỲNH HƯƠNG	22/01/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.5	5.0	2.8	17.8	002154
2795	NGUYỄN QUỐC PHONG	22/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.5	3.8	17.8	016188
2796	TRẦN THỊ TRÂM	24/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	2.5	4.0	4.8	17.8	007321
2797	HÀ THỊ THUY DUNG	14/12/2011	6A2	THCS AN HƯNG	2.5	3.8	5.2	17.8	005045
2798	LƯƠNG PHƯƠNG UYÊN	27/09/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.0	5.5	2.8	17.8	014239
2799	MAI NGUYỄN THÀNH	21/11/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	5.0	3.8	17.8	009177
2800	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	01/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.0	5.0	3.8	17.8	005004
2801	NGUYỄN HOÀNG SƠN	03/04/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	4.0	5.8	17.8	007262
2802	NGUYỄN QUANG SƠN	03/02/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	7.0	1.8	17.8	004186
2803	PHÙNG VĂN HOÀNG	20/12/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.0	4.3	1.2	17.7	007106
2804	LÊ THỊ NHƯ QUỲNH	27/04/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.3	3.8	3.7	17.7	006115
2805	PHẠM HẢI NAM	19/05/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.5	3.7	17.7	016163
2806	ĐỖ DUY ĐẠT	13/02/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	1.5	5.0	4.7	17.7	016056
2807	ĐÀO TIẾN PHONG	30/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	4.0	6.7	17.7	006105
2808	PHAN VĂN PHƯƠNG	21/10/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	5.5	2.0	2.6	17.6	007243
2809	ĐÀO DUY LONG	29/05/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.5	2.0	4.6	17.6	009115
2810	PHAN TRỌNG THỊNH	23/03/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	4.0	1.6	17.6	009183
2811	BÙI DIỄM QUỲNH	14/07/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	4.0	3.5	2.6	17.6	007257
2812	NINH NGỌC MỸ	28/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.5	3.5	3.6	17.6	011116
2813	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	19/03/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.5	2.6	17.6	016254
2814	PHẠM THU HÀ	20/04/2010	6A	THCS AN ĐỒNG	3.0	3.0	5.6	17.6	001064
2815	PHẠM BÙI HÀ MY	16/12/2011	6A1	THCS NAM SƠN	2.5	5.0	2.6	17.6	014152
2816	LÂM THIÊN HƯƠNG	24/09/2011	6A4	THCS AN HỒNG	2.0	6.3	1.1	17.6	004090
2817	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	30/11/2011	6D1	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	3.6	17.6	007062
2818	PHẠM THỊ THU TRANG	18/06/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	3.6	17.6	007313
2819	CAO THỊ THẢO NGUYỄN	22/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	4.3	5.6	17.6	009144
2820	NGUYỄN GIA MINH	20/07/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.5	6.0	2.6	17.6	004133

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2821	LÊ THỊ TÚ QUỲNH	05/12/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	4.8	5.1	17.6	006116
2822	NGÔ MINH QUÂN	01/01/2011	6A2	THCS AN HOÀ	5.0	1.3	5.0	17.5	003178
2823	NGUYỄN PHẠM ANH QUÂN	11/01/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.5	2.5	17.5	016204
2824	LƯU HỮU PHÚC	05/07/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.0	2.5	17.5	016194
2825	NGÔ THÀNH AN	15/01/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.3	2.5	6.0	17.5	008001
2826	NGUYỄN THU TRANG	13/03/2011	6A2	THCS AN HOÀ	2.8	4.0	4.0	17.5	003219
2827	NGUYỄN VŨ MINH PHƯƠNG	14/01/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.5	4.8	3.0	17.5	002259
2828	VŨ ĐÌNH THẮNG	11/08/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.5	4.3	4.0	17.5	015130
2829	VŨ HOÀNG ĐÌNH	05/07/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	2.3	5.5	2.0	17.5	013050
2830	NGUYỄN BẢO TRANG	27/07/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.3	3.0	17.5	001218
2831	PHẠM HOÀNG ĐÔNG	19/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.0	4.8	4.0	17.5	007072
2832	ĐỖ VĂN SƠN	28/06/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.5	4.5	17.5	016211
2833	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	20/10/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	1.8	5.0	4.0	17.5	015099
2834	TRƯƠNG ANH TUẤN	06/02/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	4.0	6.0	17.5	008151
2835	VŨ MINH UYỂN NHI	05/02/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.5	6.0	2.5	17.5	004158
2836	ĐÌNH THỊ HỒNG NHUNG	31/10/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	5.3	4.0	17.5	009154
2837	LÊ BẢO ANH	20/03/2011	6A6	THCS AN HOÀ	1.3	5.5	4.0	17.5	003002
2838	ĐOÀN TUẤN HƯNG	05/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.3	5.0	5.0	17.5	014089
2839	BÙI THỊ THANH HOA	26/02/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	1.0	6.0	3.5	17.5	001081
2840	NGUYỄN THỊ HỒNG	24/08/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	0.8	6.0	4.0	17.5	015059
2841	BÙI HOÀNG HẢI	13/08/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	4.0	3.5	2.4	17.4	016065
2842	NGUYỄN KHẮC TRUNG HIẾU	18/04/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.5	3.0	4.4	17.4	007094
2843	NGUYỄN VĂN VŨ	30/09/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.0	3.4	17.4	016287
2844	NGUYỄN MINH DUY	26/11/2010	6A2	THCS AN HỒNG	3.0	3.0	5.4	17.4	004033
2845	NGUYỄN YẾN NHI	17/09/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	1.0	6.0	3.4	17.4	011131
2846	LƯU THỊ THÙY NHI	23/11/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.0	6.7	4.0	17.4	005158
2847	DƯƠNG THỊ BẢO YẾN	29/05/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.0	4.3	2.8	17.3	007350
2848	NGUYỄN VŨ THÙY DƯƠNG	22/10/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.0	3.5	4.3	17.3	016051
2849	NGUYỄN TIẾN MINH	29/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.8	5.0	1.8	17.3	011106
2850	TRẦN GIA KHIÊM	29/09/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.0	5.5	2.3	17.3	011085

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2851	NGUYỄN BẢO KHÁNH	24/02/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	5.0	3.8	17.3	009094
2852	NGUYỄN THỊ HIỀN TRANG	30/08/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	4.0	4.0	1.2	17.2	016250
2853	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	17/02/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.5	4.0	2.2	17.2	016073
2854	NGUYỄN KHÁNH DUY	21/12/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	3.5	4.0	2.2	17.2	010032
2855	TRẦN HỮU THÁI	24/07/2011	6A5	THCS AN HỒNG	3.0	5.0	1.2	17.2	004198
2856	ĐỖ KHÁNH NGỌC	18/10/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.5	5.0	2.2	17.2	010144
2857	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	08/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.5	3.2	17.2	009037
2858	NGUYỄN KHÁNH LINH	04/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	5.5	2.2	17.2	016130
2859	BÙI BÌNH NGUYỄN	25/12/2011	6A1	THCS AN HỒNG	2.0	5.0	3.2	17.2	004154
2860	HOÀNG NGUYỄN HẢI ĐĂNG	09/05/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.0	3.2	17.2	007067
2861	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC DIỆP	16/12/2011	6A4	THCS AN HỒNG	4.8	2.0	3.6	17.1	004031
2862	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	17/09/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	2.5	5.5	1.1	17.1	011064
2863	BÙI HUY HÙNG	22/01/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.0	4.1	17.1	016098
2864	HOÀNG THỊ HƯƠNG	28/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.8	1.6	17.1	007125
2865	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	5.8	2.6	17.1	009164
2866	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	10/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	5.5	2.0	2.0	17	007297
2867	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	09/11/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	4.0	3.0	3.0	17	015039
2868	PHẠM NGỌC TRÂM	16/12/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	3.5	4.0	2.0	17	007319
2869	NGUYỄN CÔNG MINH	27/09/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.5	3.3	3.5	17	002217
2870	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	21/10/2011	6H	THCS AN ĐỒNG	3.0	4.5	2.0	17	001056
2871	ĐOÀN THỊ HÀ MY	09/12/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.0	4.5	2.0	17	016161
2872	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	04/06/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	3.0	4.0	3.0	17	007068
2873	LÊ THẾ LÂM	06/10/2011	6B	THCS LÊ LỢI	3.0	3.5	4.0	17	012046
2874	NGUYỄN BẢO NGỌC	13/09/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	3.0	3.0	5.0	17	013126
2875	LÊ NGỌC DIỆP	24/10/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	3.0	3.0	5.0	17	002065
2876	LÊ SANG TRỌNG	25/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	3.0	3.0	5.0	17	003223
2877	TRƯƠNG LƯƠNG GIA MINH	03/09/2011	6A5	THCS AN HƯNG	2.5	3.5	5.0	17	005132
2878	PHẠM THẢO MY	14/08/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.5	2.0	17	007189
2879	TRƯƠNG QUANG KIẾT	20/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	2.0	5.0	3.0	17	013095
2880	TRẦN GIA MINH	11/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	5.0	3.0	17	006086

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2881	PHẠM MINH TRÍ	22/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	2.0	5.0	3.0	17	014233
2882	NGUYỄN GIA HUY	24/02/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	4.8	3.5	17	006056
2883	NGUYỄN THẾ PHONG	13/11/2011	6C	THCS LÊ LỢI	2.0	4.5	4.0	17	012073
2884	NGUYỄN THU THỦY	08/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	2.0	4.0	5.0	17	012094
2885	LÊ ĐẠI QUANG	12/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.0	5.0	17	001178
2886	NGUYỄN QUỐC TRUNG	19/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	4.0	5.0	17	008146
2887	VŨ ĐỨC GIA HUY	28/06/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.8	5.8	2.0	17	006058
2888	ĐỖ QUỐC VIỆT	13/03/2011	6A4	THCS NAM SƠN	1.8	5.8	2.0	17	014246
2889	VŨ DOÃN TUYẾN	08/01/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.5	3.0	17	006146
2890	NGUYỄN VĂN TRUNG KIÊN	14/02/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	1.5	5.5	3.0	17	015072
2891	ĐINH NAM CƯỜNG	26/02/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	5.0	4.0	17	006026
2892	ĐỖ THỊ THANH BÌNH	10/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	5.0	4.0	17	009030
2893	NGUYỄN MẠNH TRUNG	21/02/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	5.3	4.0	17	009196
2894	TĂNG HỮU BẢO NGUYỄN	09/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	4.8	5.0	17	009148
2895	ĐÀO THỊ THÙY DƯƠNG	26/03/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.0	6.0	3.0	17	013036
2896	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	10/04/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	1.0	6.0	3.0	17	013007
2897	NGUYỄN THÁI HÒA	06/06/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.0	5.5	4.0	17	005083
2898	TRỊNH VĂN PHÚ	05/06/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.0	5.0	5.0	17	005166
2899	PHẠM VĂN LONG	19/01/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	4.5	6.0	17	001122
2900	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	20/01/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.0	4.5	6.0	17	005053
2901	PHẠM THẾ QUYẾN	20/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	5.5	5.0	17	008114
2902	NGUYỄN MINH KHIÊM	04/10/2011	6A7	THCS AN DƯƠNG	2.5	4.3	3.4	16.9	002171
2903	NGUYỄN MẠNH DŨNG	03/03/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.8	5.0	3.4	16.9	002070
2904	NGUYỄN NGỌC HÀ AN	14/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	4.0	6.4	16.9	009002
2905	NGUYỄN QUANG HUY	04/06/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.5	3.5	2.8	16.8	016093
2906	VŨ THÙY DƯƠNG	19/01/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.5	3.0	3.8	16.8	016053
2907	NGUYỄN MINH CÔNG	06/06/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	3.3	3.8	2.8	16.8	011026
2908	NGUYỄN HỒNG NGỌC	08/03/2011	6A5	THCS AN HOÀ	3.0	2.5	5.8	16.8	003151
2909	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	24/11/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.8	3.8	3.8	16.8	002026
2910	LÊ HẢI ANH	18/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.3	4.5	3.3	16.8	011004

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2911	PHẠM TIẾN ĐẠT	13/10/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	5.0	2.8	16.8	007065
2912	VŨ MINH NGỌC	11/10/2011	6A3	THCS NAM SƠN	0.8	5.0	5.3	16.8	014166
2913	HÀ HOÀNG HẢI	16/12/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.5	3.3	3.2	16.7	014065
2914	PHẠM HOÀNG PHÚC	02/12/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	3.8	3.2	16.7	007241
2915	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	29/11/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.8	4.0	3.2	16.7	002165
2916	VŨ BẢO UYÊN	25/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.8	3.3	4.6	16.7	011181
2917	VŨ THỊ THẢO MI	04/09/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.3	5.0	2.2	16.7	007178
2918	HOÀNG ÁNH NGỌC	05/06/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.5	1.7	16.7	010145
2919	LÊ THANH SƠN	31/08/2011	6D6	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.5	5.7	16.7	016212
2920	NGUYỄN THỊ TRANG	22/10/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	1.8	5.0	3.2	16.7	007309
2921	NGUYỄN THỊ NINH	15/09/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.5	5.5	2.7	16.7	014180
2922	ĐINH THỊ TƯỜNG VY	24/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.3	5.5	3.2	16.7	002336
2923	VŨ DUY ANH	27/01/2011	6B	THCS BẮC SƠN	3.8	3.0	3.1	16.6	006015
2924	NGUYỄN ĐÔNG VY	04/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	4.5	1.6	16.6	009215
2925	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	07/04/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	3.0	4.0	2.6	16.6	010007
2926	TRẦN THỊ THU TRÀ	22/09/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	3.0	3.5	3.6	16.6	010216
2927	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	07/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.3	5.3	1.6	16.6	014232
2928	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	06/11/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.5	1.6	16.6	010224
2929	TRẦN THỊ HẰNG NGA	25/02/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.0	4.5	3.6	16.6	007199
2930	NGUYỄN VĂN THẮNG	21/03/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	2.0	4.5	3.6	16.6	007273
2931	NGUYỄN ANH TUẤN	17/12/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.0	3.6	16.6	006145
2932	TRƯƠNG VĂN TOÀN	25/10/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.5	5.0	3.6	16.6	013167
2933	NGUYỄN THỊ YẾN	11/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	5.0	3.6	16.6	006159
2934	PHẠM YẾN CHI	16/03/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	1.5	4.5	4.6	16.6	015025
2935	TẠ ANH TUẤN	06/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	4.8	2.0	3.0	16.5	014235
2936	TRỊNH VŨ DUY	09/05/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	4.5	3.0	1.5	16.5	016046
2937	ĐẶNG MAI HƯƠNG	14/06/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.8	3.3	2.4	16.5	005090
2938	QUẦN PHI TRƯỜNG	09/02/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.3	4.0	2.0	16.5	015139
2939	VŨ HẢI PHÚC	08/12/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.3	3.0	4.0	16.5	014189
2940	NGÔ ĐỨC ÁNH	01/05/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.5	3.8	4.0	16.5	003022

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2941	PHẠM THỊ TÂM	12/11/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.5	3.5	4.5	16.5	016215
2942	HOÀNG THẾ DƯƠNG	31/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	2.3	4.0	4.0	16.5	015035
2943	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	23/07/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.8	3.5	6.0	16.5	008075
2944	ĐINH NGỌC HÂN	05/10/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.8	2.0	16.5	006042
2945	PHẠM KHÁNH MY	15/09/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	1.5	5.0	3.5	16.5	010135
2946	BÙI THỊ MINH PHƯƠNG	27/02/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.5	3.5	16.5	001172
2947	NGUYỄN MINH ÁNH	09/07/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.8	5.0	5.0	16.5	008018
2948	NGUYỄN NGỌC KIỀU AN	09/08/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.8	5.0	5.0	16.5	015003
2949	LÊ MINH SƠN	11/10/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.5	5.3	5.0	16.5	005185
2950	NGUYỄN HỒNG PHÚC	17/11/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.3	6.5	3.0	16.5	015111
2951	LƯU THỊ NGỌC TUYẾN	06/09/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.3	6.0	4.0	16.5	005219
2952	NGÔ THỊ YẾN VY	25/09/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.3	5.5	5.0	16.5	015150
2953	NGUYỄN MINH NGHĨA	02/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	4.5	3.0	1.4	16.4	007207
2954	HOÀNG ĐÌNH PHONG	14/10/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	4.0	3.5	1.4	16.4	007234
2955	LÊ PHƯƠNG THẢO	25/03/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	4.0	2.4	16.4	009180
2956	ĐỖ AN HUY	02/10/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	3.0	4.0	2.4	16.4	002138
2957	LƯƠNG GIA HUY	27/04/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	3.0	3.5	3.4	16.4	002143
2958	ĐẶNG MAI TRANG	27/06/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.5	4.5	2.4	16.4	004216
2959	TRẦN VĂN VƯƠNG	06/09/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.5	4.5	2.4	16.4	007346
2960	DOÃN TRẦN GIA LINH	19/07/2011	6A2	THCS AN HƯNG	2.0	4.5	3.4	16.4	005112
2961	HOÀNG ANH TUẤN	24/12/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	2.0	4.0	4.4	16.4	013178
2962	PHẠM THỊ MINH HẬU	08/03/2011	6A1	THCS NAM SƠN	1.5	5.0	3.4	16.4	014069
2963	NGUYỄN MINH PHÚ	20/11/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	5.0	2.0	2.3	16.3	016190
2964	TRẦN HẢI NAM	25/08/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.0	4.3	16.3	016165
2965	ÔN NGUYỄN THÀNH LONG	05/01/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.5	5.3	16.3	016141
2966	ĐỖ VIỆT ANH	04/04/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	5.8	3.8	16.3	009009
2967	NGÔ THỊ HẢO	20/08/2011	6A5	THCS AN HOÀ	0.5	4.8	5.8	16.3	003069
2968	ĐỒNG ĐỨC KHÔI	06/09/2011	6A5	THCS AN HỒNG	4.0	3.0	2.2	16.2	004104
2969	ĐINH THỊ PHƯƠNG LINH	15/02/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	4.0	2.5	3.2	16.2	011091
2970	ĐỖ LƯƠNG HOÀNG ĐỨC	30/06/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.0	4.0	2.2	16.2	007074

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
2971	TẠ ĐỨC MINH	16/08/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.8	4.5	1.7	16.2	002221
2972	ĐỖ ĐỨC AN	29/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	4.0	3.2	16.2	009001
2973	NGUYỄN MINH QUÂN	15/10/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.0	5.0	2.2	16.2	015120
2974	VŨ ĐỨC HƯỜNG	09/05/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.0	4.5	3.2	16.2	005092
2975	LÊ QUANG VIỆT	28/12/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.5	2.2	16.2	006151
2976	TRỊNH ĐÌNH HẢI NAM	22/09/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.3	5.0	3.7	16.2	014155
2977	LÂM THIÊN CƯỜNG	29/07/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.0	5.5	3.2	16.2	014035
2978	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	04/06/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.5	3.2	16.2	001046
2979	VŨ KHÁNH LINH	11/02/2011	6A4	THCS AN HƯNG	4.3	1.8	4.0	16.1	005118
2980	NGUYỄN TRÍ ĐỨC	16/07/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	2.5	4.8	1.6	16.1	007078
2981	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	04/10/2011	6A4	THCS AN HỒNG	2.5	4.5	2.1	16.1	004159
2982	ĐOÀN PHÚ MINH QUANG	25/07/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	2.3	3.5	4.6	16.1	002264
2983	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	18/07/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	2.0	3.8	4.6	16.1	001047
2984	LÊ KHƯƠNG DUY	21/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.3	2.6	16.1	006030
2985	NGHIÊM GIA HIẾU	08/06/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.5	4.5	4.1	16.1	014075
2986	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	20/10/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	1.3	5.5	2.6	16.1	002063
2987	VŨ BẢO CHÂM	17/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.5	3.5	2.0	16	015021
2988	NGUYỄN GIA MINH	21/09/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.5	3.0	3.0	16	013113
2989	NGUYỄN ĐĂNG LÂM	01/01/2011	6A3	THCS NAM SƠN	3.0	3.5	3.0	16	014114
2990	TRẦN NAM PHONG	19/02/2011	6A6	THCS AN HƯNG	3.0	3.5	3.0	16	005165
2991	NGUYỄN HUY ĐỨC	03/03/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	3.5	3.0	16	009061
2992	NGUYỄN BÍCH DIỆP	07/10/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	3.0	2.5	5.0	16	001033
2993	LÊ HOÀNG KHANG	12/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	3.0	2.5	5.0	16	001099
2994	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	2.0	6.0	16	008064
2995	NGÔ ĐỨC THIỆN	17/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	3.0	2.0	6.0	16	008134
2996	NGUYỄN TIẾN THÀNH	01/05/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	2.5	4.5	2.0	16	010198
2997	PHẠM VĂN THẮNG	19/12/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.5	2.0	7.0	16	008133
2998	HOÀNG NGUYỄN THANH TRÚC	01/06/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.3	4.8	2.0	16	014234
2999	LÊ THỊ YẾN NHI	24/11/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	5.0	2.0	16	001163
3000	BÙI KIỀU TRINH	25/10/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	2.0	5.0	2.0	16	013173

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3001	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	22/12/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.5	3.0	16	016184
3002	HOÀNG NHẬT MINH	13/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	2.0	4.5	3.0	16	015087
3003	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	09/03/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.5	3.0	16	010093
3004	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DI	22/11/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.0	4.0	4.0	16	005044
3005	NGÔ THỊ DIỆU LINH	10/09/2011	6A6	THCS AN HOÀ	2.0	4.0	4.0	16	003115
3006	NGUYỄN GIA HÂN	03/07/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	2.0	3.0	6.0	16	001070
3007	HOÀNG CÔNG QUÂN	06/01/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.8	4.8	3.0	16	005175
3008	LÊ BÁCH HIẾU	30/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	5.5	2.0	16	006050
3009	TRƯƠNG VĂN TÂN	29/12/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.5	5.0	3.0	16	013155
3010	NGUYỄN ĐỨC ANH	05/12/2011	6A8	THCS AN DƯƠNG	1.5	4.0	5.0	16	002016
3011	NGUYỄN MINH ĐỨC	09/05/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.0	6.0	2.0	16	013053
3012	TRẦN THỊ PHƯƠNG VY	15/10/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	1.0	5.5	3.0	16	007348
3013	NGUYỄN MINH HIẾU	17/06/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	5.0	4.0	16	013065
3014	ĐẶNG QUANG KHOA	24/10/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	1.0	4.0	6.0	16	015070
3015	ĐỒNG ANH QUÂN	06/09/2011	6A5	THCS AN HỒNG	0.5	6.0	3.0	16	004177
3016	VŨ THỊ TƯỜNG VY	21/11/2011	6A6	THCS AN HƯNG	0.5	5.0	5.0	16	005240
3017	ĐÀO THỊ BẢO NGỌC	09/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	0.5	5.0	5.0	16	005150
3018	NGUYỄN ANH TÚ	07/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	5.0	5.0	16	008156
3019	NGUYỄN HẢI PHONG	27/12/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	5.0	5.0	16	008106
3020	TRƯƠNG ANH KIỆT	28/12/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	5.0	6.0	16	008074
3021	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	13/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	4.0	3.0	1.9	15.9	004221
3022	ĐINH QUANG HIẾU	24/09/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.8	1.5	5.4	15.9	002127
3023	LÊ TUẤN KIỆT	24/10/2011	6A2	THCS AN HOÀ	3.0	2.3	5.4	15.9	003105
3024	NGUYỄN THỊ HẰNG	20/10/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	2.5	5.4	15.9	002125
3025	VŨ VĂN KHỎE	21/03/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.8	3.4	15.9	010101
3026	VŨ THỊ PHƯƠNG HÀ	12/08/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	4.0	4.9	15.9	006041
3027	NGUYỄN ĐỨC LONG	18/01/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	4.0	5.4	15.9	009117
3028	TRẦN HOÀNG TÙNG	09/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	3.3	3.0	3.3	15.8	014237
3029	QUÁCH TÙNG LÂM	04/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	3.5	2.8	15.8	011090
3030	NGUYỄN PHÚ TRỌNG	22/12/2011	6A3	THCS AN HOÀ	3.0	3.5	2.8	15.8	003224

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3031	VŨ TRỌNG NGHĨA	25/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.5	4.0	2.8	15.8	006094
3032	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	07/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	3.0	4.8	15.8	009161
3033	MẠC THỊ HẰNG	05/11/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	2.0	4.0	3.8	15.8	007090
3034	VŨ XUÂN ANH	21/12/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.0	4.0	5.8	15.8	005028
3035	PHẠM NGỌC ÁNH	01/05/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	4.0	7.8	15.8	009026
3036	HOÀNG DUY TÂN	14/09/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.0	3.0	3.7	15.7	016216
3037	PHẠM TÚ ANH	28/11/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.0	2.8	4.2	15.7	002033
3038	BÙI TUẤN ANH	18/09/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	2.0	6.2	15.7	009006
3039	LÊ THỊ HIỀN SANG	25/08/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	2.8	5.2	15.7	009171
3040	LÊ MINH TỬ	02/07/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	2.3	2.0	7.2	15.7	002322
3041	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	02/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.5	2.7	15.7	016244
3042	QUÁCH HUY HÙNG	18/07/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	1.5	4.3	4.2	15.7	010090
3043	NGÔ TIẾN ĐẠT	31/05/2011	6A6	THCS AN HOÀ	0.8	4.5	5.2	15.7	003055
3044	ĐOÀN THỊ HẢI YẾN	10/08/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	0.5	4.3	6.1	15.7	011189
3045	NGUYỄN HỮU HOÀNG HIỆP	06/11/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	4.0	2.5	2.6	15.6	016082
3046	TRẦN THỊ KHÁNH LINH	18/03/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	3.5	2.5	3.6	15.6	007158
3047	VŨ THỊ MINH HUYỀN	03/10/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	3.5	2.6	15.6	010088
3048	NGUYỄN QUANG HIẾU	31/05/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	3.0	3.0	3.6	15.6	007095
3049	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG LINH	06/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.8	2.3	5.6	15.6	009110
3050	NGUYỄN THANH TRÚC	15/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	4.0	2.6	15.6	016262
3051	TRẦN MINH ÁNH	05/07/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	5.0	1.6	15.6	010018
3052	NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/05/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.0	1.6	15.6	007079
3053	VŨ HỒNG HẢI	03/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	3.5	4.6	15.6	009068
3054	ĐOÀN NGỌC THÁI DUY	13/06/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.5	5.0	2.6	15.6	011029
3055	ĐỖ TUẤN HUY	02/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	4.8	3.1	15.6	006052
3056	LÊ HẢI NAM	22/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	0.0	6.5	2.6	15.6	004143
3057	NGUYỄN ANH ĐỨC	24/07/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	3.0	3.8	2.0	15.5	007077
3058	ĐỖ THỊ THÁI HÀ	22/04/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.8	3.5	3.0	15.5	015044
3059	ĐÌNH THU HƯỜNG	10/08/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.8	3.0	4.0	15.5	006061
3060	TRẦN THỊ HÀ VY	30/03/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.5	3.5	3.5	15.5	011187

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3061	LÃ THỊ THẢO ANH	17/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	2.3	4.5	2.0	15.5	011003
3062	NGUYỄN ĐOÀN BẢO ANH	05/07/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	4.0	3.0	15.5	009016
3063	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	23/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	2.0	5.3	1.0	15.5	007083
3064	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	22/06/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.0	4.8	2.0	15.5	014174
3065	VŨ HỮU PHÚC	02/05/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	1.8	4.0	4.0	15.5	015112
3066	NGUYỄN THỊ THU HÀ	02/03/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	1.8	4.0	4.0	15.5	015046
3067	NGUYỄN BẢO NAM	14/10/2011	6D3	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	2.5	7.0	15.5	009130
3068	PHẠM HỮU HIỆU	13/02/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.0	3.5	15.5	001080
3069	PHẠM VĂN LỢI	30/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	5.3	4.0	15.5	008088
3070	CHU TIẾN MINH	28/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	0.3	4.5	6.0	15.5	005124
3071	HOÀNG MINH NHẬT	07/12/2011	6D2	THCS ĐẠI BẮN	4.0	2.0	3.4	15.4	007220
3072	NGUYỄN ANH TÚ	25/06/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.5	4.0	2.4	15.4	002324
3073	PHẠM MINH HUY	19/04/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.5	3.0	4.4	15.4	002147
3074	PHẠM THỊ THANH	24/06/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	2.3	4.3	2.4	15.4	009176
3075	NGUYỄN MINH TÚ	09/10/2011	6C	THCS LÊ LỢI	2.0	4.0	3.4	15.4	012107
3076	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH	05/11/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	3.4	15.4	010219
3077	PHẠM THÀNH NAM	09/02/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.5	4.4	15.4	016164
3078	TRẦN THỊ BẢO NGỌC	29/04/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.0	2.5	6.4	15.4	007214
3079	TRẦN BẢO MINH	05/08/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	5.0	2.4	15.4	006084
3080	NGUYỄN MINH CHÂU	17/09/2011	6D5	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.0	4.4	15.4	016030
3081	HOÀNG PHÚ LINH	02/02/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	1.5	3.5	5.4	15.4	007145
3082	BÙI NGUYỄN HUY	27/03/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	6.0	1.4	15.4	004068
3083	BÙI THỊ DIỆP ANH	13/02/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	5.8	2.4	15.4	009005
3084	ĐÀO THANH CHÚC	06/10/2011	6A4	THCS NAM SƠN	0.8	5.8	2.4	15.4	014034
3085	TRẦN THỊ HẰNG NGA	08/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.5	5.5	3.4	15.4	011121
3086	VŨ NGỌC ANH	12/01/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	0.0	6.0	3.4	15.4	002041
3087	NGUYỄN THIỆN ANH	08/06/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	5.8	1.3	1.3	15.3	011005
3088	LÊ HẢI LONG	15/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	2.0	5.8	15.3	002198
3089	NGUYỄN THUỶ CHI	15/11/2010	6C	THCS HỒNG THÁI	1.3	5.5	1.8	15.3	011023
3090	DUY THỊ NGỌC MINH	09/08/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.3	5.0	2.8	15.3	011102

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3091	ĐINH NGỌC ĐẠI	27/01/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	4.0	4.8	15.3	009052
3092	PHẠM QUỲNH NHƯ	12/11/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	5.5	2.3	15.3	004160
3093	NGUYỄN THỊ MAI ANH	05/12/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	3.5	6.3	15.3	016014
3094	BÙI HOÀNG TUẤN KIỆT	11/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.5	3.0	2.2	15.2	014108
3095	NGUYỄN XUÂN MINH	31/07/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	3.3	3.5	1.7	15.2	002220
3096	HÀ KHÁNH HUYỀN	12/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	2.5	3.5	3.2	15.2	014086
3097	BÙI QUANG HUY	29/08/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.0	4.0	3.2	15.2	002136
3098	NGUYỄN PHAN NHẬT VI	13/12/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.5	4.2	15.2	010239
3099	NGUYỄN KHẮC DUY	06/09/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	1.5	4.5	3.2	15.2	011030
3100	NGUYỄN NGỌC MINH QUÂN	04/03/2011	6A4	THCS AN HƯNG	1.5	4.0	4.2	15.2	005177
3101	PHẠM THÀNH DƯƠNG	14/03/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	0.5	6.0	2.2	15.2	013040
3102	PHẠM THỊ NGỌC ANH	30/12/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	0.5	5.0	4.2	15.2	002031
3103	PHÚ VĂN HIẾU	15/11/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	3.3	3.5	1.6	15.1	007100
3104	ĐẶNG QUANG HÀ	08/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	2.0	3.3	4.6	15.1	001061
3105	PHÙNG BẢO LỘC	01/04/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	1.8	2.5	6.6	15.1	007162
3106	PHẠM VĂN LỘC	11/08/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.0	4.1	15.1	016143
3107	QUẦN ĐỨC KIÊN	07/12/2011	6A1	THCS NAM SƠN	1.3	5.0	2.6	15.1	014107
3108	NGUYỄN HỮU VIỆT ANH	04/04/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.8	4.3	5.0	15.1	005016
3109	VŨ GIA BẢO	13/02/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	4.0	2.0	3.0	15	001020
3110	TRẦN PHƯƠNG ANH	09/10/2011	6A5	THCS NAM SƠN	3.3	2.8	3.0	15	014020
3111	PHẠM KHÁNH NGỌC	01/08/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.0	3.0	3.0	15	013127
3112	PHẠM MINH NGHĨA	21/12/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	3.0	3.0	3.0	15	001150
3113	VŨ MAI NGÂN	30/07/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	3.0	3.0	3.0	15	013121
3114	VŨ ĐỨC HÒA	26/04/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	3.0	3.0	3.0	15	013072
3115	PHẠM THỊ KIM NGÂN	16/09/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	2.5	3.0	4.0	15	015100
3116	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	18/05/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.5	2.0	15	010199
3117	VŨ VĂN TRƯỜNG	27/04/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	3.0	15	010229
3118	VŨ DUY ĐẠT	29/12/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.0	4.0	3.0	15	006035
3119	NGÔ DUY THÀNH	27/07/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	3.0	15	010197
3120	NGUYỄN XUÂN VIỆT ANH	14/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	3.0	5.0	15	008013

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3121	TRẦN MẠNH HÙNG	22/04/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	3.0	5.0	15	009088
3122	NGUYỄN KHÁNH ĐOÀN	26/12/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.5	5.0	2.0	15	013049
3123	MAI ÍCH HẢI AN	16/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	1.5	4.5	3.0	15	016001
3124	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	03/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	4.5	3.0	15	008127
3125	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	06/01/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	3.5	5.0	15	008031
3126	LƯU ĐỨC ANH	14/11/2011	6A4	THCS AN HOÀ	1.5	3.5	5.0	15	003004
3127	ĐINH QUANG HUY	08/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	3.5	5.0	15	015060
3128	VŨ DƯƠNG BẢO YẾN	24/07/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	6.0	1.0	15	016293
3129	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	02/12/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	5.0	3.0	15	013044
3130	NGUYỄN CẨM TÚ QUỲNH	23/08/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.0	3.0	15	001187
3131	PHẠM THỊ HẢI YẾN	02/10/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.0	5.0	3.0	15	013192
3132	ĐINH THỊ NGÂN HOA	15/11/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	5.0	3.0	15	013070
3133	ĐẶNG TRẦN HẢI ĐĂNG	15/11/2011	6A3	THCS AN HƯNG	1.0	4.5	4.0	15	005063
3134	NGUYỄN TUẤN KIỆT	31/05/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	4.0	5.0	15	008073
3135	PHẠM KIM NGỌC	04/11/2010	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	4.0	5.5	15	009140
3136	NGUYỄN MẠNH VIỆT	02/01/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.5	5.5	3.0	15	005228
3137	VŨ THỊ DIỄM QUỲNH	06/12/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	0.5	5.0	4.0	15	013151
3138	NGUYỄN HỮU PHÚC	15/08/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.5	4.5	5.0	15	005168
3139	TRỊNH VĂN ĐẠT	24/07/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.0	6.0	3.0	15	005062
3140	VŨ THỊ NGỌC LAN	18/03/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	1.8	5.0	1.4	14.9	007139
3141	NGUYỄN ĐỨC HẢI NAM	30/11/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	1.8	4.0	3.4	14.9	007195
3142	PHẠM PHÚ BÌNH	08/11/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.3	5.0	2.4	14.9	014028
3143	NGUYỄN TUẤN MINH	26/09/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.3	4.3	3.9	14.9	014147
3144	HOÀNG THỊ TRÀ MY	11/11/2011	6A2	THCS NAM SƠN	0.5	5.8	2.4	14.9	014151
3145	TẠ THUY PHƯƠNG	31/10/2011	6A3	THCS NAM SƠN	0.0	6.3	2.4	14.9	014192
3146	NGÔ ĐỨC HUY	05/10/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	4.0	1.5	3.8	14.8	009079
3147	NGUYỄN BẢO NAM	03/07/2011	6A5	THCS AN HỒNG	2.5	4.0	1.8	14.8	004145
3148	ĐÀO MẠNH ĐẠT	15/04/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	2.8	14.8	010040
3149	VŨ MẠNH TIẾN	20/10/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.0	5.5	1.8	14.8	002307
3150	PHẠM GIA MINH	01/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	5.0	2.8	14.8	009122

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3151	VŨ PHƯƠNG NHI	21/07/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	4.0	4.8	14.8	016182
3152	HOÀNG THỊ THANH MAI	14/07/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	0.8	3.3	6.8	14.8	007171
3153	ĐINH THỊ KHÁNH NHUNG	25/06/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.5	6.0	1.8	14.8	005162
3154	LÊ PHƯƠNG VY	21/02/2011	6A3	THCS NAM SƠN	0.5	5.5	2.8	14.8	014251
3155	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	5.5	3.8	14.8	011138
3156	ĐỖ MINH QUÂN	26/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	3.8	3.0	1.2	14.7	011148
3157	NGUYỄN MINH TIẾN	29/08/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	3.0	2.5	3.7	14.7	016245
3158	TRẦN HẢI MINH	07/03/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.5	3.5	2.7	14.7	002222
3159	LƯƠNG THẾ VINH	06/02/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	4.0	3.2	14.7	009210
3160	LƯƠNG YẾN NHI	10/01/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	1.5	4.0	3.7	14.7	010155
3161	NGÔ NGỌC NGUYỄN	25/02/2011	6A5	THCS AN HOÀ	1.5	3.3	5.2	14.7	003155
3162	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	31/05/2011	6B	THCS HỒNG THÁI	1.3	4.5	3.2	14.7	011155
3163	BÙI THỊ BÍCH HẰNG	06/10/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.0	5.0	2.7	14.7	014070
3164	NGUYỄN CHÂU ANH	08/11/2011	6A5	THCS AN HOÀ	0.8	4.5	4.2	14.7	003009
3165	TRẦN VĂN QUẢNG	26/09/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	4.0	1.0	4.6	14.6	007249
3166	HOÀNG HỮU HƯNG	31/03/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	3.8	1.3	4.6	14.6	009090
3167	VŨ THỊ KHÁNH LINH	02/10/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	2.8	3.5	2.0	14.6	010112
3168	VŨ LÊ THẾ HUỠNH	22/09/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	2.8	3.0	3.0	14.6	013080
3169	TRỊNH VĂN THĂNG	02/01/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.3	3.8	2.6	14.6	007274
3170	NGUYỄN TUẤN QUỲNH	26/06/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	2.6	14.6	010185
3171	PHẠM VĂN HÙNG	24/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	2.6	14.6	010089
3172	PHẠM VĂN THIỆN	15/02/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.5	3.6	14.6	016230
3173	PHẠM TIẾN DUY	11/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	1.5	4.5	2.6	14.6	007056
3174	NGUYỄN BÁ MÃO	23/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.5	4.0	3.6	14.6	011101
3175	NGUYỄN XUÂN HÒA	08/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.5	3.8	4.0	14.6	005084
3176	VƯƠNG QUANG THẮNG	23/09/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.5	3.5	4.6	14.6	005197
3177	PHÍ XUÂN LỘC	24/03/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	5.0	2.6	14.6	013106
3178	TRẦN VĂN KIÊN	24/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	0.5	5.5	2.6	14.6	007136
3179	PHẠM PHƯƠNG ANH	23/04/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	5.0	3.6	14.6	009019
3180	LÊ QUỐC HẬU	07/02/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	4.5	1.5	14.5	006044

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3181	PHẠM BẢO TRÂM	06/08/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.3	2.0	14.5	001223
3182	NGUYỄN MINH HIẾU	12/05/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	2.0	4.0	2.5	14.5	001076
3183	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	27/05/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	4.0	3.0	14.5	009056
3184	NGUYỄN LINH CHI	18/12/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	1.8	4.0	3.0	14.5	007039
3185	NGUYỄN PHÚ BÌNH	23/04/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.5	3.3	5.0	14.5	008019
3186	VŨ NGUYỄN NGỌC NHI	11/09/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	3.3	5.0	14.5	009152
3187	QUẦN NGUYỄN DUY QUẢN	19/07/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	1.0	4.3	4.0	14.5	015122
3188	VŨ NGỌC HÀ	21/10/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.8	4.5	4.0	14.5	002115
3189	PHẠM MAI PHƯƠNG	08/10/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.8	4.5	4.0	14.5	005171
3190	TRẦN NGỌC MINH TUỆ	03/05/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	6.3	2.0	14.5	009201
3191	BÙI MINH ĐĂNG	17/09/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	4.5	2.0	1.4	14.4	002095
3192	NGUYỄN THỊ ÚT	22/05/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.5	2.5	2.4	14.4	016060
3193	PHẠM PHƯƠNG THẢO	15/06/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	3.5	2.0	3.4	14.4	002291
3194	PHẠM MINH QUẢN	23/09/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	3.0	3.5	1.4	14.4	002268
3195	ĐẶNG QUỐC VIỆT	11/02/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	3.0	3.0	2.4	14.4	007341
3196	HOÀNG THỊ THÚY NGA	09/03/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.5	3.0	3.4	14.4	007198
3197	PHẠM MINH QUẢN	22/02/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.5	2.5	4.4	14.4	007256
3198	NGÔ VĂN CẢNH	15/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.5	1.4	14.4	010025
3199	NGUYỄN THỊ HÀ LINH	26/12/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	2.4	14.4	010108
3200	BÙI DUY ANH	27/09/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.5	3.4	14.4	016003
3201	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	14/06/2011	6C	THCS LÊ THIÊN	1.5	4.0	3.4	14.4	013166
3202	PHẠM ĐIỂM NGỌC	07/02/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	1.3	5.0	1.9	14.4	010148
3203	NGUYỄN HẢI SƠN	14/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.0	5.0	2.4	14.4	004185
3204	LÊ THỊ MAI QUỲNH	20/03/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	2.5	4.3	14.3	006114
3205	MAI THẾ ANH	01/03/2011	6A1	THCS NAM SƠN	2.0	3.0	4.3	14.3	014010
3206	ĐOÀN ANH QUÝ	17/05/2011	6A1	THCS NAM SƠN	1.5	4.0	3.3	14.3	014203
3207	NGUYỄN MẠNH BẢO	14/08/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	4.0	1.5	3.2	14.2	007032
3208	PHẠM MINH TÚ	19/04/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.0	3.0	2.2	14.2	011178
3209	TRẦN MAI THƯƠNG	20/02/2011	6A2	THCS NAM SƠN	3.0	2.5	3.2	14.2	014222
3210	NGUYỄN THỊ THẢO MAI	07/03/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	2.5	3.0	3.2	14.2	013109

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3211	LÊ VĂN ANH HUY	31/05/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	4.0	2.2	14.2	006053
3212	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	14/11/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	0.5	5.3	2.6	14.2	011150
3213	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	15/10/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	3.0	3.0	2.1	14.1	016227
3214	NGUYỄN VIỆT ANH	21/11/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.8	3.0	2.6	14.1	007017
3215	NGUYỄN HẢI LONG	21/10/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.8	2.6	14.1	010114
3216	LƯU KIỀU VY	15/08/2010	6D1	THCS TÂN TIẾN	1.5	3.8	3.6	14.1	016288
3217	ĐỖ PHẠM ĐỨC ANH	05/01/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	1.0	4.3	3.6	14.1	016006
3218	VŨ THẾ HÙNG	18/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	3.0	3.0	2.0	14	007120
3219	NGUYỄN VĂN VIỆT	31/03/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	3.0	2.0	14	010242
3220	NGUYỄN MINH ANH	18/12/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	3.0	2.5	3.0	14	010008
3221	NGUYỄN TUẤN HƯNG	09/02/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	3.0	2.0	4.0	14	015067
3222	ĐỖ MAI LINH	09/10/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.0	2.0	14	016127
3223	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	25/03/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.0	4.0	2.0	14	011130
3224	DƯƠNG TUYẾT NHI	06/11/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	2.0	3.5	3.0	14	001162
3225	ĐỖ NGỌC LÂM	23/07/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	3.5	3.0	14	008079
3226	HOÀNG TRUNG HIẾU	10/09/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	3.0	4.0	14	008055
3227	ĐẶNG ĐĂNG KHOA	06/05/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	2.0	2.5	5.0	14	007135
3228	LÊ TRÁC HẢI NAM	17/12/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	4.5	2.0	14	006090
3229	LÊ QUỐC KHÁNH KHANG	17/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	4.5	2.0	14	006062
3230	LÊ QUỐC KHÁNH	23/05/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.5	4.0	3.0	14	014100
3231	NGUYỄN BẢO AN	30/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	4.0	3.0	14	015002
3232	KIM LÊ MINH QUANG	15/12/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.5	4.0	3.0	14	005172
3233	ĐỖ NGỌC TOÀN	19/10/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.3	4.5	2.5	14	014225
3234	NGUYỄN TỔ UYÊN	07/07/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	5.0	2.0	14	009204
3235	PHÙNG THỊ NHƯ QUỲNH	14/02/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	1.0	5.0	2.0	14	001189
3236	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	13/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	3.5	5.0	14	009040
3237	MẠC KHÁNH DUY	13/06/2011	6A4	THCS AN HOÀ	1.0	3.5	5.0	14	003040
3238	ĐINH HỮU TÚ	08/07/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	5.0	3.0	14	008155
3239	LƯƠNG SĨ QUỐC ANH	18/08/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	4.0	5.0	14	008007
3240	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	29/12/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.8	4.5	1.4	13.9	005057

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3241	VŨ HOÀNG ĐẠT	12/10/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	3.8	3.4	13.9	009058
3242	MAI HẢI ĐÔNG	17/09/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	1.5	3.8	3.4	13.9	007071
3243	VŨ VĂN CHÍNH	18/03/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	0.5	5.8	1.4	13.9	007041
3244	PHẠM QUANG ĐỘ	24/05/2011	6A5	THCS AN HOÀ	0.5	3.8	5.4	13.9	003058
3245	VŨ DOÃN MINH	07/02/2011	6A	THCS BẮC SƠN	3.5	2.0	2.8	13.8	006087
3246	PHẠM VIỆT KHÁNH	25/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	3.5	1.5	3.8	13.8	005100
3247	LÊ HỒNG PHÚC	16/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	3.5	1.8	13.8	016193
3248	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	26/05/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	4.0	1.8	13.8	016086
3249	NGUYỄN BẢO LÂM	22/08/2011	6A6	THCS AN HỒNG	2.0	4.0	1.8	13.8	004113
3250	NGUYỄN ĐĂNG HUY	05/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	4.5	1.8	13.8	006055
3251	LÊ BÁ ĐÔNG	27/09/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	3.0	4.8	13.8	009059
3252	NGUYỄN QUANG VŨ	31/08/2011	6A6	THCS NAM SƠN	1.3	4.5	2.3	13.8	014249
3253	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	12/10/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	3.0	5.8	13.8	009041
3254	LÊ HỒNG PHONG	08/09/2011	6A1	THCS NAM SƠN	2.8	2.8	2.7	13.7	014181
3255	NGUYỄN NGỌC NAM HẢI	22/01/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.5	3.3	2.2	13.7	016066
3256	BÙI YẾN NHI	03/09/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.3	4.0	1.2	13.7	010154
3257	PHẠM HOÀI NAM	13/10/2011	6A4	THCS NAM SƠN	0.5	5.0	2.7	13.7	014154
3258	ĐOÀN THỊ THU PHƯƠNG	14/08/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.5	3.0	2.6	13.6	009162
3259	ĐINH THỊ YẾN NHI	12/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.3	3.0	3.1	13.6	006098
3260	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/02/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.0	4.0	1.6	13.6	010075
3261	BÙI VĂN VIỆT	23/01/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.0	4.0	1.6	13.6	014244
3262	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	01/10/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	3.5	3.6	13.6	006141
3263	NGUYỄN HOÀNG ĐĂNG DƯƠNG	02/07/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.0	5.0	1.6	13.6	014047
3264	VŨ ĐÌNH VĂN	24/02/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.0	3.0	5.6	13.6	002332
3265	TRẦN VĂN PHÚ	22/08/2011	6A6	THCS AN HỒNG	0.5	5.0	2.6	13.6	004168
3266	HOÀNG THỊ HẢI AN	11/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.3	5.0	3.1	13.6	011001
3267	NGUYỄN CÔNG HIẾU	24/11/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.3	3.0	3.0	13.5	015052
3268	NGUYỄN VŨ ĐỨC CÔNG	28/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	4.5	0.5	13.5	006025
3269	DƯƠNG MẠNH KHANG	26/11/2011	6A5	THCS AN HỒNG	2.0	3.8	2.0	13.5	004092
3270	TRẦN VIỆT ANH	25/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.0	3.0	3.5	13.5	011010

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3271	VŨ BẢO MINH	06/08/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.5	3.8	3.0	13.5	014150
3272	MAI TRUNG NGUYỄN	13/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	4.3	4.0	13.5	009146
3273	NGUYỄN NGỌC BÍCH	28/08/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	0.5	4.3	4.0	13.5	016027
3274	TRẦN VĂN VŨ	20/04/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	3.0	2.0	3.4	13.4	007345
3275	LÊ BẢO TRẦN	04/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.5	2.4	13.4	010218
3276	LÊ TUẤN TÚ	30/08/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.5	2.4	13.4	010235
3277	NGUYỄN ĐỨC TÀI	21/07/2011	6A6	THCS AN HỒNG	1.0	4.5	2.4	13.4	004187
3278	VŨ MINH QUÂN	11/03/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	1.0	4.0	3.4	13.4	013147
3279	TRỊNH BẢO CHI	17/10/2011	6A4	THCS AN HOÀ	0.5	4.5	3.4	13.4	003031
3280	NGUYỄN THỊ NHẬT MINH	17/06/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	6.0	1.4	13.4	011104
3281	PHẠM ANH TIẾN	05/02/2011	6A4	THCS AN HỒNG	0.0	4.5	4.4	13.4	004213
3282	NGUYỄN THÀNH CÔNG	06/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	3.5	2.0	2.3	13.3	011027
3283	THÁI MINH TÚ	30/09/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.8	3.5	2.8	13.3	014238
3284	VŨ PHẠM MINH TÂM	08/07/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.5	4.3	3.8	13.3	005189
3285	TRẦN ĐỨC TIẾN	12/07/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	3.0	2.0	3.2	13.2	007299
3286	BÙI XUÂN BẢO	01/01/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.0	7.2	13.2	009028
3287	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	21/02/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	2.0	4.3	0.6	13.1	007258
3288	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	27/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.3	3.5	3.6	13.1	002258
3289	PHẠM ANH TÚ	08/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	0.0	6.0	1.1	13.1	016274
3290	HOÀNG THỊ THÚY	25/04/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	3.0	3.0	1.0	13	007288
3291	PHẠM DUY KHÁNH	03/10/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.0	2.5	2.0	13	005099
3292	BÙI DANH TÙNG	15/11/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.0	2.5	2.0	13	016270
3293	NGÔ XUÂN VŨ	12/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.0	2.0	13	010244
3294	PHẠM NGỌC TRANG	30/10/2011	6D2	THCS HỒNG PHONG	2.5	3.0	2.0	13	010214
3295	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	12/01/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.5	3.0	2.0	13	007226
3296	PHẠM QUANG NHẬT	17/07/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.0	3.5	2.0	13	007222
3297	PHẠM THÀNH TRUNG	27/06/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.5	2.0	13	010223
3298	VŨ VĂN TRƯỜNG	14/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.0	3.0	3.0	13	006144
3299	NGUYỄN VĂN HÙNG	29/11/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.0	3.0	3.0	13	015066
3300	HOÀNG THÁI DƯƠNG	01/01/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	2.5	4.0	13	008033

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3301	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	06/04/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	2.0	1.5	6.0	13	008140
3302	ĐÀO THỊ XUÂN MAI	30/04/2010	6D2	THCS HỒNG PHONG	1.5	4.0	2.0	13	010118
3303	VŨ TRẦN BẢO NAM	07/09/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.5	4.0	2.0	13	011120
3304	LÊ MINH QUÂN	12/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	3.5	3.0	13	006111
3305	NGUYỄN THỊ THỦY	28/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	3.0	4.0	13	006126
3306	NGUYỄN TUẤN TÚ	17/09/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.3	1.8	7.0	13	008157
3307	BÙI KHÁNH LINH	13/05/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	4.5	2.0	13	015075
3308	TRẦN ĐỨC HẢI	25/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	4.0	3.0	13	015049
3309	ĐÀO KHẢI MINH	18/10/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	4.0	3.0	13	001127
3310	PHẠM TUẤN ANH	13/12/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.0	4.0	3.0	13	013012
3311	NGUYỄN TUẤN HẢI	18/12/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	3.0	5.0	13	008052
3312	LƯU THỊ HỒNG ÁNH	12/12/2011	6A3	THCS AN HƯNG	1.0	2.5	6.0	13	005030
3313	NGUYỄN QUANG PHÚC	27/12/2011	6A2	THCS AN HỒNG	0.5	5.5	1.0	13	004169
3314	NGUYỄN THỊ HÀ VY	17/08/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	0.5	5.0	2.0	13	013185
3315	NGUYỄN QUANG VINH	26/11/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	0.5	4.5	3.0	13	007343
3316	ĐOÀN MINH HIẾU	25/10/2011	6A4	THCS AN HƯNG	0.5	4.0	4.0	13	005076
3317	PHẠM THẢO TRANG	20/08/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.5	4.0	4.0	13	005209
3318	TRẦN NGỌC HOÀNG ANH	23/08/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	3.0	6.0	13	008015
3319	ĐỖ QUỐC THÀNH	23/12/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	0.0	5.0	3.0	13	013156
3320	NGUYỄN HẢI PHONG	12/09/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.8	2.0	3.3	12.8	002249
3321	PHẠM NGUYỄN KHẮC HIẾU	30/10/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.5	4.0	1.8	12.8	011061
3322	PHẠM ĐĂNG KHOA	28/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	1.5	3.5	2.8	12.8	011086
3323	TRẦN HẢI HUY	25/09/2011	6D4	THCS HỒNG PHONG	1.5	3.5	2.8	12.8	010085
3324	HÀ ÂN HẢI PHÚ	27/07/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.5	3.0	3.8	12.8	002253
3325	NGUYỄN VĂN HẠNH	22/04/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.5	4.5	2.8	12.8	014068
3326	ĐẶNG DIỆU LY	24/05/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	0.5	2.5	6.8	12.8	007166
3327	TRẦN HOÀNG HẢI	26/05/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	3.5	2.0	1.7	12.7	011051
3328	TRẦN NGUYỄN HIẾU	24/11/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	3.5	1.8	2.2	12.7	007101
3329	LƯU HẢI YẾN	06/05/2011	6A2	THCS AN HƯNG	2.0	3.0	2.7	12.7	005242
3330	HOÀNG THẢO NGUYÊN	20/10/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	3.0	5.2	12.7	009145

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3331	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	20/10/2011	6A4	THCS AN HƯNG	0.3	4.5	3.2	12.7	005055
3332	TRẦN HỮU NHÂN	27/03/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	2.5	2.5	2.6	12.6	007219
3333	PHAN THỊ BÍCH HOA	19/03/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	1.5	4.0	1.6	12.6	010071
3334	LƯƠNG TRÍ KHANG	19/07/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.5	3.3	3.0	12.6	005093
3335	MAI VĂN MINH	14/08/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	4.0	2.6	12.6	009121
3336	HÀ HẢI ANH	08/07/2011	6A3	THCS AN HOÀ	0.8	3.8	3.6	12.6	003001
3337	NGUYỄN THÙY LINH	07/11/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	0.5	4.0	3.6	12.6	016134
3338	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	24/05/2011	6A6	THCS AN HỒNG	0.0	5.0	2.6	12.6	004214
3339	TRỊNH MINH THƯ	05/04/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	5.0	2.6	12.6	011165
3340	ĐINH BẢO NAM	13/09/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	2.3	2.5	3.0	12.5	002227
3341	PHẠM QUỲNH THI	19/08/2010	6A4	THCS AN HOÀ	2.3	1.5	5.0	12.5	003203
3342	TRẦN MẠNH THUẬN	11/03/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	2.0	3.3	2.0	12.5	007286
3343	TRẦN TRUNG KIÊN	20/04/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.0	3.0	2.5	12.5	016115
3344	NGUYỄN MINH TRÍ	01/06/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	2.0	2.8	3.0	12.5	010220
3345	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	02/09/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	3.8	2.0	12.5	015107
3346	CAO ANH MINH	14/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.3	3.5	3.0	12.5	002211
3347	CAO VĂN ĐẠT	18/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	3.0	4.0	12.5	009054
3348	ĐỖ THÙY DUNG	30/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.5	6.0	12.5	009045
3349	VŨ TIẾN HẬU	16/03/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	0.3	5.0	2.0	12.5	007089
3350	LƯU HUYỀN TRANG	09/09/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.3	4.0	4.0	12.5	005208
3351	NGUYỄN HÀ MY	22/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.3	4.0	4.0	12.5	015091
3352	NGUYỄN NGỌC QUÂN	14/07/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.0	3.0	2.4	12.4	015121
3353	TRẦN ĐỨC MẠNH	24/01/2011	6D5	THCS HỒNG PHONG	1.8	3.5	1.8	12.4	010126
3354	VŨ THỊ THANH TÂM	07/03/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	3.0	3.4	12.4	006120
3355	NGÔ QUANG TRUNG	02/04/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.5	4.5	2.4	12.4	011172
3356	NGUYỄN ĐỨC TUÂN	12/02/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	0.5	4.0	3.4	12.4	013177
3357	BÙI ĐỨC ĐƯỢC	11/11/2011	6A5	THCS AN DƯƠNG	0.5	3.0	5.4	12.4	002099
3358	NGUYỄN CAO THÁI ANH	10/01/2011	6A4	THCS AN HOÀ	0.0	4.5	3.4	12.4	003008
3359	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	13/08/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.0	3.0	2.3	12.3	006032
3360	NGUYỄN BẢO LINH	06/08/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.3	3.8	2.2	12.3	005115

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3361	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	04/12/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.3	3.5	2.8	12.3	005072
3362	TRẦN LÃNH LONG NGỌC	30/11/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.3	1.8	4.2	12.2	002237
3363	TRẦN QUỐC BÌNH	07/12/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.8	2.7	12.2	016026
3364	NGUYỄN HOÀNG LONG	01/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	2.0	2.5	3.2	12.2	002199
3365	CHU ĐỨC CƯỜNG	13/04/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	4.5	1.2	12.2	004029
3366	TRƯƠNG TẮT DỪNG	10/10/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	4.5	1.2	12.2	004039
3367	ĐỖ HUY HOÀNG	04/03/2010	6A	THCS HỒNG THÁI	0.8	4.0	2.7	12.2	011069
3368	PHẠM THỊ THANH BÌNH	25/03/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	4.5	2.2	12.2	009031
3369	NGUYỄN QUANG MINH	24/09/2011	6A6	THCS AN HỒNG	0.0	5.0	2.2	12.2	004134
3370	PHẠM NGỌC THẢO VI	22/08/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.0	2.8	2.5	12.1	011183
3371	BÙI THANH TÙNG	26/06/2011	6D8	THCS ĐẠI BẢN	2.0	2.8	2.6	12.1	007332
3372	VŨ TIẾN PHƯƠNG	29/05/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.5	3.3	4.6	12.1	011147
3373	NGUYỄN SỬ YÊN	30/11/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	0.3	4.3	3.0	12.1	007349
3374	PHẠM MINH QUÂN	28/10/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	3.5	2.0	12	006112
3375	VŨ THỊ TRÀ MY	28/11/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.0	3.0	12	013118
3376	PHẠM ĐỨC HIẾU	28/01/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.5	3.0	3.0	12	013066
3377	NGUYỄN PHÚ DƯƠNG	07/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	2.0	5.0	12	008034
3378	KHÚC ĐÌNH ĐỨC	20/01/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	1.0	4.5	1.0	12	007076
3379	ĐẶNG ĐAN KHA	12/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	1.0	4.5	1.0	12	011081
3380	LÊ CÔNG MINH	11/12/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	1.0	3.5	3.0	12	001130
3381	LÊ ĐỨC TÀI	15/11/2011	6B	THCS LÊ LỢI	1.0	3.5	3.0	12	012088
3382	NGÔ GIA BẢO	27/03/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	3.5	3.0	12	015016
3383	NGUYỄN DUY HOÀNG	15/03/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	3.0	4.0	12	008058
3384	NGUYỄN ĐỨC KHANG	20/01/2011	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	3.0	4.0	12	013086
3385	VŨ KHẮC MINH HIẾU	31/08/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	3.0	4.0	12	008057
3386	NGUYỄN LÊ HẢI NAM	04/08/2010	6A6	THCS AN HOÀ	1.0	2.0	6.0	12	003141
3387	DƯƠNG ĐÌNH HOÀNG PHÚC	21/12/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	0.8	3.8	3.0	12	015110
3388	NGUYỄN PHƯƠNG CHI	04/09/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	0.5	4.5	2.0	12	015022
3389	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	18/06/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	0.5	4.0	3.0	12	013045
3390	LƯU ĐỨC ANH	21/09/2010	6B	THCS LÊ THIỆN	0.5	4.0	3.0	12	013004

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3391	NGUYỄN HỒNG THÁI	31/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	4.5	3.0	12	008131
3392	NGUYỄN VŨ GIA BẢO	26/01/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	2.8	2.0	2.4	11.9	015019
3393	PHAN MINH HIẾU	26/10/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.8	3.0	2.4	11.9	011060
3394	NGUYỄN MẠNH ĐỨC	04/10/2011	6A4	THCS NAM SƠN	1.5	3.3	2.4	11.9	014055
3395	PHẠM QUỲNH TRANG	04/08/2010	6D4	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.0	3.8	11.8	016252
3396	LÊ HOÀNG ANH	08/11/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.5	4.0	2.8	11.8	014007
3397	TRỊNH GIA BẢO	18/12/2011	6A2	THCS AN HƯNG	3.3	1.3	2.6	11.7	005034
3398	LÊ THỊ NHUNG	13/10/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	3.0	2.7	11.7	006103
3399	PHẠM QUANG HƯNG	09/01/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	2.8	3.2	11.7	009087
3400	HOÀNG ĐÌNH TIẾN	20/07/2011	6A5	THCS NAM SƠN	1.5	2.8	3.2	11.7	014223
3401	LÊ THỊ QUỲNH THƯƠNG	31/10/2011	6D4	THCS TÂN TIẾN	1.0	3.0	3.7	11.7	016242
3402	TRẦN MINH HIẾU	05/10/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	3.0	0.0	5.6	11.6	009077
3403	LƯU KHÁNH VÂN	24/07/2011	6A3	THCS NAM SƠN	2.3	2.8	1.6	11.6	014241
3404	VŨ HOÀNG TRUNG QUÂN	01/12/2011	6A2	THCS AN DƯƠNG	2.3	2.8	1.6	11.6	002269
3405	LÊ HOÀNG TUẤN	02/08/2011	6D3	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.0	1.6	11.6	010230
3406	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	04/04/2011	6D6	THCS HỒNG PHONG	2.0	3.0	1.6	11.6	010190
3407	PHẠM ĐỨC PHÚ	13/06/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	2.0	3.0	1.6	11.6	007238
3408	TRƯƠNG HẢI NAM	17/04/2008	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	5.8	0.0	0.0	11.5	008098
3409	BÙI QUANG HUY	17/02/2011	6A4	THCS AN HƯNG	2.8	1.8	2.4	11.5	005085
3410	NGUYỄN TRÍ BẢO	01/03/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	2.5	3.0	11.5	009029
3411	NGUYỄN VĂN ĐƯỢC	21/06/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	1.5	3.8	1.0	11.5	007073
3412	ĐINH THỊ THÙY THƯ	11/11/2010	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	2.5	3.5	11.5	006129
3413	VŨ THANH VÂN	05/04/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.3	5.0	11.5	016281
3414	NGUYỄN NHẬT MINH HẰNG	08/05/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.0	2.3	5.0	11.5	002124
3415	VŨ THỊ THÙY TRANG	29/07/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.8	3.0	4.0	11.5	005212
3416	VŨ DUY ANH	07/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.5	5.0	11.5	009024
3417	NGUYỄN TRUNG HIẾU	08/10/2011	6A2	THCS NAM SƠN	0.5	4.3	2.0	11.5	014077
3418	ĐỖ TRUNG KIÊN	28/01/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	4.3	3.0	11.5	008071
3419	LÊ HOÀNG NAM	01/09/2011	6A4	THCS AN HỒNG	1.0	4.0	1.4	11.4	004144
3420	NGUYỄN NGỌC MY	17/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.0	3.0	3.4	11.4	011113

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3421	ĐOÀN ĐỨC NGUYỄN	02/11/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.5	3.5	3.4	11.4	014167
3422	LƯƠNG KHÁNH NGỌC	31/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.0	2.0	3.3	11.3	006095
3423	ĐINH VIỆT QUỐC	22/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	2.0	4.8	11.3	009169
3424	NGUYỄN VĂN BẢO NGUYỄN	10/09/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	1.0	4.0	1.3	11.3	002241
3425	LÊ ĐỨC ANH	03/09/2011	6A1	THCS AN HỒNG	1.0	3.5	2.3	11.3	004012
3426	TRẦN ĐÌNH TRÚC	14/03/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.8	3.8	2.2	11.3	011173
3427	BÙI AN PHÚ	27/12/2011	6A5	THCS AN HỒNG	0.5	4.3	1.8	11.3	004166
3428	LƯU GIA QUỐC	30/09/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	3.0	2.2	11.2	006113
3429	ĐÀO TRỌNG HIẾU	17/11/2011	6A2	THCS AN HƯNG	1.0	3.5	2.2	11.2	005075
3430	CAO NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	14/04/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.5	4.2	11.2	009081
3431	MAI GIA PHONG	22/07/2011	6D6	THCS ĐẠI BẢN	2.5	2.3	1.6	11.1	007236
3432	VŨ THÀNH ĐẠT	23/01/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	2.0	2.0	3.0	11	007066
3433	NGUYỄN QUANG MINH	05/11/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	1.5	3.0	2.0	11	015090
3434	HOÀNG HẢI HẬU	16/09/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	2.8	2.5	11	006043
3435	NGUYỄN PHÚ SÁNG	15/12/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.5	2.5	3.0	11	008120
3436	ĐOÀN ĐÌNH QUỐC KHÁNH	13/10/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.5	2.0	4.0	11	009092
3437	ĐỖ CÔNG SƠN	12/11/2010	6A	THCS AN ĐỒNG	1.0	3.5	2.0	11	001193
3438	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	06/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.0	3.0	3.0	11	005186
3439	MAI HOA HỒNG NHUNG	25/12/2010	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.5	4.0	11	009155
3440	PHẠM ĐỨC VINH	30/03/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.0	2.5	4.0	11	005229
3441	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	21/09/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.8	2.8	4.0	11	002121
3442	TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	02/05/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	4.0	2.0	11	015101
3443	NGUYỄN THU HÀ	10/08/2011	6A	THCS QUỐC TUẤN	0.5	3.5	3.0	11	015047
3444	NGUYỄN GIA KIẾN	07/05/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	3.0	4.0	11	008072
3445	ĐẶNG GIA TRIỆU	01/05/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.3	3.0	4.5	11	005213
3446	NGUYỄN THANH THƯ	19/12/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.0	4.5	2.0	11	005200
3447	NGUYỄN BẢO AN	01/05/2011	6A5	THCS AN HƯNG	0.0	4.0	3.0	11	005003
3448	ĐỖ ĐÌNH ANH	07/06/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	2.5	6.0	11	008005
3449	PHẠM DUY MẠNH	15/09/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	1.8	3.0	1.4	10.9	007176
3450	NGUYỄN NAM DƯƠNG	24/05/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	2.0	2.5	1.8	10.8	016049

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3451	PHẠM THÙY DƯƠNG	13/08/2011	6A4	THCS AN HỒNG	2.0	2.3	2.3	10.8	004043
3452	TRẦN ĐỨC DUY	03/12/2011	6A2	THCS AN HỒNG	2.0	2.0	2.8	10.8	004034
3453	NGÔ ANH HÀO	26/03/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.8	2.8	1.8	10.8	014063
3454	BÙI THỊ MẾN	05/08/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	1.5	2.5	2.8	10.8	007177
3455	BÙI VĂN LÂM	21/01/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.0	3.0	2.8	10.8	004110
3456	BÙI TIẾN ĐẠT	25/06/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	0.8	2.8	3.8	10.8	009053
3457	NGUYỄN MINH QUÂN SỰ	17/08/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.5	4.0	1.8	10.8	005188
3458	LÊ TÀI TÙNG LÂM	05/10/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.5	3.0	3.8	10.8	005109
3459	NGUYỄN THỊ BẢO TRANG	01/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.5	2.3	3.2	10.7	015136
3460	ĐỖ NGỌC UYÊN	22/08/2011	6A5	THCS AN HƯNG	0.5	2.5	4.7	10.7	005224
3461	BÙI ĐÌNH GIA HIẾU	09/05/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	3.0	1.5	1.6	10.6	016071
3462	VŨ MINH ĐỨC	01/06/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.8	2.0	3.1	10.6	011045
3463	PHẠM TUẤN KHANG	10/04/2011	6A5	THCS AN HƯNG	1.5	2.3	3.0	10.6	005096
3464	BÙI ĐÌNH NAM	07/03/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	1.5	2.0	3.6	10.6	007191
3465	VŨ THẢO VY	20/06/2011	6A2	THCS NAM SƠN	0.3	3.8	2.6	10.6	014256
3466	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	17/06/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.3	1.5	5.0	10.5	008138
3467	HOÀNG ĐÌNH NGHĨA	23/10/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	0.8	3.5	2.0	10.5	007206
3468	BÙI THỊ PHƯƠNG THẢO	23/08/2011	6A1	THCS AN DƯƠNG	0.3	2.5	5.0	10.5	002285
3469	PHẠM QUỐC KHÁNH	01/11/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	1.3	4.4	10.4	009095
3470	NGUYỄN THU THỦY	18/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẮN	1.5	3.0	1.4	10.4	007287
3471	PHẠM NGỌC DIỆP	17/12/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	1.5	2.5	2.4	10.4	007052
3472	NGUYỄN VIỆT DŨNG	22/10/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.0	1.8	4.9	10.4	002074
3473	TRƯƠNG HẢI NAM	30/10/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.8	2.0	2.8	10.3	011119
3474	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	16/01/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.8	2.0	4.8	10.3	005088
3475	NGUYỄN TƯỜNG LÂM	11/12/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.3	4.0	1.8	10.3	002180
3476	NGUYỄN ANH ĐỨC	27/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.3	1.5	6.8	10.3	002103
3477	GONG CHÍNH	28/01/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	3.0	0.5	3.2	10.2	002060
3478	VŨ ĐỨC TRÍ	16/11/2011	6B	THCS BẮC SƠN	2.5	1.5	2.2	10.2	006138
3479	LÊ THỊ QUỲNH ANH	10/05/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.5	1.5	2.2	10.2	006009
3480	ĐOÀN NGỌC HÂN	12/02/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.5	1.5	4.2	10.2	011053

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3481	LƯƠNG THỊ MINH TÂM	25/07/2011	6D3	THCS ĐẠI BẢN	1.0	3.5	1.2	10.2	007265
3482	PHẠM KIM NGÂN	03/09/2011	6D7	THCS ĐẠI BẢN	1.0	3.0	2.2	10.2	007205
3483	PHẠM MAI GIA HUY	01/09/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.8	2.8	3.1	10.2	011070
3484	VŨ ĐỨC VĨ	07/11/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.5	3.5	2.2	10.2	005230
3485	BÙI NGUYỄN HẢI BÌNH	18/06/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	0.0	4.3	1.7	10.2	016024
3486	ĐINH TRUNG HIẾU	24/12/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.0	3.0	4.2	10.2	002128
3487	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	26/02/2011	6A4	THCS NAM SƠN	0.5	3.8	1.6	10.1	014051
3488	NGUYỄN THÀNH LONG	09/10/2011	6A3	THCS AN HƯNG	2.0	1.5	3.0	10	005120
3489	NGUYỄN LẬP PHƯỚC	05/06/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	1.8	3.0	10	009167
3490	VŨ TRUNG HIẾU	31/07/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	1.5	2.0	3.0	10	013069
3491	BÙI NGỌC ĐỨC	28/03/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	1.3	1.8	4.0	10	009060
3492	NGUYỄN THÀNH HIẾU	03/08/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	3.0	2.0	10	015054
3493	PHẠM THỊ THU HIỀN	22/09/2009	6C	THCS LÊ THIỆN	1.0	3.0	2.0	10	013063
3494	PHAN HẢI SƠN	22/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	3.5	2.0	10	009175
3495	TRƯƠNG THỤY KHANG	23/11/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	0.5	3.0	3.0	10	013088
3496	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	10/05/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.0	4.0	2.0	10	015092
3497	NGUYỄN VĂN TUYỀN	12/11/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	0.0	3.0	4.0	10	013179
3498	NGUYỄN SƠN HẢI	28/06/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	2.0	6.0	10	008051
3499	NGUYỄN HẢI ANH	16/10/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.5	2.8	3.4	9.9	002018
3500	LƯƠNG VĂN THẮNG	05/02/2011	6A3	THCS NAM SƠN	0.0	4.3	1.4	9.9	014215
3501	TRẦN GIA BẢO	29/10/2011	6A	THCS BẮC SƠN	2.0	1.5	2.8	9.8	006019
3502	ĐINH TIẾN ĐẠT	30/04/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	2.0	1.5	2.8	9.8	009055
3503	ĐINH NGỌC KHÁNH	13/02/2011	6A5	THCS AN HỒNG	1.0	2.5	2.8	9.8	004095
3504	LƯU MẠNH QUYẾT	05/10/2009	6D3	THCS TÂN TIẾN	0.0	2.0	5.8	9.8	016206
3505	ĐÀO MINH CHÂU	06/06/2011	6A1	THCS AN HƯNG	1.8	1.3	3.6	9.7	005037
3506	BÙI THỊ YẾN NHI	13/04/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	2.3	2.2	9.7	006096
3507	NGUYỄN THÀNH VINH	10/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	1.3	2.8	1.7	9.7	014247
3508	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/06/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	2.5	1.6	9.6	006119
3509	ĐINH NGỌC THÀNH CÔNG	21/07/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	2.0	3.6	9.6	009038
3510	VŨ BẢO LONG	30/04/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	0.5	3.0	2.6	9.6	013104

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3511	VŨ VĂN NGUYỄN	07/11/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.0	3.5	2.6	9.6	005155
3512	PHẠM THÀNH ĐẠT	05/01/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.8	1.0	4.0	9.5	009057
3513	LÊ VĂN TRUNG	01/05/2011	6B	THCS BẮC SƠN	1.5	2.0	2.5	9.5	006139
3514	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	03/07/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.3	2.5	2.0	9.5	015078
3515	NGUYỄN QUANG DŨNG	01/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.3	2.5	2.0	9.5	015033
3516	NGUYỄN MINH HIẾU	18/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.0	2.5	2.5	9.5	011059
3517	TRẦN LÊ KHÁNH VY	08/08/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	1.0	2.3	3.0	9.5	007347
3518	VŨ THỊ HỒNG ÁNH	08/12/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	0.8	2.5	3.0	9.5	011015
3519	NGUYỄN DUY TẤN PHÁT	05/07/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.8	2.0	4.0	9.5	015108
3520	NGUYỄN HẢI YẾN	11/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	3.3	2.0	9.5	015154
3521	ĐINH TUẤN ĐẠI	07/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	2.8	3.0	9.5	008039
3522	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	13/03/2011	6A6	THCS AN HƯNG	0.3	3.0	3.0	9.5	005206
3523	ĐỖ ĐỨC MẠNH	28/04/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.3	1.5	6.0	9.5	008092
3524	NGUYỄN HOÀNG ANH	20/04/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.3	3.8	1.4	9.4	002019
3525	VŨ TÙNG DƯƠNG	06/08/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.0	3.0	1.2	9.2	014050
3526	PHẠM XUÂN TRỌNG	01/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.5	3.3	1.6	9.2	011170
3527	TRẦN ĐỨC THẮNG	15/05/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.0	4.0	1.2	9.2	005195
3528	LƯU NGỌC HÀ	03/06/2011	6A6	THCS AN DƯƠNG	0.0	2.0	5.2	9.2	002110
3529	PHẠM THẾ THÀNH	16/11/2011	6D7	THCS ĐẠI BẮN	1.0	2.3	2.6	9.1	007269
3530	HOÀNG THỊ LIÊN	01/01/2011	6D6	THCS ĐẠI BẮN	1.0	2.5	2.0	9	007141
3531	ĐẶNG PHÚ CƯỜNG	14/03/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	2.0	3.0	9	001031
3532	NGUYỄN VĂN THÀNH	03/05/2010	6D5	THCS ĐẠI BẮN	1.0	2.0	3.0	9	007268
3533	VŨ NAM KHÁNH	25/12/2011	6A	THCS LÊ THIỆN	1.0	2.0	3.0	9	013092
3534	HOÀNG NGUYỄN MINH ĐĂNG	20/04/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	1.0	5.0	9	008045
3535	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	01/07/2010	6C	THCS HỒNG THÁI	0.8	3.0	1.5	9	011006
3536	BÙI LÊ QUỲNH ANH	14/08/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.5	2.5	3.0	9	009004
3537	NGUYỄN KIM ĐỊNH	29/12/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	2.5	3.0	9	015042
3538	TRẦN GIA PHÚC	06/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.0	4.0	1.0	9	011139
3539	NGÔ VĂN LƯỢNG	13/09/2010	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.0	3.5	2.0	9	015081
3540	NGUYỄN DUY KHÁNH	26/12/2011	6B	THCS LÊ THIỆN	0.0	3.0	3.0	9	013089

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3541	LÊ NGỌC KHÁNH VY	18/09/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.0	3.0	3.0	9	005233
3542	NGUYỄN TRẦN THU HƯƠNG	19/09/2011	6A6	THCS AN HƯNG	0.0	2.5	4.0	9	005091
3543	TÔ XUÂN THƯƠNG	13/01/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.0	2.5	4.0	9	005202
3544	ĐỖ DANH ĐẠT	16/03/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	2.8	8.8	016055
3545	BÙI THỊ THANH THẢO	04/11/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	2.8	8.8	016221
3546	ĐOÀN PHÚC HƯNG	20/07/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	0.5	3.0	1.8	8.8	011077
3547	NGUYỄN DUY BẢO	16/11/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.5	1.3	5.2	8.8	005033
3548	PHẠM VĂN PHÚ	20/11/2011	6A2	THCS NAM SƠN	0.0	3.3	2.2	8.7	014186
3549	NGUYỄN THANH NGÂN	05/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	2.5	1.6	8.6	011122
3550	TRẦN CHÍ KIỆT	21/10/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.5	2.3	3.0	8.6	005107
3551	LƯU THÙY LINH	01/07/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.0	2.5	3.6	8.6	005114
3552	TRẦN BẢO NAM	27/12/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.8	1.0	3.0	8.5	015098
3553	NGUYỄN THÀNH ĐẠI	11/09/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.5	2.0	1.5	8.5	016054
3554	TRẦN HẢI YẾN	09/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	2.8	1.0	8.5	015156
3555	PHẠM QUANG THẮNG	01/12/2011	6A2	THCS NAM SƠN	1.0	1.8	3.0	8.5	014217
3556	TRẦN LÊ ANH	08/06/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	1.8	3.0	8.5	009022
3557	BÙI VIẾT HẢI LÂM	10/08/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	1.0	1.3	4.0	8.5	008078
3558	KHÚC HẢI NGUYỄN	24/09/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.3	2.5	3.0	8.5	015103
3559	PHẠM THÀNH ĐẠT	02/03/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.0	1.8	5.0	8.5	008042
3560	NGUYỄN QUỐC TUẤN	05/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	0.5	2.5	2.4	8.4	007328
3561	LÊ NGỌC THƯƠNG	30/04/2010	6A5	THCS AN HỒNG	0.0	4.0	0.4	8.4	004210
3562	VŨ LÊ ĐÌNH PHÚC	11/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	3.0	2.4	8.4	011140
3563	NGUYỄN BẢO LINH	20/09/2011	6D5	THCS ĐẠI BẢN	1.3	1.5	2.8	8.3	007148
3564	NGUYỄN ĐÌNH QUẢNG	09/11/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.5	2.5	2.3	8.3	005174
3565	ĐỒNG XUÂN PHÚ	24/10/2011	6A6	THCS AN HỒNG	0.0	3.3	1.8	8.3	004167
3566	NGUYỄN TIẾN MINH	23/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	2.0	1.0	2.2	8.2	011105
3567	PHẠM VĂN KHÁNH	14/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	2.0	2.2	8.2	011083
3568	NGUYỄN HỮU HIẾU	07/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	1.0	2.0	2.2	8.2	013064
3569	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	17/09/2010	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.0	2.5	3.2	8.2	002077
3570	NGUYỄN THỊ THU	11/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.5	1.5	2.1	8.1	011163

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3571	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	26/02/2010	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	2.1	8.1	016178
3572	VŨ BÁ CHUNG KIÊN	12/12/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.5	3.1	8.1	011087
3573	BÙI TRUNG HIẾU	17/04/2011	6D8	THCS ĐẠI BẮN	2.0	1.0	2.0	8	007092
3574	BÙI TUẤN SƠN	15/05/2011	6C	THCS AN ĐỒNG	1.0	2.0	2.0	8	001192
3575	LÊ VĂN TÀI	17/09/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	1.0	2.0	2.0	8	001196
3576	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	07/04/2011	6B	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	4.0	8	001032
3577	QUẦN TUẤN ANH	24/11/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	2.5	2.0	8	015013
3578	VŨ THÀNH HÂN	15/07/2009	6B	THCS LÊ THIÊN	0.5	2.0	3.0	8	013059
3579	TRẦN QUỐC VIỆT	22/08/2011	6D4	THCS ĐẠI BẮN	0.5	2.0	3.0	8	007342
3580	TRẦN THỊ QUỲNH	31/10/2010	6A	THCS LÊ THIÊN	0.0	3.0	2.0	8	013150
3581	PHẠM THẾ KHANG	04/08/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	0.0	2.0	4.0	8	013087
3582	LƯƠNG NGỌC HUYỀN	01/12/2011	6B	THCS LÊ THIÊN	0.0	2.0	4.0	8	013078
3583	NGUYỄN HỒNG THÁI	30/01/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.5	1.3	2.4	7.9	002294
3584	ĐỖ ĐẶNG TRÌNH	19/02/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.5	2.9	7.9	011169
3585	PHẠM DUY HÙNG	29/05/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.5	2.5	1.8	7.8	011078
3586	TRẦN VĂN MINH	02/03/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.5	2.0	2.8	7.8	011108
3587	NGUYỄN ĐỨC DUY	15/04/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	1.0	2.0	1.7	7.7	016045
3588	PHẠM GIA KHIÊM	04/12/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.0	2.8	2.2	7.7	002172
3589	NGUYỄN HỮU TỈNH	01/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.0	1.5	2.6	7.6	002308
3590	TÔ THIÊN PHÚ	20/07/2011	6A4	THCS NAM SƠN	0.5	2.0	2.6	7.6	014187
3591	PHẠM THỊ HỒNG ANH	26/10/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	2.5	2.6	7.6	009020
3592	NGUYỄN TẮT BẢO CHÂU	04/10/2011	6A3	THCS AN DƯƠNG	0.5	2.3	2.0	7.5	002057
3593	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	17/02/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.3	2.0	3.0	7.5	015105
3594	NGUYỄN GIA HUY	05/12/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.3	1.5	4.0	7.5	015061
3595	LÊ TUẤN TỬ	15/11/2011	6A1	THCS AN HÙNG	0.0	2.3	3.0	7.5	005222
3596	TRẦN QUỐC KHÁNH	22/12/2011	6A1	THCS AN HÙNG	0.5	2.0	2.4	7.4	005101
3597	TRẦN CHÍ HIẾU	16/10/2010	6D4	THCS TÂN TIẾN	0.0	3.0	1.4	7.4	016080
3598	LƯU VĂN PHÚ SAO	24/09/2011	6A2	THCS AN HÙNG	0.0	2.0	3.4	7.4	005184
3599	NGUYỄN NAM KHÁNH	05/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.0	1.5	2.2	7.2	002164
3600	TRẦN QUỐC QUÂN	13/12/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.5	2.5	1.2	7.2	015123

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3601	VŨ DUY HIẾU	16/01/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	1.0	1.5	2.0	7	015055
3602	NGUYỄN TUẤN KIỆT	24/01/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	3.0	7	001109
3603	PHẠM VĂN HUY	03/03/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	1.0	1.0	3.0	7	008062
3604	HOÀNG VĂN TÙNG	30/12/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.5	2.0	2.0	7	008154
3605	NGUYỄN PHAN HOÀNG	08/11/2011	6D	THCS AN ĐỒNG	0.0	2.5	2.0	7	001083
3606	AN TRẦN KHÁNH NAM	23/08/2010	6E	THCS AN ĐỒNG	0.0	2.0	3.0	7	001141
3607	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	14/01/2011	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	1.5	4.0	7	008040
3608	BÙI NGỌC MINH CHÂU	02/07/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.0	2.0	2.9	6.9	011022
3609	VŨ DOÃN ANH MINH	04/07/2011	6A	THCS BẮC SƠN	1.5	0.5	2.8	6.8	006088
3610	ĐOÀN THÀNH TRUNG	15/05/2011	6D1	THCS HỒNG PHONG	1.5	0.0	3.8	6.8	010221
3611	PHẠM MINH ĐỨC	26/09/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.8	1.3	2.8	6.8	011043
3612	HOÀNG MẠNH TRUNG	30/01/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.5	2.0	1.8	6.8	011171
3613	HOÀNG ANH MINH	27/11/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	1.0	1.5	1.6	6.6	002214
3614	MAI TUẤN ANH	30/10/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	1.0	0.5	3.6	6.6	009014
3615	MAI MINH KHÁNH	17/08/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.3	1.8	2.6	6.6	014102
3616	MAI NAM KHÁNH	14/12/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.3	1.3	3.6	6.6	009093
3617	ĐỖ MINH TÂN	11/06/2011	6A	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.3	2.0	6.5	001197
3618	LƯU HỒNG QUÂN	12/04/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	0.5	2.0	1.5	6.5	016203
3619	NGUYỄN HẢI NAM	21/12/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.3	2.0	2.0	6.5	015096
3620	ĐOÀN THỊ ÁNH DƯƠNG	12/03/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.5	1.4	6.4	011036
3621	NGUYỄN THỊ THU THỦY	17/05/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	0.5	1.5	2.2	6.2	016237
3622	DƯƠNG VĂN ĐẠT	30/07/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	2.5	1.2	6.2	011038
3623	NGUYỄN ĐÌNH THANH	24/02/2011	6A2	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	2.2	6.2	005191
3624	TRẦN QUANG DUY	12/10/2010	6E	THCS AN ĐỒNG	1.0	1.0	2.0	6	001041
3625	VŨ XUÂN LƯƠNG	17/02/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.0	2.0	6	011097
3626	PHẠM VĂN DUY	26/07/2009	6B	THCS LÊ THIÊN	0.0	2.0	2.0	6	013031
3627	HỒ NHẬT MINH	30/06/2011	6D3	THCS TÂN TIẾN	0.0	2.0	2.0	6	016150
3628	HOÀNG ĐỨC HIẾU	27/01/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.0	1.8	2.5	6	014074
3629	ĐỖ CHÍ THANH	19/06/2011	6B	THCS LÊ LỢI	0.0	0.0	6.0	6	012091
3630	NGUYỄN TIẾN DŨNG	26/10/2010	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.8	2.4	5.9	011032

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3631	NGUYỄN THÀNH TRUNG	14/10/2010	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.0	1.8	2.4	5.9	015138
3632	NGUYỄN HOÀNG NAM	20/10/2011	6D3	THCS ĐẠI BẮN	1.0	0.5	2.8	5.8	007196
3633	PHẠM VĂN PHƯƠNG	31/05/2010	6A4	THCS NAM SƠN	0.8	1.3	1.8	5.8	014191
3634	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	1.0	1.0	1.7	5.7	011094
3635	LÊ QUỐC TUẤN KIỆT	13/10/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.8	1.0	2.2	5.7	014109
3636	PHẠM HỮU BẢO THIÊN	13/08/2010	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.0	2.3	1.2	5.7	002296
3637	NGUYỄN BẢO LONG	10/09/2011	6A3	THCS NAM SƠN	1.0	1.0	1.6	5.6	014129
3638	TRẦN MẠNH TRƯỜNG	22/08/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.5	1.0	2.6	5.6	015140
3639	ĐOÀN ĐỨC TOÀN	09/05/2011	6A1	THCS AN HƯNG	0.0	2.0	1.6	5.6	005205
3640	ĐOÀN PHÚC HƯNG	24/09/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.0	1.8	2.0	5.6	005089
3641	NGUYỄN HỮU LÂM TÙNG	03/06/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	3.6	5.6	011176
3642	PHẠM THẾ HÙNG	14/12/2011	6D2	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	1.0	3.6	5.6	009084
3643	LƯU VĂN CHƯỜNG	26/07/2011	6A5	THCS AN HOÀ	0.8	0.5	3.0	5.5	003033
3644	NGUYỄN BÍCH NGỌC	01/09/2011	6D1	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	1.3	3.0	5.5	009137
3645	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG LÂM	17/01/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.5	1.5	1.4	5.4	002179
3646	NGUYỄN MẠNH HIẾU	11/01/2011	6A1	THCS NAM SƠN	0.0	1.5	2.4	5.4	014076
3647	VŨ HOÀNG ĐẠT	22/04/2011	6C	THCS HỒNG THÁI	0.3	1.5	1.6	5.1	011041
3648	LÊ QUANG ĐỨC	20/10/2011	6A	THCS LÊ THIÊN	0.5	1.0	2.0	5	013052
3649	NGUYỄN VĂN SÁNG	07/04/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯƠNG	0.0	0.0	5.0	5	008121
3650	VŨ THÁI DƯƠNG	20/08/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.0	1.8	1.2	4.7	002090
3651	LÊ QUANG TÙNG	24/11/2011	6D1	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.0	2.7	4.7	016271
3652	NGUYỄN HÀ NAM CHÂU	13/09/2011	6D4	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.5	3.6	4.6	009032
3653	NGUYỄN QUỐC ANH	24/11/2011	6A4	THCS AN DƯƠNG	0.3	1.5	1.0	4.5	002022
3654	NGUYỄN KIM NAM	28/07/2011	6C	THCS QUỐC TUẤN	0.3	1.0	2.0	4.5	015097
3655	NGUYỄN HOÀN KIM NGỌC	15/12/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN	0.0	1.5	1.5	4.5	016173
3656	NGUYỄN TRẦN HIẾU KIỆT	23/11/2011	6A4	THCS NAM SƠN	0.0	1.3	1.6	4.1	014110
3657	ĐỖ KHẮC VIỆT	27/09/2011	6E	THCS AN ĐỒNG	0.0	1.0	2.0	4	001237
3658	NGUYỄN XUÂN SANG	15/05/2011	6A	THCS HỒNG THÁI	0.0	1.0	2.0	4	011152
3659	PHẠM DUY HOÀN	30/10/2011	6A3	THCS AN HƯNG	0.0	1.0	2.0	4	005081
3660	LƯU HOÀNG ANH	10/12/2010	6A5	THCS AN HOÀ	0.0	0.0	3.6	3.6	003005

BẢNG GHI ĐIỂM THI
(Theo thứ tự nhỏ dần)

THỨ TỰ TOÀN HUYỆN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	TRƯỜNG	ĐIỂM THI				SỐ BD
					TOÁN	VĂN	ANH	TỔNG	
3661	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	25/10/2011	6B	THCS QUỐC TUẤN	0.0	0.8	2.0	3.5	015142
3662	ĐỖ DUY HÙNG	15/01/2011	6D5	THCS ĐỒNG THÁI	0.0	0.0	3.2	3.2	009085
3663	PHẠM HẢI MINH	28/09/2010	6D	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	0.0	3.0	3	008096
3664	ĐOÀN DUY KHÁNH	09/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI	0.0	0.5	1.2	2.2	011082
3665	NGUYỄN XUÂN TÀI	17/10/2011	6C	THCS ĐẶNG CƯỜNG	0.0	0.0	2.0	2	008124
3666	ĐOÀN TRẦN NGÂN PHƯƠNG	19/02/2011	6A	THCS LÊ LỢI	0.0	0.0	0.0	0	012079
3667	VŨ HẢI ĐĂNG	23/09/2011	6A2	THCS AN HÙNG	0.0	0.0	0.0	0	005064
3668	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	20/09/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG	8.0		8.0		008047
3669	HÀ PHƯƠNG VY	10/01/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG	4.0		9.0		008165
3670	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	27/12/2011	6A4	THCS AN HOÀ	1.0		4.0		003212
3671	NGUYỄN MINH NHẬT	15/11/2011	6A	THCS ĐẶNG CƯỜNG		5.0	3.0		008104
3672	ĐÀO THỊ HUYỀN	28/01/2011	6D	THCS HỒNG THÁI		3.5	2.0		011073
3673	VŨ TRUNG HIẾU	04/12/2011	6D	THCS HỒNG THÁI		3.0	1.8		011063
3674	NGUYỄN HOÀNG TRUNG ĐỨC	19/10/2010	6C	THCS HỒNG THÁI		1.5	1.2		011042
3675	BÙI PHÚC THỊNH	02/01/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG		0.0	0.0		008110
3676	NGUYỄN NGỌC PHÚC	09/02/2011	6B	THCS ĐẶNG CƯỜNG		0.0	0.0		008109
3677	VŨ ĐÌNH LÂN	19/04/2011	6D2	THCS TÂN TIẾN					016125
3678	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	31/10/2011	6C	THCS LÊ THIỆN			0.0		013008
3679	TRƯƠNG THỊ THÚY VÂN	03/12/2011	6A	THCS LÊ THIỆN			0.0		013180
3680	LÊ VĂN MẠNH	29/10/2009	6B	THCS BẮC SƠN			0.0		006082